



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

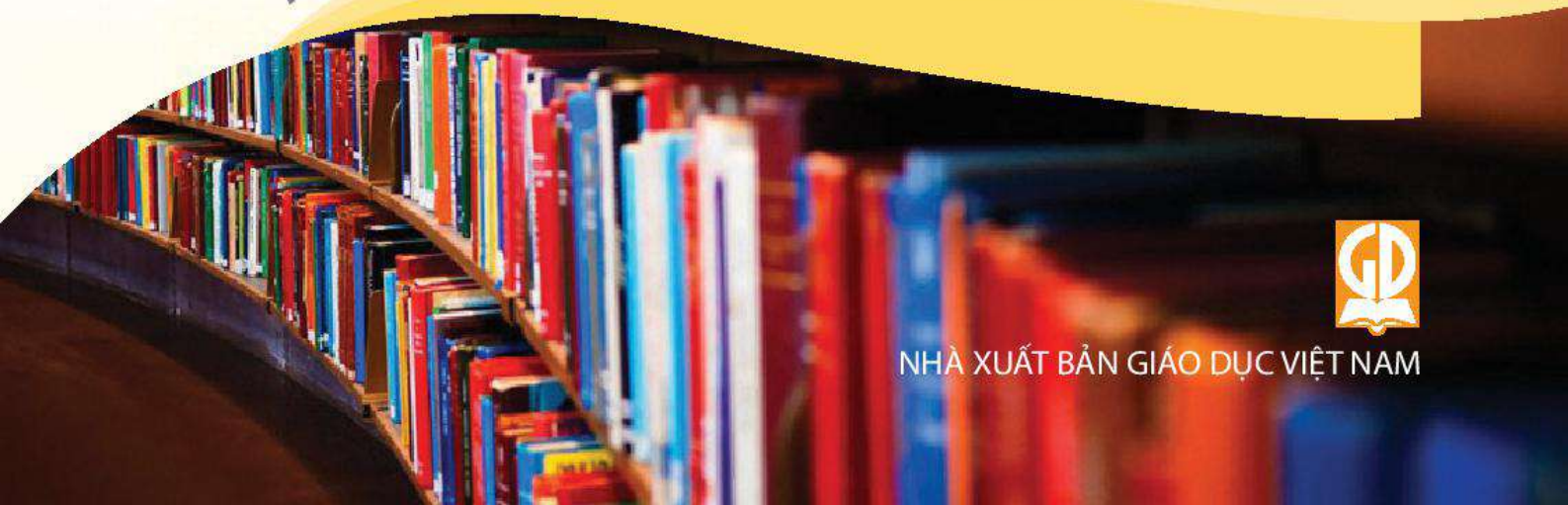
TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA môn **NGỮ VĂN**

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP

7

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

CNTT: công nghệ thông tin

GV: giáo viên

HS: học sinh

NXBGDVN: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

SBT: sách bài tập

SGK: sách giáo khoa

SGV: sách giáo viên

THCS: Trung học cơ sở

VB: văn bản



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Phần một. HƯỚNG DẪN CHUNG	5
1. Giới thiệu khái quát về sách giáo khoa <i>Ngữ văn 7</i>	5
2. Phân tích cấu trúc sách	9
3. Phương pháp dạy học.....	20
4. Hướng dẫn đánh giá kết quả giáo dục	25
5. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử của NXBGDVN	28
6. Khai thác thiết bị và học liệu trong dạy học	32
7. Một số lưu ý trong việc lập kế hoạch dạy học SGK <i>Ngữ văn 7</i>	33
 Phần hai. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC	 35
1. Hướng dẫn tổ chức dạy học đọc	35
2. Hướng dẫn tổ chức dạy học thực hành tiếng Việt.....	48
3. Hướng dẫn tổ chức dạy học viết.....	50
4. Hướng dẫn tổ chức dạy học nói và nghe	59
 Phần ba. CÁC NỘI DUNG KHÁC	 63
1. Hướng dẫn sử dụng SGK <i>Ngữ văn 7</i>	63
2. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo của NXBGDVN.....	64
3. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy.....	65

1 GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 7**1.1. Quan điểm biên soạn**

Quan điểm biên soạn sách giáo khoa (SGK) *Ngữ văn 7* hoàn toàn thống nhất với quan điểm biên soạn SGK *Ngữ văn* cấp Trung học cơ sở (THCS) và Trung học phổ thông (THPT) thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* nói chung, cụ thể là:

– SGK mới cần được biên soạn theo mô hình SGK phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe, học sinh (HS) được phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học và các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đồng thời, SGK cũng cần chú trọng bồi dưỡng cho HS các phẩm chất chủ yếu được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, đặc biệt là những phẩm chất gắn với đặc thù của môn *Ngữ văn* như: lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu quê hương, đất nước.

– SGK mới cần tăng cường tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe trong cùng một bài học; tích hợp kiến thức ngôn ngữ và kiến thức văn học với hoạt động đọc, viết, nói và nghe; tích hợp kiến thức ngôn ngữ, văn học với kiến thức về văn hoá, khoa học, nghệ thuật, bảo đảm mục tiêu phát triển hiệu quả các năng lực và phẩm chất của người học.

– SGK mới cần lựa chọn hệ thống ngữ liệu thực sự phù hợp với vốn sống, trải nghiệm và tâm lí tiếp nhận của HS, có giá trị thẩm mĩ cao và có ý nghĩa giáo dục lâu dài. Bên cạnh việc đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình, ngữ liệu trong SGK *Ngữ văn 7* cần chú ý đến việc giúp HS có cái nhìn tương đối toàn diện về những thành tựu lớn của văn học Việt Nam và văn học thế giới. Nguyên tắc này được đặt ra từ SGK cấp THCS và sẽ được chú ý hơn ở cấp THPT. Tuy vậy, sách không nhất thiết phải dạy đầy đủ các tác phẩm lớn qua các giai đoạn của lịch sử văn học như SGK theo mô hình truyền thống vốn chú trọng cung cấp kiến thức văn học sử.

– SGK mới cần trình bày tường minh các yêu cầu cần đạt và hướng dẫn các hoạt động một cách cụ thể, hệ thống nhằm phát huy tốt nhất khả năng tự học của HS. Đồng thời sách cần bảo đảm tính “mở”, khơi gợi được khả năng sáng tạo của người sử dụng.

Kinh nghiệm biên soạn SGK, kết quả nghiên cứu và thực tiễn triển khai dạy học đọc, viết, nói, nghe cũng như dạy học ngôn ngữ ở các nước phát triển trong khoảng nửa thế kỉ qua và ở Việt Nam trong gần 20 năm gần đây cho thấy quan điểm biên soạn SGK được trình bày vắn tắt trên đây thể hiện cách tiếp cận có nhiều ưu thế so với mô hình SGK truyền thống. Tất cả đều khiến cho SGK mới có thể giúp giáo viên (GV) và HS thấy hứng thú khi dạy, học môn *Ngữ văn* và có động lực thực hiện mục tiêu của môn học một cách hiệu quả.

1.2. Những điểm mới cơ bản của SGK *Ngữ văn 7*

SGK *Ngữ văn 7* hiện thực hoá quan điểm biên soạn SGK đã nêu ở trên. Những điểm

mới của *Ngữ văn 6* cũng được tiếp tục thể hiện trong *Ngữ văn 7*.

a. Các bài học được sắp xếp theo cách lồng ghép hệ thống loại, thể loại VB với hệ thống chủ đề

Ngữ văn 7 gồm có 10 bài học. Tên bài gợi lên chủ đề của bài học. Mỗi bài học thường có 2 văn bản (VB) đọc (VB 1 và VB 2) thuộc loại, thể loại VB chính của bài đó, cụ thể: bài 1. *Bầu trời tuổi thơ* (thể loại chính: truyện), bài 2. *Khúc nhạc tâm hồn* (thể loại chính: thơ), bài 3. *Cội nguồn yêu thương* (thể loại chính: truyện), bài 4. *Giai điệu đất nước* (thể loại chính: thơ), bài 5. *Màu sắc trăm miền* (thể loại chính: tùy bút, tản văn), bài 6. *Bài học cuộc sống* (thể loại chính: truyện ngụ ngôn, tục ngữ), bài 7. *Thế giới viễn tưởng* (thể loại chính: truyện khoa học viễn tưởng), bài 8. *Trải nghiệm để trưởng thành* (loại VB chính: VB nghị luận), bài 9. *Hoà điệu với tự nhiên* (loại VB chính: VB thông tin). Ngoài các VB đọc thuộc loại, thể loại VB chính, mỗi bài còn có một VB kết nối về chủ đề, tức có nội dung gần gũi với các VB trước đó, nhưng khác về loại, thể loại.

Hệ thống loại, thể loại VB giúp HS nắm được “mã thể loại” nhằm phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe một cách hiệu quả. Còn hệ thống chủ đề tạo sự kết nối về nội dung giữa các VB trong một bài và giữa các bài, phục vụ đắc lực cho mục tiêu phát triển vốn sống, trải nghiệm của HS ở độ tuổi lớp 7 nói riêng và THCS nói chung, góp phần bồi dưỡng tình cảm, phẩm chất cho người học.

Cùng với những phẩm chất và năng lực đặc thù, *Ngữ văn 7* còn hướng tới mục tiêu phát triển năng lực chung cho HS. Tất cả các bài học đều có nội dung kết nối với cuộc sống, đặt ra những vấn đề đòi hỏi HS phải bộc lộ chủ kiến, biết suy nghĩ, tìm tòi các giải pháp giải quyết vấn đề phù hợp với khả năng của các em. Các hoạt động được thiết kế trong từng bài học giúp HS phát triển tốt khả năng tự học, tạo điều kiện cho HS trao đổi nhóm, thảo luận và trình bày ý kiến, cảm xúc một cách cởi mở. Như vậy, không chỉ các phẩm chất và năng lực đặc thù mà các năng lực chung của HS cũng được phát triển hài hoà trong quá trình học tập.

b. Mỗi bài học được thiết kế theo mạch các hoạt động đọc, viết, nói và nghe

Trong mỗi bài học, các hoạt động đọc, viết, nói và nghe được thiết kế liền mạch và kết nối chặt chẽ với nhau. Bắt đầu bằng việc đọc và từ đặc điểm của loại, thể loại VB đọc cũng như từ cách huy động vốn sống, trải nghiệm mà HS có được, *Ngữ văn 7* thiết kế hoạt động viết theo một quy trình cụ thể và chặt chẽ. Hoạt động nói và nghe được tổ chức trên cơ sở sản phẩm của hoạt động viết hoặc đọc.

Trong phần mở đầu của mỗi bài học, *Ngữ văn 7* thiết kế mục *Tri thức ngữ văn* nhằm giúp HS có được những tri thức công cụ hữu ích về văn học và tiếng Việt để đọc hiểu theo đặc điểm, yêu cầu đối với mỗi loại, thể loại VB và nhận biết, phân tích được những điểm nổi bật về ngôn ngữ của VB. Đối với mỗi VB, HS thực hiện hoạt động đọc gồm 3 bước: trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc. *Trước khi đọc* có mục tiêu giúp HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc nhằm chuẩn bị tiếp cận VB đọc với tư cách một người đọc chủ động và tích cực. *Trong khi đọc* gợi ý về các chiến lược đọc phù hợp đối với từng VB cụ thể như *theo dõi, hình dung, dự đoán, suy luận,...* giúp HS biết vận dụng những thao tác tư duy

phù hợp trong quá trình đọc để nắm bắt được những thông tin quan trọng về hình thức và nội dung của VB, làm cơ sở để giải quyết nhiệm vụ sau khi đọc. *Sau khi đọc* gồm các câu hỏi, yêu cầu được phân chia theo từng cấp độ nhận thức, từ *nhận biết* đến *phân tích*, *suy luận* và *đánh giá*, *vận dụng*. Những câu hỏi, yêu cầu này không chỉ hướng dẫn HS khám phá chính VB vừa đọc mà còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực đọc nói chung, thông qua việc giúp các em định hình cách đọc VB thuộc một loại, thể loại VB.

Trong *Ngữ văn 7*, hoạt động viết được thực hiện ở 2 phần: *Viết kết nối với đọc* và *Viết bài theo kiểu loại VB*. *Viết kết nối với đọc* được đặt ngay sau các câu hỏi và yêu cầu đọc hiểu mỗi VB đọc chính trong bài. Phần này chỉ yêu cầu HS viết những đoạn văn ngắn có nội dung được gợi ra từ VB mà các em vừa đọc. *Viết bài theo kiểu loại VB* là một nội dung quan trọng của bài học, gồm các chỉ dẫn cụ thể về quy trình viết các kiểu loại VB theo yêu cầu của Chương trình. Quy trình này được thiết kế chi tiết, hướng dẫn HS thực hiện từng bước để đạt đến sản phẩm cuối cùng: xác định kiểu VB viết và các yêu cầu đối với kiểu VB đó; phân tích bài viết tham khảo; triển khai viết theo các bước: lựa chọn đề tài, xác định mục đích viết và người đọc, tìm ý và lập dàn ý, viết bài, kiểm tra và chỉnh sửa bài viết. Các bước xử lý thông tin, phân tích ý tưởng, vận dụng ngôn ngữ để truyền đạt thông tin, biểu đạt ý tưởng và tổ chức ngôn ngữ theo đặc trưng kiểu bài viết cụ thể đều được trình bày rõ ràng để HS có thể thực hành theo hướng dẫn. Việc thực hành viết tuân thủ các yêu cầu đối với từng kiểu loại VB và dựa trên bài viết tham khảo sẽ giúp HS nắm vững mô hình VB viết và hình dung được cụ thể mô hình đó qua một VB cụ thể, tránh được lối viết tùy tiện. Tuy vậy, cách dạy viết này hoàn toàn khác với dạy viết “theo văn mẫu” thường bị chỉ trích lâu nay. Trong phần hướng dẫn viết, *Ngữ văn 7* định hướng cho HS khi đọc bài viết tham khảo, cần đặc biệt chú ý phương diện cấu trúc hay cách tổ chức nội dung và hình thức của bài viết đó, còn đề tài của bài viết mà các em phải thực hiện thì chính các em phải tự tìm (theo một số gợi ý), theo đó, chất liệu, ý tưởng của bài viết phải của chính các em chứ không phải là sản phẩm vay mượn, sao chép từ nơi nào khác.

Một số bài viết tham khảo có liên quan đến VB đọc (tóm tắt một VB, viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ, viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học), các tác giả chủ trương chọn VB đọc một cách linh hoạt và ưu tiên dùng VB đã học ở lớp 6, hạn chế dùng VB đang học ở lớp 7. Chọn VB theo cách này có những lợi thế sau: 1) Dùng ngữ liệu quen thuộc để HS không phải mất thêm công đoạn đọc hiểu mà có thể tập trung vào việc tìm hiểu cách thức để tóm tắt VB, viết đoạn văn ghi lại cảm xúc hay viết bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học; 2) Nếu dùng VB đang học ở lớp 7 thì HS có thể đọc bài viết tham khảo để “nói dựa” về các VB mà các em phải tự đọc hiểu. Ở *Ngữ văn 6* có một bài viết tham khảo dùng bài thơ *Mây và sóng* của Ta-go (VB trong cùng lớp 6) vì không thể dùng VB đã học ở Tiểu học. Ở *Ngữ văn 7* có một bài viết tham khảo dùng bài thơ *Đồng dao mùa xuân* (VB trong cùng lớp 7) vì khả năng chọn bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ ở lớp 6 rất hạn chế. Trên nguyên tắc, có thể dùng một VB mới hoàn toàn (không có trong SGK) để biên soạn bài viết tham khảo nhưng nếu như vậy thì sẽ gây khó khăn nhiều hơn cho HS, trừ khi đó là một VB phổ biến và đơn giản.

Hoạt động nói và nghe tập trung vào việc trình bày một nội dung dựa trên kết quả của hoạt động viết hoặc đọc. Bằng cách đó, HS được nói và nghe, thảo luận, trao đổi và tương tác trên cơ sở những gì mình đã chuẩn bị từ bài viết hoặc trên cơ sở ý tưởng, thông tin từ VB đọc. *Ngữ văn 7* thiết kế các hoạt động nói và nghe theo một quy trình tỉ mỉ và chặt chẽ. Sách đặt ra yêu cầu HS phải xác định được mục đích nói và người tiếp nhận, phải tuân thủ các bước từ chuẩn bị nội dung nói, tập luyện đến trình bày bài nói và trao đổi, đánh giá bài nói.

c. Các đơn vị kiến thức về văn học, tiếng Việt được lồng ghép linh hoạt, tự nhiên vào những nội dung hướng dẫn hoạt động; không triển khai thành những bài học độc lập, riêng biệt

Các kiến thức này được trình bày trong *Tri thức ngữ văn* và được dạy học tích hợp với hoạt động đọc hiểu VB. Đó là những kiến thức cơ bản, thiết yếu được lựa chọn và trình bày theo yêu cầu đọc hiểu được quy định trong Chương trình, chứ không nhằm cung cấp kiến thức lí thuyết theo lô-gíc của các lĩnh vực khoa học có liên quan. Phần kiến thức văn học, kiến thức về các loại VB phi hư cấu trong *Tri thức ngữ văn* trang bị cho HS công cụ để thông qua việc đọc hiểu các VB cụ thể mà nắm được “mã thể loại”, “mô hình đọc hiểu”, nhờ đó đọc được các VB tương tự cùng thể loại. Nếu mục tiêu dạy học chủ yếu là giúp HS đọc hiểu nội dung của từng VB cụ thể trong SGK thì không nhất thiết phải đặt ra yêu cầu cung cấp những kiến thức như vậy. Do là kiến thức công cụ để đọc hiểu VB theo loại, thể loại nên HS cần phải tìm hiểu trước khi đọc VB.

Về kiến thức tiếng Việt, tuy các định nghĩa, giải thích khái niệm được đặt trong *Tri thức ngữ văn* (đầu bài học) để bảo đảm tính hệ thống của tri thức ngữ văn, nhưng việc dạy học kiến thức tiếng Việt được tiến hành ở *Thực hành tiếng Việt*. Phần này sắp xếp sau các bài đọc hiểu VB giúp HS vận dụng các kiến thức tiếng Việt (được hình thành ngay trong tiết thực hành tiếng Việt hoặc đã được học trước đó) để nhận biết và phân tích tác dụng của việc sử dụng ngôn ngữ trong biểu đạt ý nghĩa, qua đó có thể hiểu VB tốt hơn. Đồng thời, HS cũng có thể vận dụng các kiến thức tiếng Việt đó để viết, từ viết đoạn ngắn đến viết một VB trọn vẹn. Việc đặt *Thực hành tiếng Việt* sau hoạt động đọc, tiếp theo đó là viết, nói và nghe về những vấn đề được gợi ra từ VB đọc, cho thấy rõ định hướng tổ chức dạy học tiếng Việt của *Ngữ văn 7* nhất quán theo quan điểm dạy học ngôn ngữ bám sát ngữ cảnh (Teaching language in context) nhưng vẫn bảo đảm tính hệ thống tương đối của kiến thức ngôn ngữ. Đó cũng là cách dạy học ngôn ngữ trong môn Ngữ văn mà các nước phát triển đã áp dụng từ nhiều thập kỉ qua.

Ngoài những kiến thức tiếng Việt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn lớp 7, *Ngữ văn 7* còn tạo cơ hội cho HS được vận dụng kiến thức tiếng Việt đã học ở các lớp trước để thực hành và phát triển kĩ năng ngôn ngữ. Kiến thức tiếng Việt nào được vận dụng để hoàn thành bài tập, dù là kiến thức mới hay được ôn lại, đều do ngữ liệu thực tế chính là VB đọc quy định. Điểm cần nhấn mạnh thêm là *Ngữ văn 7* có thiết kế phần “nhận biết” (với cách đặt tên tương đối linh hoạt, không cứng nhắc) được đặt trong khung bên phải các trang sách có bài tập thực hành tiếng Việt liên quan

đến kiến thức mới. Nhờ vậy, HS không chỉ được cung cấp khái niệm mà trước khi thực hành, các em còn được GV hướng dẫn vận dụng hiểu biết về khái niệm được cung cấp để nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ qua ngữ liệu thực tế. Nếu không có phần “nhận biết” có tính chuyển tiếp này, chắc hẳn HS sẽ gặp khó khăn vì chỉ mới nắm được khái niệm thì rất khó có thể tự hoàn thành được bài tập.

d. Hệ thống ngữ liệu trong *Ngữ văn 7* phù hợp với vốn sống, trải nghiệm và tâm lý tiếp nhận của HS, có giá trị thẩm mỹ cao và có ý nghĩa giáo dục lâu dài

Bên cạnh việc đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình, ngữ liệu trong SGK *Ngữ văn 7* còn chú ý đến việc giúp HS có cái nhìn tương đối toàn diện về những thành tựu lớn của văn học Việt Nam và văn học thế giới. *Ngữ văn 7* một mặt kế thừa một số ngữ liệu ở SGK *Ngữ văn* thuộc Chương trình giáo dục phổ thông năm 2006 và trước đó, mặt khác bổ sung nhiều VB tươi mới, đáp ứng yêu cầu giáo dục của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Cùng với những VB đã quen thuộc trong SGK *Ngữ văn* lâu nay như *Đèo cày giữa đường* (truyện ngụ ngôn), *Ếch ngồi đáy giếng* (truyện ngụ ngôn), *Quê hương* (Tế Hanh), *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải), *Trong lòng mẹ* (trích *Những ngày thơ ấu*, Nguyên Hồng), *Nói với con* (Y Phương),..., trong quá trình học *Ngữ văn 7*, HS sẽ được tiếp cận với nhiều VB lần đầu tiên được đưa vào SGK như *Bầy chim chìa vôi* (Nguyễn Quang Thiều), *Đồng dao mùa xuân* (Nguyễn Khoa Điềm), *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần), *Hãy cầm lấy và đọc* (Huỳnh Như Phương), *Thủy tiên tháng Một* (Thơ-mát L. Phrít-man),...

e. Mục tiêu phát triển kỹ năng tự đọc sách của HS được đặc biệt chú trọng

Song song với hoạt động đọc mở rộng theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn *Ngữ văn* năm 2018, *Ngữ văn 7* thiết kế mục *Thực hành đọc* sau phần *Củng cố, mở rộng* của mỗi bài học. *Thực hành đọc* cung cấp VB cùng loại, thể loại và chủ đề với những VB đọc chính trong bài để HS có cơ hội vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào việc đọc một VB mới. Trước mỗi VB thực hành đọc có một số gợi ý, hướng dẫn. GV có thể kiểm tra kết quả thực hành đọc của HS trong các tiết *Đọc mở rộng* được tổ chức ở lớp. Qua nhiều lần thực hành đọc ở các bài, HS dần tạo được cho mình tư cách, vị thế của một người đọc độc lập. Đặc biệt, bài 10. *Trang sách và cuộc sống* được thiết kế dưới hình thức dự án đọc sách, dành thời gian để HS có thể đọc các tác phẩm tự chọn, viết, vẽ sáng tạo, giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách, trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách. Hoạt động học tập môn *Ngữ văn* được đa dạng hoá, trở nên sinh động và hấp dẫn hơn, qua đó HS có thể bộc lộ, phát triển cá tính, sở trường một cách tích cực.

2 PHÂN TÍCH CẤU TRÚC SÁCH

2.1. Phân tích ma trận nội dung

Tương tự SGK *Ngữ văn 6*, nội dung *Ngữ văn 7* được thiết kế trước hết xuất phát từ yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn *Ngữ văn*

năm 2018. Các yêu cầu cần đạt này là cơ sở để xây dựng yêu cầu cần đạt của mỗi bài học. Đến lượt mình, yêu cầu cần đạt của mỗi bài học quy định tất cả nội dung dạy học trong SGK. *Ngữ văn 7* được tổ chức thành 2 tập, tập một dành cho học kì I (18 tuần, trung bình mỗi tuần 4 tiết), tập hai dành cho học kì II (17 tuần, trung bình mỗi tuần 4 tiết). Tiếp nối *Ngữ văn 6*, các bài học trong *Ngữ văn 7* vẫn được tổ chức theo cách lồng ghép hệ thống loại, thể loại VB với hệ thống chủ đề.

Tên bài giúp HS định hướng chủ đề của bài học. Cốt lõi của các bài học trong *Ngữ văn 7* vẫn là đọc, viết, nói và nghe theo loại, thể loại VB nhưng các VB trong mỗi bài học còn được kết nối theo chủ đề nhằm bảo đảm mục tiêu vừa phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho HS, vừa khơi gợi được trải nghiệm và hứng thú tiếp nhận của các em. Như vậy, tuy tên các bài học gắn với nội dung, nhưng các VB được lựa chọn và cách khai thác thì không chỉ dựa vào nội dung mà còn căn cứ vào đặc điểm loại, thể loại VB. Các loại, thể loại VB được phân bố đan xen để bảo đảm HS không phải học một loại, thể loại VB trong hai bài liên tục. Tỷ lệ các bài học cho mỗi loại, thể loại VB cũng được tính toán kĩ, trong đó truyện chiếm tỉ lệ lớn hơn cả: gần 4/9 bài, trong đó có 1 bài vừa dành cho truyện ngụ ngôn và vừa dành cho tục ngữ (không tính bài 10 có tính chất tổng hợp về loại, thể loại VB); sau đó là thơ: 2/9 bài; tùy bút, tản văn: 1/9 bài; VB nghị luận: 1/9 bài (nghị luận xã hội) và một phần của bài 10 (nghị luận văn học); VB thông tin: 1/9 bài. Tỷ lệ các loại, thể loại VB được phân bố như vậy vừa đáp ứng được yêu cầu của chương trình vừa phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS lớp 7.

Ngoài các bài học chính, mỗi học kì có một số tiết dành riêng cho việc đọc mở rộng theo yêu cầu của Chương trình. *Đọc mở rộng* là hoạt động HS tự tìm kiếm sách, báo để đọc. SGK *Ngữ văn 7* thiết kế mục riêng cho *Đọc mở rộng*, đặt sau các bài 3, bài 5, bài 7, bài 9 để GV dành thời gian cho HS được chia sẻ, trao đổi ở lớp kết quả tự đọc, qua đó GV có điều kiện kiểm tra kết quả tự đọc sách của HS. Cuối mỗi tập sách có phần ôn tập, trong đó có ôn tập kiến thức và luyện tập tổng hợp, giúp HS có cơ hội vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành một số bài tập rèn kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Theo cách triển khai của bộ SGK này, sau mỗi bài học đều có phần ôn tập, vì vậy, việc củng cố kiến thức, kĩ năng không dồn hết vào cuối học kì hay cuối năm học. Rõ ràng, một khi mục tiêu chủ yếu của dạy học là giúp HS phát triển năng lực thì cách tổ chức, phân bố nội dung ôn tập trong SGK mới cũng phải khác, không giống như cách đã làm đối với SGK theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2006 vốn hướng đến mục tiêu cung cấp kiến thức.

Ngoài ra, mỗi tập sách còn có một số phụ lục: *Bảng tra cứu thuật ngữ*, *Bảng giải thích thuật ngữ*, *Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài*. Đầu tập một có *Lời nói đầu* và *Hướng dẫn sử dụng sách*; cuối tập hai có thêm *Bảng tra cứu các yếu tố Hán Việt*. Những phụ lục này vừa bổ sung kiến thức và thông tin cho các bài học chính, vừa giúp HS từng bước làm quen với thao tác tìm kiếm thông tin khi sử dụng một cuốn SGK hay sách khoa học.

Sự phối hợp thống nhất giữa yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học trong 2 tập sách được thể hiện qua các bảng sau:

TẬP MỘT

Tên bài	Nội dung dạy học	Yêu cầu cần đạt
1. BẦU TRỜI TUỔI THƠ	Ngữ liệu - VB 1: <i>Bầy chim chìa vôi</i> (Nguyễn Quang Thiều) - VB 2: <i>Đi lấy mật</i> (trích <i>Đất rừng phương Nam</i>, Đoàn Giỏi) - VB 3: <i>Ngàn sao làm việc</i> (Võ Quảng) - VB thực hành đọc: <i>Ngôi nhà trên cây</i> (trích <i>Tốt-tô-chan bên cửa sổ</i>, Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô) Tri thức ngữ văn - Đề tài và chi tiết - Tính cách nhân vật - VB tóm tắt - Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ	- Nêu được ấn tượng chung về VB và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm VB. - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện. - Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu. - Biết tóm tắt một VB theo những yêu cầu khác nhau về độ dài. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày. - Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.
2. KHÚC NHẠC TÂM HỒN	Ngữ liệu - VB 1: <i>Đồng dao mùa xuân</i> (Nguyễn Khoa Điềm) - VB 2: <i>Gấp lá cơm nếp</i> (Thanh Thảo) - VB 3: <i>Trở gió</i> (Nguyễn Ngọc Tu) - VB thực hành đọc: <i>Chiều sông Thương</i> (Hữu Thỉnh) Tri thức ngữ văn - Một số yếu tố hình thức của thơ bốn chữ và thơ năm chữ - Nói giảm nói tránh	- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ bốn chữ và năm chữ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Nhận biết được biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và hiểu được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này. - Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. - Biết trân trọng, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước.

3. CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG	Ngữ liệu • VB 1: <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> (trích, Nguyễn Ngọc Thuần) • VB 2: <i>Người thầy đầu tiên</i> (trích, Trín-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp) • VB 3: <i>Quê hương</i> (Tế Hanh) • VB thực hành đọc: <i>Trong lòng mẹ</i> (trích <i>Những ngày thơ ấu</i>, Nguyên Hồng) Tri thức ngữ văn • Thay đổi kiểu người kể chuyện • Số từ và phó từ	• Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể. • Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện. • Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả. • Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. • Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. • Biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thương.
4. GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC	Ngữ liệu • VB 1: <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> (Thanh Hải) • VB 2: <i>Gò Me</i> (trích, Hoàng Tố Nguyên) • VB 3: <i>Bài thơ “Đường núi” của Nguyễn Đình Thi</i> (Vũ Quần Phương) • VB thực hành đọc: <i>Chiều biên giới</i> (Lò Ngân Sủn) Tri thức ngữ văn • Tình cảm, cảm xúc trong thơ • Hình ảnh trong thơ • Nhịp thơ • Ngữ cảnh	• Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. • Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB. • Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ đúng với ngữ cảnh. • Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. • Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. • Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

5. MÀU SẮC TRẮM MIỀN	Ngữ liệu • VB 1: <i>Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt</i> (trích <i>Thương nhớ Mười Hai</i>, Vũ Bằng) • VB 2: <i>Chuyện cơm hến</i> (Hoàng Phủ Ngọc Tường) • VB 3: <i>Hội lồng tồng</i> (trích <i>Mùa xuân và phong tục Việt Nam</i>, Trần Quốc Vượng – Lê Văn Hảo – Dương Tất Từ) • VB thực hành đọc: <i>Những khuôn cửa dấu yêu</i> (Trương Anh Ngọc) Tri thức ngữ văn • Tuỳ bút • Tản văn • VB tường trình • Ngôn ngữ vùng miền	• Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của VB. • Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền. • Viết được VB tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách. • Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. • Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.
-----------------------------	--	---

TẬP HAI

Tên bài	Nội dung dạy học	Yêu cầu cần đạt
6. BÀI HỌC CUỘC SỐNG	Ngữ liệu • VB 1, 2, 3: <i>Đèo cày giữa đường</i> (Ngụ ngôn Việt Nam), <i>Ếch ngồi đáy giếng</i> (Trang Tử), <i>Con mối và con kiến</i> (Nam Hương) • VB 4: <i>Một số câu tục ngữ Việt Nam</i> • VB 5: <i>Con hổ có nghĩa</i> (Vũ Trinh) • VB thực hành đọc: <i>Thiên nga, cá măng và tôm hùm</i> (I-van Crư-lốp)	• Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề. • Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ; vần. • Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá. • Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

	Tri thức ngữ văn • Truyện ngụ ngôn • Một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn • Tục ngữ • Thành ngữ • Nói quá	• Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn. • Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm.
7. THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG	Ngữ liệu • VB 1: <i>Cuộc chạm trán trên đại dương</i> (trích <i>Hai vạn dặm dưới biển</i>, Giuyn Véc-nơ) • VB 2: <i>Đường vào trung tâm vũ trụ</i> (trích <i>Thiên Mã</i>, Hà Thuỷ Nguyên) • VB 3: <i>Dấu ấn Hồ Khanh</i> (Nhật Văn) • VB thực hành đọc: <i>Chiếc đĩa thần</i> (trích <i>Tinh vân Tiên Nữ</i>, I. A. E-phơ-rê-mốp) Tri thức ngữ văn • Truyện khoa học viễn tưởng • Một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng • Mạch lạc và liên kết của VB • Dấu chấm lửng	• Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được VB một cách ngắn gọn. • Hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc; công dụng của dấu chấm lửng trong VB. • Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. • Biết thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến khi thảo luận. • Biết khát vọng và ước mơ; có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực.
8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH	Ngữ liệu • VB 1: <i>Bản đồ dẫn đường</i> (trích <i>Những bức thư gửi cháu Sam</i>, Đa-ni-en Gốt-li-ép) • VB 2: <i>Hãy cầm lấy và đọc</i> (Huỳnh Như Phương)	• Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB. • Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn VB.

	• VB 3: <i>Nói với con</i> (Y Phương) • VB thực hành đọc: <i>Câu chuyện về con đường</i> (Đoàn Công Lê Huy) Tri thức ngữ văn • Các vấn đề được bàn trong VB nghị luận • Mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB nghị luận • Biện pháp liên kết • Thuật ngữ	• Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ. • Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. • Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe. • Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng.
9. HOÀ ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN	Ngữ liệu • VB 1: <i>Thủy tiên tháng Một</i> (Thơ-mát L. Phrit-man) • VB 2: <i>Lễ rửa làng của người Lô Lô</i> (Phạm Thủy Dung) • VB 3: <i>Bản tin về hoa anh đào</i> (Nguyễn Vĩnh Nguyên) • VB thực hành đọc: “<i>Thân thiện với môi trường</i>” (Nguyễn Hữu Quỳnh Hương) Tri thức ngữ văn • Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB thông tin • VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động • Cước chú • Tài liệu tham khảo	• Nhận biết được thông tin cơ bản của VB thông tin, cách triển khai, vai trò của các chi tiết, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn VB. • Nhận biết được đặc điểm VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó. • Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo trong VB thông tin; hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó. • Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. • Giải thích được (dưới hình thức nói) quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động. • Biết trân trọng và lựa chọn cách sống hài hoà với tự nhiên.

10. TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG	Ngữ liệu VB: <i>Về đẹp giản dị và chân thật của “Quê nội”</i> (Võ Quảng) (trích Võ Quảng, Trần Thanh Địch) Tri thức ngữ văn • VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học • Từ con người thực ngoài đời đến nhân vật văn học • Phương tiện phi ngôn ngữ trong VB và VB đa phương thức	• Phát triển kĩ năng tự đọc sách: đọc mở rộng VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin theo các chủ đề đã học. • Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của VB với mục đích của nó. • Phát triển kĩ năng viết: viết về một nhân vật yêu thích. • Phát triển kĩ năng nói và nghe: trình bày, trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài có liên quan. • Yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế.
------------------------------------	--	---

2.2. Phân tích cấu trúc bài học

Mỗi bài học dự kiến dạy học trong khoảng thời gian 12 – 13 tiết. Các bài học đều có cấu trúc như nhau, trừ bài 10. *Trang sách và cuộc sống* có cấu trúc riêng và thời gian tổ chức hoạt động dạy học có chút khác biệt. Trong mỗi bài học, các hoạt động đọc, viết, nói và nghe được thiết kế liên mạch và kết nối với nhau chặt chẽ. Từ việc đọc hiểu theo đặc trưng loại, thể loại VB, hoạt động viết được hướng dẫn cụ thể trên cơ sở loại, thể loại VB gắn kết với bài đọc. Hoạt động nói và nghe được tổ chức trên cơ sở sản phẩm của hoạt động đọc hoặc viết. Như vậy, tương tự *Ngữ văn 6*, SGK *Ngữ văn 7* được thiết kế theo hướng lấy hoạt động đọc làm cơ sở, cung cấp chất liệu, làm thành “đầu vào” cho các hoạt động viết, nói và nghe.

Sau đây là những thuyết minh cụ thể về từng phần của bài học:

– Trước khi bắt đầu các hoạt động chính (đọc, viết, nói và nghe), *Ngữ văn 7* thiết kế phần mở đầu nhằm giúp GV và HS nắm được định hướng chung và mục tiêu của bài học, tạo cảm hứng khám phá bài học, đồng thời trang bị cho HS một số tri thức nền, chủ yếu là tri thức về loại, thể loại của các VB đọc chính, để các em có công cụ đọc hiểu VB một cách hiệu quả, sau đó vận dụng vào việc tạo lập VB. Phần mở đầu này bao gồm:

+ Tên bài: Tên bài định hướng cho chủ đề của bài học, gợi mở đề tài và nội dung của các VB.

+ Đề từ: Nêu một quan niệm có tính triết lí hoặc gợi liên tưởng, cảm hứng có liên quan đến chủ đề của bài học.

+ Giới thiệu bài học: Trình bày rõ chủ đề, thông điệp và loại, thể loại VB chính của bài học.

+ Yêu cầu cần đạt: Xác định yêu cầu cần đạt đối với các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; yêu cầu vận dụng kiến thức tiếng Việt và yêu cầu bồi dưỡng về phẩm chất cho người học.

+ Tri thức ngữ văn: Trang bị các khái niệm công cụ giúp HS thực hiện các hoạt động học tập trong bài học.

– Mạch nội dung chính của các bài học bám sát yêu cầu cần đạt theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018. Những yêu cầu cần đạt này được lựa chọn, sắp xếp vào các hoạt động chính của mỗi bài học.

+ Đọc: Mỗi bài học thường có 3 VB đọc hiểu (cá biệt có bài số VB nhiều hơn như bài 6 do dung lượng VB nhỏ), có chung chủ đề do bài học quy định, trong đó có 2 VB đọc thuộc loại, thể loại VB chính được học trong bài, VB 3 kết nối với VB 1 và VB 2 về chủ đề, đề tài, nhưng khác về loại, thể loại VB. Mạch kiến thức tiếng Việt được phân bố trong phần *Thực hành tiếng Việt*, thường được đặt sau VB 1 và VB 2, đôi khi sau VB 3 do yêu cầu ngữ liệu phù hợp để thực hành tiếng Việt.

VB 1: Hoạt động đọc hiểu VB thuộc loại, thể loại VB chính

Thực hành tiếng Việt: vận dụng, hỗ trợ đọc, viết

VB 2: Hoạt động đọc hiểu VB thuộc loại, thể loại VB chính

Thực hành tiếng Việt: vận dụng, hỗ trợ đọc, viết

VB 3: Hoạt động đọc hiểu hướng chủ yếu vào nội dung, chủ đề của VB. Việc đưa VB 3 có nội dung thuộc chủ đề bài học, nhưng khác loại, thể loại với VB 1 và VB 2 vừa làm cho bài học được sinh động, tránh được cái “khung cứng” của loại, thể loại VB, vừa giúp HS nhận biết được các VB thuộc các loại, thể loại VB khác nhau thể hiện một nội dung, chủ đề theo những cách khác nhau.

+ Viết: Tìm hiểu yêu cầu đối với mỗi kiểu bài, phân tích bài viết tham khảo và thực hành viết theo các bước.

+ Nói và nghe: Thực hành để phát triển kĩ năng trình bày, thuyết trình, thảo luận; chú ý tăng cường kĩ năng tương tác cho HS.

– Ngoài ra, cuối mỗi bài còn có:

+ Củng cố, mở rộng: Luyện tập, củng cố một số kĩ năng và ôn lại những kiến thức chính trong bài học.

+ Thực hành đọc: VB đọc thuộc cùng loại, thể loại VB với các VB đọc chính và có nội dung thuộc phạm vi đề tài của bài học. Với việc đưa VB thực hành đọc vào cuối mỗi bài học, *Ngữ văn 7* tạo cho HS cơ hội vận dụng kĩ năng đọc hiểu VB theo loại, thể loại VB và huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm từ việc đọc các VB trước trong bài học cũng như hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm của HS nói chung để thực hành tự đọc VB. Trước mỗi VB dùng cho thực hành đọc, sách có một số gợi ý để HS có định hướng tự đọc VB hiệu quả hơn. Ngoài gợi ý của sách, GV cũng có thể có một số hỗ trợ nếu cần.

2.3. Phân tích một số chủ đề (bài học) đặc trưng

Tất cả các bài học trong SGK *Ngữ văn 7* đều thể hiện sự đổi mới rõ nét trong thiết kế SGK theo mô hình phát triển phẩm chất và năng lực. Có thể lấy hai bài học làm ví dụ minh họa.

Ví dụ minh họa thứ nhất là bài 1. *Bầu trời tuổi thơ* (*Ngữ văn 7*, tập một). Chủ đề của bài học là thế giới tuổi thơ. Thể loại VB chính là truyện. Các yêu cầu cần đạt của mỗi bài học được thiết kế dựa vào những yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình, trong đó có yêu cầu về đọc: nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện; yêu cầu về viết: biết tóm tắt một VB theo những yêu cầu khác nhau về độ dài; yêu cầu về nói và nghe: trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

Các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe cần phải được lựa chọn và kết hợp với nhau sao cho bảo đảm được sự kết nối, tích hợp giữa đọc với viết, nói và nghe, để bài học trở thành một chỉnh thể chặt chẽ. Khác với SGK *Ngữ văn THCS* theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2006 lấy nội dung dạy học làm xuất phát điểm để thiết kế bài học, trong SGK *Ngữ văn 7*, yêu cầu cần đạt (mục tiêu) quyết định tất cả các phần còn lại của bài học. Việc chọn chủ đề thế giới tuổi thơ vừa phù hợp với tâm lí, hứng thú của HS, vừa có thể tìm kiếm ngữ liệu phù hợp để khai thác theo yêu cầu cần đạt của bài học. Hai VB thuộc thể loại truyện (thể loại chính của bài học) được lựa chọn là *Bầy chim chia vui* (Nguyễn Quang Thiều) và *Đi lấy mật* (trích *Đất rừng phương Nam*, Đoàn Giỏi). Sau hai VB này, HS được đọc một VB khác cùng chủ đề nhưng khác thể loại, đó là bài thơ *Ngàn sao làm việc* (Võ Quảng) để thấy rằng chủ đề thế giới tuổi thơ có thể được thể hiện trong VB truyện hoặc VB thơ. Cách đưa VB 3 vào bài học vừa giúp HS nhận thấy được mỗi thể loại đều có những nét đặc trưng khi thể hiện cùng một chủ đề, vừa làm cho bài học đỡ đơn điệu vì HS không phải học nhiều VB thuộc cùng một thể loại trong thời gian dài. Cuối bài 1 có VB thực hành đọc *Ngôi nhà trên cây* (trích *Tốt-tô-chan bên cửa sổ*, Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô) vừa cùng thể loại vừa cùng chủ đề với VB 1 và VB 2. Với bài 1, VB thực hành đọc cần phải thuộc thể loại truyện, có các yếu tố thể loại đáp ứng yêu cầu cần đạt về đọc hiểu trong bài học: Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện. VB này cũng cần có chủ đề về thế giới tuổi thơ để HS có thể huy động hiểu biết và trải nghiệm mà các em có được qua việc đọc *Bầy chim chia vui* và *Đi lấy mật* để đọc hiểu, đáp ứng đầy đủ yêu cầu đọc hiểu vừa nêu.

Ví dụ minh họa thứ hai là bài 8. *Trải nghiệm để trưởng thành* (*Ngữ văn 7*, tập hai). Chủ đề của bài học là ý nghĩa của trải nghiệm đối với sự trưởng thành, hướng đến giáo dục cho HS biết trân trọng trải nghiệm và rút ra từ trải nghiệm những bài học bổ ích. Loại VB chính là VB nghị luận. Các yêu cầu cần đạt của bài học được thiết kế dựa vào những yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn *Ngữ văn* năm 2018, trong đó có yêu cầu về đọc: nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; yêu cầu về viết: bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề

trong đời sống; yêu cầu về nói và nghe: trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

Việc chọn chủ đề *Trải nghiệm để trưởng thành* cho bài học về VB nghị luận sẽ khơi gợi được mối quan tâm của HS, nhờ đó các em có thể có nhiều ý kiến để trao đổi. Chủ đề này cũng tạo điều kiện cho tác giả có thể tìm kiếm ngữ liệu phù hợp để khai thác theo yêu cầu của bài học như đã nêu trên. Hai VB thuộc loại VB nghị luận (loại VB chính của bài học) được lựa chọn là *Bản đồ dẫn đường* (Đa-ni-en Gốt-li-ép) và *Hãy cầm lấy và đọc* (Huỳnh Như Phương). Sau hai VB này, tương tự như bài 1, HS được đọc một VB khác cùng chủ đề nhưng khác loại VB, đó là bài thơ *Nói với con* (Y Phương). Cuối bài 8 có VB để HS thực hành đọc: *Câu chuyện về con đường* (Đoàn Công Lê Huy). Yêu cầu đối với VB thực hành đọc ở đây cũng tương tự đối với VB thực hành đọc ở bài 1.

Trong hai bài học trên, tương tự các bài học khác trong *Ngữ văn 7*, quy trình đọc các VB thuộc loại, thể loại VB chính đều được chia làm 3 bước: trước khi đọc, đọc VB và sau khi đọc. Các câu hỏi sau khi đọc được chia thành 3 nhóm, phân biệt theo 3 cấp độ đọc hiểu: câu hỏi *nhận biết*; câu hỏi *phân tích, suy luận*; câu hỏi *đánh giá, vận dụng*. Các câu hỏi đều hướng đến mục tiêu không chỉ giúp HS đọc hiểu chính VB trong bài mà còn có khả năng vận dụng để đọc các VB khác thuộc cùng loại, thể loại VB, qua đó phát triển năng lực đọc cho người học.

Sau mỗi VB đọc thuộc loại, thể loại VB chính (VB 1 và VB 2), đôi khi sau VB 3, HS được thực hành tiếng Việt dựa trên những đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB đọc. Thông qua đó người học cũng từng bước được cung cấp kiến thức tiếng Việt và vận dụng ngay vào ngữ cảnh VB đọc. Kiến thức tiếng Việt trong bài 1 có mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ; trong bài 8 có biện pháp liên kết và thuật ngữ. Ngoài kiến thức mới ở lớp 7, *Ngữ văn 7* còn tận dụng cơ hội khai thác kiến thức đã học ở Tiểu học và lớp 6 để thiết kế các bài tập cho HS thực hành nếu VB đọc có đơn vị hay hiện tượng ngôn ngữ có liên quan, chẳng hạn ở bài 2 và bài 4 có bài tập về các biện pháp tu từ như so sánh, điệp ngữ, nhân hoá mà HS được học từ Tiểu học. Như vậy, khác với SGK *Ngữ văn THCS* theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2006 vốn coi trọng cung cấp kiến thức ngôn ngữ cho HS một cách hệ thống, SGK *Ngữ văn 7* dạy học tiếng Việt không theo lô-gíc kiến thức của Việt ngữ học mà gắn với giao tiếp thực tế, nhờ đó tăng cường tính chất ứng dụng của việc học kiến thức tiếng Việt.

Sau đọc VB và thực hành tiếng Việt là hoạt động viết. Quy trình dạy viết cũng có những thay đổi căn bản. Trước khi viết bài thuộc một kiểu bài cụ thể, HS được hướng dẫn tìm hiểu các yêu cầu đối với kiểu bài viết đó. Với bài 1, HS sẽ tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài tóm tắt một VB; với bài 8, HS sẽ tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống. Tiếp đến, HS được phân tích một bài viết tham khảo. Ở bài 1, HS được đọc 2 VB tóm tắt truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* với độ dài khác nhau. *Ngữ văn 7* chọn bài viết tham khảo là VB tóm tắt truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* vì truyện đó là VB mà HS đã được học ở lớp 6, thuận lợi cho các em hình dung sự khác biệt giữa VB gốc và VB tóm tắt. Khi thực hành thì HS được khuyến khích chọn những VB đang học ở lớp 7.

Ở bài 8, HS được đọc bài viết tham khảo *Việc lớn, việc nhỏ*, trong đó người viết trình bày ý kiến phản đối quan niệm không đúng của một số người cho rằng họ chỉ làm việc lớn, không quan tâm đến việc nhỏ. Bài nghị luận đã sử dụng các lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc đồng tình với ý kiến của người viết: Bên cạnh việc lớn, mỗi chúng ta đều cần phải hoàn thành những việc nhỏ; có những việc nhỏ nhưng ý nghĩa rất to lớn; mỗi người hãy cứ nghĩ đến những việc lớn và cố gắng cao nhất để thực hiện ước mơ của mình, nhưng cần nhớ rằng, nhiều khi chính việc lớn được bắt đầu từ những việc nhỏ. Bài viết tham khảo này cung cấp cho HS một mô hình hay cấu trúc kiểu bài để các em hình dung cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối), bao gồm cách nêu ý kiến, cách dùng lí lẽ và bằng chứng để khẳng định ý kiến của mình. Lưu ý, bài viết tham khảo chỉ để giúp HS hình dung cách viết bài văn nghị luận, nhất là những yêu cầu cần phải có đối với kiểu bài này. Còn chất liệu, trải nghiệm, cảm xúc thì HS phải huy động, khai thác từ chính cuộc sống của mình. Đây chính là cách hướng dẫn viết vừa giúp HS biết viết đúng kiểu bài, vừa phát huy khả năng tưởng tượng, sáng tạo của các em, tránh được lỗi viết văn sáo mòn, sao chép. Cuối cùng, ở hoạt động viết, HS được thực hành viết theo các bước: *trước khi viết, viết bài và chỉnh sửa bài viết*. Các bước được sách hướng dẫn rất cụ thể, nếu HS theo đúng quy trình hướng dẫn này thì đều có thể viết được bài văn đáp ứng yêu cầu.

Tiếp theo hoạt động viết, HS được thực hành nói và nghe. Nội dung nói và nghe chủ yếu dựa vào những gì đã viết, đôi khi dựa vào chủ đề của bài học và chất liệu của các VB đọc. Với bài 1, HS được thực hành trao đổi về một vấn đề mà các em quan tâm. Nhiều vấn đề được gợi ra từ các VB đọc trong bài và thế giới tuổi thơ của chính các em sẽ là chất liệu cho các cuộc trao đổi ở tiết học này. Ở bài 8, HS được thực hành trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống. Theo cách này, nội dung bài đọc hoặc bài viết sẽ giúp HS chuẩn bị các ý tưởng và thông tin để thực hành nói và nghe. Ở hoạt động nói và nghe, mỗi bài học trong sách cũng đều có những hướng dẫn rất cụ thể, theo quy trình gồm 3 bước: *trước khi nói, trình bày bài nói, sau khi nói*.

Sau hoạt động nói và nghe là phần *Củng cố, mở rộng*. Cuối bài học là VB thực hành đọc. Đây là VB HS tự đọc, cho nên có thể coi là phần nằm ngoài bài học ở lớp. Từ cách thiết kế nội dung phần *Củng cố, mở rộng* đến việc đưa VB thực hành đọc để HS vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để tự đọc một VB mới đều thể hiện rõ nét cách thiết kế sách nhằm phát triển năng lực cho người học. Sau mỗi bài học, HS tiến dần đến mục tiêu trở thành một người đọc độc lập. Các em cũng không ngừng được rèn luyện kĩ năng viết, nói và nghe để đáp ứng nhu cầu đời sống và công việc sau này.

3 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Ngữ văn

SGK *Ngữ văn 7* tuân thủ định hướng đổi mới dạy học của Chương trình giáo dục phổ thông

môn Ngữ văn năm 2018 là tăng cường dạy học tích hợp và phân hoá; đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS. GV cần chủ động, linh hoạt xây dựng và tổ chức các bài học giúp HS rèn luyện phương pháp đọc, viết, nói và nghe; tiếp nhận và vận dụng kiến thức tiếng Việt, văn học thông qua các hoạt động học bằng nhiều hình thức trong và ngoài lớp học. GV cũng cần chú ý tăng cường, phát huy tính tích cực, tự lực của HS; dành nhiều thời gian cho HS thực hành, trình bày, thảo luận để HS biết tự đọc, viết, nói và nghe theo những yêu cầu và mức độ khác nhau; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. *Ngữ văn 7* cũng tuân thủ định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được quy định trong Chương trình tổng thể và được cụ thể hoá trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018.

a. Yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học đối với GV

– Chuyển từ diễn giải, thuyết giảng sang tổ chức hoạt động học đọc, viết, nói và nghe cho HS.

– Để tổ chức hoạt động học cho HS, GV cần nắm vững yêu cầu và kĩ thuật thực hiện các bước: khởi động bài học, giao nhiệm vụ cho HS, hướng dẫn HS học hợp tác, hướng dẫn HS tự ghi bài, tổ chức cho HS báo cáo kết quả học tập và nhận xét, đánh giá.

Như vậy, GV cần giảm thời gian nói để HS có cơ hội được tăng cường hoạt động học (cá nhân, nhóm, lớp). GV chỉ hỗ trợ, không làm thay, không trả lời thay HS. Trong khi dạy học, GV cần chú ý tạo không khí lớp học thân thiện, gây được hứng thú học tập cho HS.

b. Yêu cầu đổi mới phương pháp học tập đối với HS

HS cần thực hiện nhiều hoạt động đa dạng, thể hiện vai trò chủ động, tích cực của người học. GV cần nắm được yêu cầu đổi mới phương pháp học tập đối với HS để hướng dẫn và hỗ trợ các em. Sau đây là một số yêu cầu cụ thể đối với HS:

– Chuẩn bị bài trước ở nhà. Chuẩn bị một số tư liệu (tranh, ảnh, hiện vật, đoạn phim ngắn,...) cần cho bài học và tìm ngữ liệu đọc mở rộng theo hướng dẫn của GV.

– Trả lời các câu hỏi, nhất là câu hỏi sau khi đọc; hoàn thành phiếu học tập mà GV giao.

– Trao đổi, thảo luận nhóm theo các nội dung GV nêu ra. Thuyết trình kết quả trao đổi, thảo luận của nhóm nếu được giao nhiệm vụ.

– Tương tác tích cực với GV.

Như vậy, HS cần chủ động hơn trong chuẩn bị bài học (phát triển khả năng tự học); làm việc nhóm và tương tác tích cực hơn với bạn và với thầy cô.

3.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học các nội dung cơ bản của bài học

Để dạy học SGK *Ngữ văn 7*, GV cần nghiên cứu kĩ định hướng đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn trong Chương trình và áp dụng một cách linh hoạt, sáng tạo vào hoạt động dạy học. Những yêu cầu cơ bản được nêu ra trong mục 3.1 ở trên cũng giúp GV có định

hướng đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với bộ sách. Sau đây là những hướng dẫn và gợi ý bổ sung để tổ chức dạy học các nội dung cơ bản của bài học trong SGK *Ngữ văn 7*:

a. Hướng dẫn tổ chức dạy học *Tri thức ngữ văn*

Các kiến thức ngữ văn không được dạy như là một hệ thống các khái niệm thuần túy lí thuyết. HS tự đọc trước nội dung phần *Tri thức ngữ văn* ở nhà. Ở lớp, GV không phải đọc, giải thích cho HS nghe các định nghĩa mà HS cần phải được tiếp nhận bằng cách thức tự nhiên, được dẫn dắt “từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng”. Tùy vào từng bài học cụ thể mà GV triển khai cho phù hợp. Chẳng hạn, ở các bài học về truyện hay thơ, GV có thể cho các em kể lại một truyện đã học hay đọc một bài thơ em thích, rồi từ đó mới khơi gợi để các em hình dung về các yếu tố cơ bản của truyện hay của thơ. Trước khi học các khái niệm có liên quan đến truyện và thơ, trên thực tế, HS đã được đọc nhiều tác phẩm truyện, thơ ngay từ Tiểu học. Từ vốn đọc đó của HS mà GV giúp các em hình dung bước đầu các khái niệm công cụ có liên quan. Khi tìm hiểu *Tri thức ngữ văn*, HS chỉ cần nắm ở mức độ căn bản để các em vận dụng đọc các VB trong bài. Chỉ cần dành khoảng nửa tiết đầu mỗi bài học để giới thiệu bài và dẫn dắt HS tiếp cận với *Tri thức ngữ văn*. Không nên dành hẳn một tiết để dạy học *Tri thức ngữ văn* vì như thế thì phần này sẽ trở nên nặng về lí thuyết và không hấp dẫn với HS. Trong khi hướng dẫn HS đọc VB, GV cần giúp các em biết vận dụng các khái niệm công cụ trong *Tri thức ngữ văn*. Nhờ đó, sau khi đọc VB, HS lại có cơ hội hiểu sâu hơn, đầy đủ hơn các khái niệm ở *Tri thức ngữ văn* đầu bài học. Với một số bài học, khi HS đã có vốn tri thức nền nhất định, GV có thể linh hoạt theo cách không tổ chức dạy học riêng phần *Tri thức ngữ văn* ở đầu bài học mà hướng dẫn HS tự tìm hiểu ở nhà và lồng ghép vào hoạt động đọc hiểu VB. Cách thức, quy trình triển khai thì đa dạng, nhưng phải bảo đảm yêu cầu giúp HS nắm vững các khái niệm công cụ và biết vận dụng để đọc hiểu VB trong SGK và các VB mới tương đồng về loại, thể loại. GV cũng cần chú ý nhắc lại *Tri thức ngữ văn* ở cuối mỗi bài học. Như vậy, con đường tiếp nhận các khái niệm công cụ trong *Tri thức ngữ văn* không phải là tuyến tính mà được lặp lại và nâng cao qua các vòng.

Riêng kiến thức tiếng Việt, tuy cũng được đặt ở đầu bài học, nhưng HS chỉ tiếp cận trước khi thực hành tiếng Việt, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc chung là: kiến thức cần ở đâu, mức độ nào thì cung cấp cho HS ở đó với mức độ tương ứng (Xem thêm phần *Hướng dẫn tổ chức dạy học thực hành tiếng Việt* dưới đây).

b. Hướng dẫn tổ chức dạy học đọc VB

Hoạt động đọc được thiết kế với 3 bước: trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc. GV cần chú ý đến cả 3 bước này. *Trước khi đọc* có mục tiêu khởi động, chuẩn bị tâm thế cho người học. Vì thế, GV cần khơi gợi để HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, tưởng tượng, cảm xúc nhằm chuẩn bị tiếp cận VB đọc với tư cách một người đọc chủ động và tích cực. Như vậy, ngoài việc trang bị cho HS các khái niệm công cụ để đọc hiểu VB theo mô hình loại, thể loại VB như đã nói ở trên, GV còn cần “kích hoạt” đối tượng tiếp nhận để HS đọc hiểu VB trên nền tảng hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, tưởng tượng,

cảm xúc của chính các em. Với những câu hỏi *Trong khi đọc*, HS cần được hướng dẫn và chuẩn bị trước khi học trên lớp. GV cần có những lưu ý để HS quan tâm tới các chiến lược đọc này khi tự đọc thầm VB hay trong khi nghe GV hoặc bạn đọc thành tiếng, đọc mẫu trên lớp. Phần lớn các câu hỏi *Trong khi đọc* không yêu cầu HS phải dừng lại để trả lời mà chỉ như là những lưu ý, chỉ dẫn để hỗ trợ HS trong quá trình đọc. GV nên làm mẫu cho HS để các em hiểu được trong quá trình đọc, các kiểu câu hỏi *Trong khi đọc* như *theo dõi*, *suy luận*, *hình dung*, *tưởng tượng*, *dự đoán*,... có tác dụng hỗ trợ như thế nào cho người đọc. Chẳng hạn, suy luận là suy đoán về điều mà tác giả không thể hiện trực tiếp trên VB. Kỹ năng này giúp người đọc nhìn sâu hơn vào suy nghĩ, hành động của nhân vật, kết nối được các sự việc, chi tiết trong VB, nhờ đó hiểu sâu sắc hơn nội dung và thông điệp của VB. GV hướng dẫn HS kết nối hiểu biết, trải nghiệm của chính mình với suy nghĩ, hành động của nhân vật, các sự việc, chi tiết trong khi đọc để hiểu được ẩn ý của tác giả. Hình dung, tưởng tượng là “vẽ” trong đầu hình ảnh về nhân vật, sự kiện, bối cảnh,... xuất hiện trong VB đọc. Kỹ năng này giúp người đọc hiểu và ghi nhớ các nhân vật, sự việc, chi tiết trong quá trình đọc. GV hướng dẫn HS sử dụng các chi tiết từ VB đồng thời sử dụng những trải nghiệm của chính mình để tạo ra các hình ảnh trong đầu. Dự đoán là đoán trước điều có thể xảy ra tiếp theo trong VB. Kỹ năng này giúp người đọc chủ động tham gia vào câu chuyện và phát triển kỹ năng suy đoán, làm cho việc đọc trở nên hấp dẫn và thú vị hơn. Trong quá trình đọc, những dự đoán ban đầu có thể được điều chỉnh khi người đọc có thêm thông tin. GV hướng dẫn HS dựa vào các dữ liệu trong VB như cách miêu tả bối cảnh và nhân vật, các sự việc đã xảy ra cùng những hiểu biết, trải nghiệm của bản thân để suy đoán các sự kiện tiếp theo trong VB. Dựa vào nhan đề và tranh ảnh minh họa để suy đoán nội dung của VB cũng là một chiến lược gắn gũi với dự đoán. Nếu HS đọc trước VB ở nhà thì chiến lược dự đoán được áp dụng cho lần đọc đầu tiên đó. Tuy vậy, ở lớp GV vẫn có thể yêu cầu HS chia sẻ xem các em đã dự đoán như thế nào. Có những câu hỏi hay yêu cầu trong khi đọc HS chỉ cần chú ý để tăng thêm hiệu quả đọc hiểu (như câu hỏi hay yêu cầu thuộc chiến lược *theo dõi*, *hình dung*,...). Nhưng cũng có những câu hỏi, yêu cầu trong khi đọc HS có thể dừng lại và chia sẻ câu trả lời hay phản hồi (như chiến lược *dự đoán*, *suy luận*,...). Trong khi đọc mẫu hay trong khi HS đọc thành tiếng, thỉnh thoảng GV có thể diễn giải lại cho HS nghe những gì diễn ra trong suy nghĩ của một người đọc có kinh nghiệm khi gặp những câu hỏi *Trong khi đọc*. Cùng với hoạt động *Trong khi đọc*, GV hướng dẫn để HS có kỹ năng chủ động tìm hiểu các từ ngữ đã được chú thích hoặc tự tìm hiểu thêm những từ ngữ mới, khó trong VB.

Hệ thống câu hỏi *Sau khi đọc* (đối với VB 1 và VB 2) bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học. Cần nhấn mạnh, các câu hỏi *Sau khi đọc* chú ý khai thác những đặc điểm của VB xét về mặt loại, thể loại VB để thông qua việc đọc hiểu một VB cụ thể, HS từng bước hình thành và phát triển kỹ năng đọc các VB khác cùng loại, thể loại VB. HS cần đọc những câu hỏi này và chuẩn bị bài trước khi học trên lớp. Tương tự Ngữ văn 6, hệ thống câu hỏi sau khi đọc trong Ngữ văn 7 thường gồm 6 – 7 câu, được thiết kế theo ba nhóm: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng. Nhóm câu hỏi *nhận biết* gắn với yêu

cầu tìm các thông tin, chi tiết, sự kiện được thể hiện tường minh. Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận* đặt ra yêu cầu cao hơn, đòi hỏi HS phải nắm bắt được các nội dung hàm ẩn và có kĩ năng phân tích những gì được tiếp nhận. Nhóm câu hỏi *đánh giá, vận dụng* chú trọng yêu cầu HS đánh giá nội dung và nghệ thuật của VB, tạo cho HS cơ hội kết nối VB với những trải nghiệm đời sống của bản thân, giúp bồi đắp, hoàn thiện nhân cách cho các em. Trên cơ sở hệ thống câu hỏi của SGK, GV có thể sắp xếp lại các câu hỏi hay bổ sung, sáng tạo, mở rộng bài học bằng các câu hỏi khác nhằm bảo đảm hoạt động đọc hiểu thêm hiệu quả, nhưng không làm tăng áp lực lên HS và không đi chệch mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học.

Như đã lưu ý ở trên, trong khi hướng dẫn HS đọc VB, GV cần giúp các em biết vận dụng các khái niệm công cụ trong *Tri thức ngữ văn*, qua đó HS hiểu được những khái niệm công cụ đó được cung cấp nhằm hỗ trợ cho việc đọc hiểu VB, chứ không phải chỉ để hiểu và ghi nhớ.

c. Hướng dẫn tổ chức dạy học thực hành tiếng Việt

Thực hành tiếng Việt được sắp xếp ngay sau hoạt động đọc VB và viết kết nối với đọc. Mục tiêu của hoạt động thực hành tiếng Việt là dùng những kiến thức về tiếng Việt được hình thành trong bài học hoặc đã học trước đó để tìm hiểu, khám phá các đặc điểm ngôn ngữ, nhất là những điểm đặc sắc trong một VB, nhờ thế HS có thể hiểu VB đã đọc một cách sâu sắc hơn, từ đó vận dụng để đọc những VB khác. Ngoài ngữ liệu đã được dẫn trong hệ thống bài tập *Thực hành tiếng Việt*, GV có thể khai thác thêm các ngữ liệu khác được lấy từ bài đọc để HS có thêm cơ hội tìm hiểu và học hỏi cách sử dụng ngôn ngữ trong VB. GV cần lưu ý bảo đảm phương châm dạy học ngôn ngữ qua ngữ cảnh để HS nâng cao kĩ năng sử dụng tiếng Việt, không dạy học tiếng Việt chỉ nhằm đến mục tiêu giúp HS nắm được kiến thức về tiếng Việt. Kiến thức tiếng Việt mới gắn với từng bài được trình bày trong mục *Tri thức ngữ văn*, nhưng GV chỉ nên yêu cầu HS đọc trước toàn bộ ở nhà. Còn ở lớp thì trong hoạt động *Khám phá tri thức ngữ văn*, GV chưa cung cấp kiến thức tiếng Việt mà chỉ cung cấp các kiến thức về thể loại, loại VB để HS có kĩ năng đọc VB theo thể loại, loại VB. Kiến thức được dạy học theo nguyên tắc *cần ở đâu dạy ở đó*; không dạy tất cả kiến thức một lần cho toàn bài học lớn. Nói cách khác, các kiến thức phải được chọn lựa để cung cấp cho HS ở từng thời điểm trong quá trình dạy học. Chẳng hạn, ở bài 1. *Bầu trời tuổi thơ*, HS có thể được cung cấp kiến thức về đề tài, chi tiết của truyện, tính cách nhân vật,... trước khi đọc *Bầy chim chìa vôi* hoặc kết hợp trong quá trình đọc hiểu VB. Nhưng kiến thức về mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ thì HS chỉ nên được học ngay trước khi thực hành nội dung tiếng Việt này (xem chi tiết hơn ở mục 2, phần hai).

d. Hướng dẫn tổ chức dạy học viết

GV cần hướng dẫn HS hiểu rõ các yêu cầu cụ thể đối với mỗi kiểu bài viết cũng như quy trình viết để chủ động thực hành viết và phát triển năng lực viết. Trong khi hướng dẫn HS viết bài, GV cần huy động được hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm và khơi gợi được hứng

thú, cảm xúc của HS để các em có được những bài viết vừa đáp ứng được yêu cầu về kiểu VB viết, vừa có tính sáng tạo. Việc hướng dẫn HS tự kiểm soát, chỉnh sửa, nâng cấp bài viết rất quan trọng. Nên khuyến khích HS trao đổi và chia sẻ thông tin, ý tưởng trong quá trình chuẩn bị nội dung viết và chỉnh sửa bài viết. Ngoài bài viết tham khảo trong SGK, GV có thể sử dụng thêm các ngữ liệu khác minh họa cho các kiểu bài viết và quy trình viết.

e. Hướng dẫn tổ chức dạy học nói và nghe

Việc tổ chức hoạt động nói và nghe trên lớp nên linh hoạt, khuyến khích HS chủ động, tự tin khi trình bày, trao đổi thông tin. Nên tăng cường các hoạt động tương tác khi nói và nghe, tạo cơ hội cho nhiều HS được trình bày, trao đổi trong nhóm và trước lớp. Có thể cho HS chia thành các nhóm có quan điểm, giải pháp không giống nhau để các em tranh luận, qua đó giúp các em “mài sắc” công cụ ngôn ngữ và tư duy. Chú ý sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ như số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, đoạn phim ngắn,... trong quá trình trình bày.

4 HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

4.1. Định hướng đánh giá năng lực, phẩm chất của HS trong môn Ngữ văn

Đánh giá kết quả giáo dục trong *Ngữ văn 7* được triển khai tuân thủ định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018 và thống nhất với mục tiêu, nội dung, cách thức, phương pháp đánh giá được triển khai từ *Ngữ văn 6*.

a. Mục tiêu của hoạt động đánh giá kết quả giáo dục

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học. Cụ thể là: 1) Giúp HS tự đánh giá những tiến bộ trong quá trình học của mình, kiểm soát, tự điều chỉnh các hoạt động học tập để từng bước đạt được những yêu cầu cần đạt mà chương trình đã đề ra; 2) Giúp GV nhận biết những tiến bộ và hạn chế của HS, từ đó có những hướng dẫn kịp thời cho HS trong quá trình dạy học và điều chỉnh hoạt động dạy học sao cho đạt được yêu cầu cần đạt; 3) Giúp nhà quản lý hiểu rõ chất lượng dạy học của nhà trường và có những biện pháp điều chỉnh phù hợp, kịp thời để nâng cao chất lượng giáo dục; 4) Giúp phụ huynh hiểu rõ những tiến bộ của con em mình để có biện pháp giáo dục phối hợp với GV.

b. Nội dung đánh giá kết quả giáo dục

– Đánh giá phẩm chất trong môn Ngữ văn chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong các mối quan hệ.

– Đánh giá các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Ngữ văn cần kết hợp cả

định tính và định lượng, thông qua các bài kiểm tra, bài tập với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, dựa trên yêu cầu cần đạt về năng lực đối với HS lớp 7.

+ Để đánh giá kĩ năng đọc cần tập trung vào yêu cầu hiểu nội dung, chủ đề của VB, quan điểm và ý định của người viết; xác định các đặc điểm thuộc về phương thức thể hiện, nhất là về mặt loại, thể loại VB và ngôn ngữ sử dụng; trả lời các câu hỏi theo những cấp độ tư duy khác nhau; lập luận, giải thích cho cách hiểu của mình; nhận xét, đánh giá về giá trị và sự tác động của VB đối với bản thân; thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề được đặt ra trong VB; liên hệ, so sánh giữa các VB và giữa VB với đời sống.

+ Đánh giá kĩ năng viết cần tập trung vào yêu cầu tạo lập các kiểu VB: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng. Việc đánh giá kĩ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như: 1) nội dung; 2) kết cấu bài viết; 3) khả năng biểu đạt và lập luận; 4) hình thức ngôn ngữ và trình bày.

+ Đánh giá kĩ năng nói cần tập trung vào chủ đề và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kĩ thuật nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện hỗ trợ. Đối với kĩ năng nghe, cần chú ý đến yêu cầu nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

c. Cách thức đánh giá kết quả giáo dục

Việc đánh giá thực hiện bằng hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, thông qua việc trả lời những câu hỏi, qua các ý kiến phát biểu, tranh luận, thảo luận của HS; các bài tập, bài thuyết trình, bài viết, đoạn phim ngắn,... do HS thực hiện; các tư liệu mà HS sưu tầm, bản nháp của các bài viết;...

Đánh giá thường xuyên do GV môn học tổ chức, hình thức đánh giá gồm: GV đánh giá HS, HS đánh giá lẫn nhau, HS tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, GV có thể dựa trên quan sát và ghi chép hằng ngày về HS (việc HS trả lời câu hỏi hoặc thuyết trình, làm bài tập, viết đoạn văn ngắn,...).

Đánh giá định kì là hoạt động diễn ra ở thời điểm gần cuối hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối kì, cuối cấp) do cơ sở giáo dục các cấp tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kì được thực hiện thông qua đề kiểm tra hoặc đề thi viết. Đề thi, đề kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu); có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (gồm những câu hỏi trắc nghiệm khách quan) và hình thức tự luận (gồm những câu hỏi mở) để đánh giá khả năng đọc hiểu và khả năng viết bài văn về một chủ đề nào đó theo từng kiểu VB đã học trong chương trình. Trong việc đánh giá kết quả học tập cuối năm, cần đổi mới cách thức đánh giá (cấu trúc đề, cách nêu câu hỏi, phân loại độ khó,...); sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo

đảm yêu cầu đánh giá năng lực của HS, khắc phục tình trạng học thuộc, sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các ngữ liệu đã học để kiểm tra khả năng đọc hiểu VB.

Dù đánh giá theo hình thức nào cũng đều phải bảo đảm nguyên tắc HS được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, tư duy hình tượng và tư duy lô-gíc, những suy nghĩ và tình cảm của chính các em, không vay mượn, sao chép; khuyến khích các bài viết có cá tính và sáng tạo. HS cần được hướng dẫn tìm hiểu để có thể nắm vững mục tiêu, phương pháp và hệ thống các tiêu chí dùng để đánh giá các phẩm chất, năng lực này.

4.2. Một số gợi ý về hình thức, phương pháp đánh giá theo Ngữ văn 7

Ngoài hình thức, phương pháp đánh giá được định hướng chung trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, SGK *Ngữ văn 7* thiết kế một số nội dung gợi ý cho việc đánh giá năng lực của HS theo học bộ sách này.

– SGK *Ngữ văn 7* thiết kế các nhiệm vụ học tập đa dạng trong các phần *Củng cố, mở rộng* cuối mỗi bài học trong SHS và nhiều mẫu phiếu học tập trong SGV. GV có thể sử dụng một số câu hỏi, bài tập trong phần *Củng cố, mở rộng* và thiết kế các phiếu học tập tương tự theo mẫu để đánh giá thường xuyên kết quả học tập của HS. Ngoài ra, kèm theo SGK *Ngữ văn 7* còn có *Bài tập Ngữ văn 7*. GV có thể dựa vào kết quả hoàn thành các bài tập trong *Bài tập Ngữ văn 7* để đánh giá năng lực đọc hiểu và viết của HS trong quá trình học.

– Sau phần ôn tập ở cuối mỗi tập, *Ngữ văn 7* có các phiếu học tập giúp HS có cơ hội vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để luyện tập tổng hợp về đọc, viết, nói và nghe. Có thể coi đó như là gợi ý để xây dựng đề kiểm tra cuối học kì. Lưu ý, khác với đọc và viết, việc đánh giá kĩ năng nói và nghe được thực hiện trong cả quá trình học. Một tiết nói và nghe có thể bố trí cho một số HS nói. Lưu ý, khác với đọc và viết, việc đánh giá kĩ năng nói và nghe được thực hiện trong cả quá trình học. Một tiết nói và nghe, GV bố trí cho một số HS tham gia. Ngoài ra, trong khi học đọc và viết, HS cũng có trao đổi, thảo luận. GV cần quan sát, ghi chép hoạt động cũng như sản phẩm của HS trong học kì và cả năm học để đánh giá kĩ năng nói và nghe của từng HS sao cho em nào cũng có điểm. Trong một số trường hợp, GV có thể đánh giá kĩ năng nói của HS thông qua video mà các em tự quay.

– Việc thiết kế để kiểm tra, đánh giá cuối học kì và cuối năm học sẽ được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của các cấp quản lí. Tuy nhiên, các hướng dẫn này cũng phải phù hợp với định hướng đổi mới đánh giá của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018 được nêu ở trên.

5 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM (NXB GDVN)

5.1. Cam kết hỗ trợ GV, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Trong bối cảnh việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giáo dục được Đảng và Nhà nước định hướng và chỉ đạo xuyên suốt tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khoá XI, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025”, NXB GDVN đã khẩn trương triển khai việc ứng dụng CNTT trong công tác tập huấn GV sử dụng các bộ SGK của NXB GDVN cũng như phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của các bộ SGK.

Cụ thể hơn, kể từ năm 2019, NXB GDVN giới thiệu hai nền tảng sau: Thứ nhất, nền tảng sách điện tử *Hành trang số* cho phép người dùng truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát Chương trình, SGK, qua đó giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ CNTT trong quá trình tiếp cận chương trình mới. Song hành cùng *Hành trang số*, nền tảng tập huấn GV trực tuyến *Tập huấn* hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận các tài liệu tập huấn, bổ trợ và hướng dẫn giảng dạy chương trình, SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học. Các tài liệu chính thống được cung cấp từ NXB GDVN xuyên suốt tới các cấp quản lý giáo dục và GV sử dụng bộ SGK.

NXB GDVN cam kết thực hiện việc hỗ trợ GV, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử sử dụng hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn* như sau:

a. Tiếp tục cập nhật nguồn tài nguyên sách đổi mới

Trong năm 2022, NXB GDVN tiếp tục thường xuyên cập nhật thông tin, cung cấp kho tài nguyên bao gồm: học liệu điện tử hỗ trợ việc dạy và học, công cụ hỗ trợ giảng dạy và tự luyện tập, tài liệu tập huấn GV,... xuyên suốt trong năm. Tiến độ cập nhật kho tài nguyên sẽ đồng hành với tiến trình thay SGK theo Chương trình mới. Dự kiến khối lượng học liệu điện tử được đăng tải trên *Hành trang số* trong năm 2022 là khoảng hơn 10 000 học liệu, bao gồm lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6, lớp 7 và lớp 10 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Ngoài ra, tài nguyên tập huấn GV trực tuyến và các thông tin giới thiệu về bộ SGK sẽ được đăng tải nhanh chóng và kịp thời từ giai đoạn đầu năm 2022.

b. Đảm bảo cách thức tiếp cận nguồn tài nguyên sách dễ dàng, có tính ứng dụng cao

Đối với nền tảng sách điện tử *Hành trang số*, việc tiếp cận học liệu điện tử theo sách

được thực hiện qua hai bước sau: 1) Người dùng cào tem phủ nhũ phía sau bìa sách để nhận mã sách điện tử; 2) Người dùng đăng nhập trên nền tảng *Hành trang số* và nhập mã sách điện tử đối với cuốn sách mình muốn mở học liệu điện tử. Sau khi hệ thống xác nhận mã sách chính xác, người dùng được mở toàn bộ học liệu điện tử đi kèm cuốn sách.

Đối với nền tảng tập huấn GV trực tuyến, các tài liệu tập huấn được đăng tải rộng rãi và được truy cập bất kì thời điểm nào trong năm. Người dùng có thể sử dụng tính năng *Trải nghiệm ngay* để tiếp cận tài liệu mà không cần đăng nhập. Các tài liệu có thể xem trực tiếp trên nền tảng hoặc tải về máy phục vụ mục đích giảng dạy, học tập.

c. Hỗ trợ thường xuyên trong năm học

Nhằm hỗ trợ tối đa các thầy cô giáo và HS trên cả nước sử dụng hiệu quả hai nền tảng trong dạy và học, cũng như cung cấp thông tin về các nguồn tài nguyên sách được đăng tải, NXBGDVN đã và đang triển khai Đường dây hỗ trợ 19004503 (08:00 – 17:00, thứ 2 – thứ 6). Các câu hỏi liên quan tới nền tảng *Tập huấn* và *Hành trang số* có thể gửi về địa chỉ email: taphuan.sgk@nxbgd.vn và hotro.hts@aesgroup.edu.vn để được giải đáp.

Ngoài ra, *Hướng dẫn sử dụng* cũng được đăng tải trên hai nền tảng và chia sẻ rộng rãi. Các quý thầy cô có thể trực tiếp tra cứu và tìm hiểu.

5.2. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học

a. Giới thiệu về Hành trang số: hanhtrangso.nxbgd.vn

Hành trang số là nền tảng Sách điện tử của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền hanhtrangso.nxbgd.vn. Hành trang số cung cấp phiên bản số hoá của SGK chương trình mới và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK và các công cụ hỗ trợ việc giảng dạy và học tập của GV và HS.

Hành trang số bao gồm 3 tính năng chính: Sách điện tử, Luyện tập và Thư viện. Tính năng *Sách điện tử* cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK chương trình mới. Trong đó, *Hành trang số* tôn trọng trải nghiệm đọc sách truyền thống với giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đồng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ, đính kèm trực tiếp các học liệu bổ trợ lên trang sách điện tử, luyện tập trực quan các bài tập trong sách đi kèm kiểm tra, đánh giá... Người dùng truy cập SGK mọi lúc mọi nơi, sử dụng đa dạng thiết bị điện thoại, máy tính bảng hay laptop, phục vụ đồng thời việc giảng dạy trên lớp và việc tự học tại nhà.

Tính năng *Luyện tập* cung cấp trải nghiệm làm bài tập phiên bản số hoá đối với các bài tập trong SGK và sách bài tập (SBT) của NXBGDVN. Tính năng mang tới giao diện tối giản, thân thiện cùng các công cụ hỗ trợ hành vi tự luyện tập của người dùng như: Kiểm tra kết quả, Gợi ý – Hướng dẫn bài tập, Bàn phím ảo, tích hợp kết quả luyện tập với Biểu đồ đánh giá năng lực cá nhân. Bên cạnh hệ thống bài tập sắp xếp theo danh mục SGK, SBT, *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống bài tập *Tự kiểm tra, đánh giá* bám sát chương trình SGK mới, giúp người dùng trải nghiệm thêm kho bài tập bổ trợ kiến thức trên lớp.

Tính năng *Thư viện* cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử hỗ trợ chương trình SGK mới. Tại đây, người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: Video, Gif/ Hình ảnh, Âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục SGK và bám sát hình ảnh, chương trình, qua đó giúp sinh động và phong phú hoá bài học. *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống Bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng dạng Power Point với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, *Hành trang số* mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

b. Giới thiệu về Tập huấn

Tập huấn là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền: taphuan.nxbgd.vn. *Tập huấn* cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy chương trình SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học.

Việc cấp tài khoản trên *Tập huấn* được triển khai có hệ thống, cấp trên thiết lập cho cấp dưới trực thuộc: Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) cấp tài khoản cho các Phòng GD&ĐT; Phòng GD&ĐT cấp tài khoản cho Nhà trường, Nhà trường cấp tài khoản cho GV. Việc cấp tài khoản có hệ thống đảm bảo GV được định danh, nhờ vậy các cấp quản lí có thể nắm bắt, đánh giá, quản trị hiệu quả triển khai tập huấn tại địa phương.

Đối với tài khoản GV: Tính năng *Tập huấn* cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do NXBGDVN biên soạn dưới các định dạng đa dạng: Powerpoint, PDF/ Word, Video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: Tài liệu tập huấn, Bài giảng tập huấn, Tiết học minh hoạ, Video tập huấn trực tuyến, Video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ thầy cô giáo truy cập bất kì thời điểm nào trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải Bài kiểm tra, đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện Bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.

Đối với tài khoản cấp quản lí giáo dục (Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, Nhà trường): Tính năng *Tài liệu bổ sung* cho phép các cơ quan quản lí giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng *Thống kê* cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng Excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lí giáo dục.

c. Giới thiệu về nguồn tài nguyên học liệu điện tử

Nhằm phục vụ công tác tập huấn GV, NXBGDVN đã đăng tải các tài liệu tập huấn của các bộ SGK với định dạng và nội dung đa dạng như: Video tiết học minh hoạ, Tài liệu tập huấn (PDF, Powerpoint, Word), Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học, Bài kiểm tra – đánh giá, Video lớp học trực tuyến,... Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm nào trong năm học.

Khoản 2 Điều 2 Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT quy định: Học liệu điện tử là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: sách giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo,... Học liệu điện tử được phân làm 2 loại: 1) Tương tác một chiều: học liệu được số hoá dưới các định dạng như video, audio, hình ảnh,... Hình thức tương tác chủ yếu giữa người học và hệ thống là một chiều; 2) Tương tác hai chiều: người học có thể tương tác hai chiều hoặc nhiều chiều với hệ thống, giảng viên và người học khác để thu được lượng kiến thức, kinh nghiệm tối đa. Các sản phẩm có thể kể đến như các sách điện tử tương tác, trò chơi giáo dục, lớp học ảo,...

Học liệu điện tử tương tác một chiều, được định dạng đa dạng, bao gồm: video, âm thanh, hình ảnh, ảnh động, 3D, slide bài giảng tham khảo, kịch bản tham khảo dạng Powerpoint và PDF hỗ trợ GV khai thác tối đa giá trị bộ SGK. Đối với tương tác hai chiều, NXBGDVN đã đăng tải hơn 4 100 bài tập tương tác chương trình lớp 1, trong đó các định dạng được lập trình phong phú, theo sát nội dung bài tập trong sách, bao gồm: Trắc nghiệm 1 đáp án đúng, Trắc nghiệm nhiều đáp án đúng, Chọn đúng – sai, Điền câu trả lời vào ô trống, Câu điền từ vào chỗ trống, Nối hình, Select box, Tự luận.

Các học liệu điện tử đều bám sát hình ảnh và nội dung của bộ sách, tuân thủ triết lý bộ sách, tham vấn sách GV, được tác giả hướng dẫn và thẩm định.

d. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên học liệu điện tử trong hoạt động dạy học

Các thầy cô giáo có thể linh động sử dụng các nguồn tài nguyên do NXBGDVN cung cấp như sau:

- Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng Thư viện, các thầy cô giáo có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc: biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ trong việc mang đến hình ảnh sinh động, trực quan, thu hút sự chú ý của HS, nâng cao chất lượng bài giảng.

- Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, SBT, *Hành trang số* cũng cung cấp bài tập Tự kiểm tra, đánh giá tại tính năng Luyện tập. Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp; giao bài tập về nhà để HS tự thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra, đánh giá trên lớp.

- Đối với hệ thống bài giảng điện tử dạng slide Power Point song hành là kịch bản dạy học được cung cấp tại tính năng Thư viện, các thầy cô giáo có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung thêm đảm bảo phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được *Hành trang số* xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGK và SGK.

– Ngoài ra, các thầy cô giáo cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng *Hành trang số* kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm các công cụ như: Luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; Đọc sách điện tử; Xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử;... Như vậy, các thầy cô giáo có thể truy cập SGK mọi lúc, mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính bàn, laptop, máy tính bảng; sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn giáo án.

6 KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

6.1. Một số thiết bị và học liệu có thể sử dụng trong dạy học Ngữ văn 7

GV có thể sử dụng các thiết bị và học liệu để chuẩn bị bài học theo mục 5: các tài liệu hướng dẫn, tập huấn SGK *Ngữ văn 7* và các video clip minh họa các tiết học cụ thể. Cùng những sản phẩm hỗ trợ của NXBGDVN, GV có thể chủ động sưu tầm, khai thác tư liệu từ các thư viện điện tử, thư viện của trường học và hướng dẫn HS tự làm các sản phẩm minh họa cho bài học: vẽ tranh, chụp ảnh tư liệu phù hợp với các chủ đề bài học.

6.2. Cách khai thác và sử dụng thiết bị, học liệu

GV cần tạo cho mình thư mục các tài liệu tham khảo, file lưu trữ học liệu có thể sưu tầm hoặc tự xây dựng phù hợp với các bài học theo SGK *Ngữ văn 7*. Cùng chia sẻ và tìm kiếm nguồn tài liệu với cộng đồng GV của trường, địa phương và trong cả nước qua các kênh thông tin phù hợp là cách để làm giàu hơn nguồn tư liệu dạy học khi bắt đầu thực hiện SGK *Ngữ văn 7* theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018. Có thể phân loại các nguồn tài nguyên cần sử dụng trong việc sử dụng SGK *Ngữ văn 7* như sau:

- Các tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 và triển khai SGK mới của Bộ GD&ĐT và NXBGDVN.
- Các tư liệu nguồn đáng tin cậy từ thư viện của nhà trường.
- Các sản phẩm học liệu do GV và HS tự làm, tự xây dựng: tranh ảnh, bài làm của HS.

Các tư liệu được dùng để chuẩn bị bài học cần có sự tích lũy qua nhiều năm và cần được phân loại theo thời gian, theo các chủ điểm bài học, thể loại hoặc hoạt động trong bài học (đọc, viết, nói, nghe). Các sản phẩm của HS năm trước có thể là một gợi ý, định hướng cho các HS năm sau: GV cần lưu lại các bài viết, tranh ảnh, tập san, video clip,... do chính HS của mình xây dựng để phân tích và hướng dẫn HS lớp khác, khoá khác một cách tích cực, hiệu quả. Video clip các phần thuyết trình của HS trong các giờ học nói và nghe hay các poster, tranh ảnh từ dự án đọc sách của HS là một nguồn học liệu sinh động nếu GV thực sự dụng công hướng dẫn HS xây dựng, khai thác hiệu quả.

Các sản phẩm sử dụng trực tiếp trên lớp cũng nên là sản phẩm do HS làm dưới sự hướng dẫn của GV: tranh minh họa cho các VB truyện, thơ trong mỗi bài học, các phiếu học tập, ghi chép, đánh giá, góc đọc sách của lớp và nhật kí đọc sách của các nhóm hoặc cá nhân,...

7 MỘT SỐ LƯU Ý TRONG VIỆC LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC NGỮ VĂN 7

Việc lập kế hoạch dạy học *Ngữ văn 7* trong cả năm học cần căn cứ vào thời lượng của môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, các VB hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, các cơ quan quản lý giáo dục và kế hoạch năm học của nhà trường. SGK *Ngữ văn 7* được thiết kế trên cơ sở 140 tiết/ 35 tuần thực học (trung bình 4 tiết/ tuần). Kế hoạch dạy học theo năm học, tuần, bài học đều căn cứ theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông (tổng thể) và Chương trình giáo dục phổ thông môn *Ngữ văn* năm 2018.

Thời lượng các bài học và hoạt động trong SGK *Ngữ văn 7* được phân bổ như sau:

STT	Tên bài	Số tiết
1	Bầu trời tuổi thơ	13 tiết (9 tiết đọc và thực hành tiếng Việt; 3 tiết viết (1 tiết hướng dẫn viết, 1 tiết viết, 1 tiết trả bài); 1 tiết nói và nghe)
2	Khúc nhạc tâm hồn	12 tiết (7 tiết đọc và thực hành tiếng Việt; 4 tiết viết (1 tiết hướng dẫn làm thơ bốn chữ hoặc năm chữ, viết bài thơ ở nhà, 1 tiết hướng dẫn viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ, 1 tiết viết, 1 tiết trả bài); 1 tiết nói và nghe)
3	Cội nguồn yêu thương Đọc mở rộng	13 tiết (8 tiết đọc và thực hành tiếng Việt; 4 tiết viết (2 tiết hướng dẫn viết, 1 tiết viết, 1 tiết trả bài); 1 tiết nói và nghe) 2 tiết (HS trình bày kết quả đọc VB các em tự chọn)
4	Giai điệu đất nước	12 tiết (8 tiết đọc và thực hành tiếng Việt; 3 tiết viết (1 tiết hướng dẫn viết, 1 tiết viết, 1 tiết trả bài); 1 tiết nói và nghe)
5	Màu sắc trăm miền Đọc mở rộng	12 tiết (8 tiết đọc và thực hành tiếng Việt; 3 tiết viết (1 tiết hướng dẫn viết, 1 tiết viết, 1 tiết trả bài); 1 tiết nói và nghe) 2 tiết (HS trình bày kết quả đọc VB các em tự chọn)
	Kiểm tra giữa kì, ôn tập và kiểm tra cuối kì	2 tiết (kiểm tra) + 2 tiết (ôn) + 2 tiết (kiểm tra)
6	Bài học cuộc sống	12 tiết (8 tiết đọc và thực hành tiếng Việt; 3 tiết viết (1 tiết hướng dẫn viết, 1 tiết viết, 1 tiết trả bài); 1 tiết nói và nghe)
7	Thế giới viễn tưởng Đọc mở rộng	12 tiết (8 tiết đọc và thực hành tiếng Việt; 3 tiết viết (1 tiết hướng dẫn viết, 1 tiết viết, 1 tiết trả bài); 1 tiết nói và nghe) 2 tiết (HS trình bày kết quả đọc VB các em tự chọn)
8	Trải nghiệm để trưởng thành	13 tiết (9 tiết đọc và thực hành tiếng Việt; 3 tiết viết (1 tiết hướng dẫn viết, 1 tiết viết, 1 tiết trả bài); 1 tiết nói và nghe)

9	Hòa điệu với tự nhiên Đọc mở rộng	13 tiết (9 tiết đọc và thực hành tiếng Việt; 3 tiết viết (1 tiết hướng dẫn viết, 1 tiết viết, 1 tiết trả bài); 1 tiết nói và nghe) 2 tiết (HS trình bày kết quả đọc văn bản các em tự chọn)
10	Trang sách và cuộc sống	8 tiết (4 tiết đọc; 2 tiết viết; 2 tiết nói và nghe)
	Kiểm tra giữa kì, ôn tập và kiểm tra cuối kì	2 tiết (kiểm tra) + 2 tiết (ôn) + 2 tiết (kiểm tra)

– Kế hoạch dạy học *Ngữ văn 7* trong năm học: Nhà trường, tổ chuyên môn hướng dẫn GV lập kế hoạch theo phân phối chương trình và kế hoạch năm học của toàn trường.

– Kế hoạch dạy học của từng bài học: Tổ chuyên môn và GV nghiên cứu bài học trong SHS, SGV và lập kế hoạch dạy học theo mạch kiến thức, kĩ năng của bài học. Chú ý mối quan hệ giữa các hoạt động: đọc, thực hành tiếng Việt, viết, nói và nghe, đọc mở rộng và năng lực của HS để có thể điều tiết thời lượng của các hoạt động phù hợp. Theo phân bổ chung, VB 1 dạy học trong 3 tiết (có thời gian cho giới thiệu chung về bài học và tri thức ngữ văn), VB 2: 2 tiết, VB 3: 1 tiết. Tuy vậy, trong các bài cụ thể thì tùy vào dung lượng, đặc điểm thể loại và độ khó của VB mà GV có thể điều chỉnh cho phù hợp. Số tiết phân bổ cho các phần Thực hành tiếng Việt, Viết, Nói và nghe, Đọc mở rộng cũng vậy.

1 HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC ĐỌC**1.1. Dạy học đọc VB truyện****a. VB truyện và mục tiêu dạy học đọc VB truyện trong Ngữ văn 7**

– Truyện là thể loại được dạy học nhiều nhất trong SGK Ngữ văn nói chung. Ở SGK Ngữ văn 7 có đến 4/ 9 bài học mà thể loại chính là truyện. Cụ thể, SGK Ngữ văn 7, tập một (bài 1 và 3) có 4 VB đọc là truyện hiện đại: *Bầy chim chìa vôi* (Nguyễn Quang Thiều), *Đi lấy mật* (trích *Đất rừng phương Nam*, Đoàn Giỏi), *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (trích, Nguyễn Ngọc Thuần), *Người thầy đầu tiên* (trích, Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp). Cả 4 VB này đều có những chủ đề rất gần gũi, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi thiếu nhi: trải nghiệm tuổi thơ và sự yêu thương, chia sẻ.

SGK Ngữ văn 7, tập hai, ở bài 6 có 3 VB đọc là truyện ngụ ngôn và 1 VB đọc là truyện (trung đại): *Đẽo cày giữa đường* (Ngụ ngôn Việt Nam), *Ếch ngồi đáy giếng* (Trang Tử), *Con mồi và con kiến* (Nam Hương), *Con hổ có nghĩa* (Vũ Trinh); ở bài 7 có 2 VB truyện khoa học viễn tưởng: *Cuộc chạm trán trên đại dương* (trích *Hai vạn dặm dưới biển*, Giuyn Véc-nơ), *Đường vào trung tâm vũ trụ* (trích *Thiên Mã*, Hà Thuỷ Nguyên).

Ngoài ra, trong cả 4 bài dạy học về truyện (1, 3, 6 và 7) còn có các VB truyện đặt ở phần *Thực hành đọc* (HS tự đọc ngoài giờ lên lớp) gồm: *Ngôi nhà trên cây* (trích *Tốt-tô-chan bên cửa sổ*, Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô); *Trong lòng mẹ* (trích *Những ngày thơ ấu*, Nguyên Hồng); *Thiên nga, cá măng và tôm hùm* (I-van Crư-lốp); *Chiếc đũa thần* (trích *Tinh vân Tiên Nữ*, I. A. E-phơ-rê-mốp).

– Mục tiêu dạy học đọc VB truyện được thể hiện cụ thể ở yêu cầu cần đạt của các bài học 1, 3, 6 và 7; chủ yếu tập trung vào các yêu cầu: nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể; nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề; nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm:

+ Với lớp 7, tuy yêu cầu cần đạt của chương trình chưa đòi hỏi phải khai thác sâu đặc điểm thi pháp của các thể loại truyện, nhưng GV cần nắm vững kiến thức về thể loại truyện (truyện ngụ ngôn, truyện hiện đại, truyện khoa học viễn tưởng), từ đó, có thể định hướng tổ chức các hoạt động dạy học đọc theo “mã” thể loại; giúp HS phát triển năng lực đọc hiểu VB truyện.

+ Những kiến thức cơ bản GV cần nắm gồm có: các yếu tố cơ bản của truyện nói

chung như: đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật, người kể chuyện và sự thay đổi kiểu người kể chuyện; đặc điểm của truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng.

- Đề tài là phạm vi đời sống được phản ánh trực tiếp trong tác phẩm văn học. Khi xác định đề tài, có thể dựa vào phạm vi hiện thực được miêu tả (đề tài thiên nhiên, đề tài lịch sử, đề tài gia đình,...) hoặc dựa vào loại nhân vật (đề tài trẻ em, đề tài nông dân, đề tài người lính,...). Một tác phẩm có thể gồm nhiều đề tài, trong đó có một đề tài chính.

- Chi tiết là yếu tố nhỏ nhất trong thế giới hình tượng của tác phẩm văn học (thiên nhiên, con người, sự kiện,...) nhưng có sức chứa lớn về cảm xúc, tư tưởng. Nhà văn sử dụng chi tiết để tạo dựng bối cảnh, xây dựng cốt truyện, miêu tả nhân vật,... Trong đó, chi tiết tiêu biểu giữ vai trò trung tâm, có tác dụng làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được nói tới. Những chi tiết được lặp lại một cách có dụng ý thường đóng vai trò rất quan trọng.

- Tính cách nhân vật là những đặc điểm riêng tương đối ổn định của nhân vật, được bộc lộ qua mọi hành vi, cách ứng xử, cảm xúc, suy nghĩ,... của nhân vật. Tính cách nhân vật còn được miêu tả qua các mối quan hệ, qua lời kể và suy nghĩ của nhân vật khác.

- Trong một truyện kể, nhà văn có thể sử dụng nhiều ngôi kể khác nhau. Có tác phẩm sử dụng hai, ba người kể chuyện ngôi thứ nhất; có tác phẩm lại kết hợp người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. Sự thay đổi kiểu người kể chuyện là ý đồ nghệ thuật của tác giả. Mỗi ngôi kể thường mang đến cách nhìn nhận, đánh giá riêng khiến câu chuyện được kể trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa.

+ *Truyện ngụ ngôn*: hình thức tự sự cỡ nhỏ, có nội dung phản ánh những bài học đạo lý và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió. Một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn: truyện ngụ ngôn thường ngắn gọn, được viết bằng thơ hoặc văn xuôi; nhân vật truyện ngụ ngôn có thể là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hoá (có đặc điểm như con người); truyện ngụ ngôn thường nêu lên những tư tưởng, đạo lý hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước.

+ *Truyện khoa học viễn tưởng*: loại tác phẩm viết về thế giới tương lai dựa trên sự phát triển của khoa học dự đoán, thường có tính chất li kì. Truyện khoa học viễn tưởng sử dụng cách viết lô-gíc nhằm triển khai những ý tưởng về viễn cảnh hay công nghệ tương lai. Vì có nền tảng là các nguyên lý khoa học mới của thời hiện đại nên có những giả tưởng trong truyện khoa học viễn tưởng có thể trở thành sự thật. Truyện khoa học viễn tưởng xuất hiện đầu tiên ở Pháp vào khoảng nửa sau thế kỉ XIX, sau đó nhanh chóng lan rộng ra các nước như Mỹ, Anh, Ca-na-đa, Nga và phổ biến trên toàn thế giới.

– Phương tiện dạy học: GV nên chuẩn bị video clip, phiếu học tập, đoạn phim ngắn, tranh ảnh,... có liên quan.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc hiểu VB truyện

– Mở đầu bài học, GV tổ chức một số hoạt động dạy học được quy định chung cho tất cả các bài:

+ Tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học: GV hướng dẫn HS đọc lời đề từ và phần giới thiệu bài học để nắm được chủ đề bài học và thể loại đọc. HS trao đổi trong nhóm, sau đó một số HS trình bày trước lớp. GV và HS thống nhất cách hiểu.

+ Khám phá *Tri thức ngữ văn*: Ở Tiểu học, HS đã học đọc một số tác phẩm truyện nhưng chưa được trang bị tri thức ngữ văn về thể loại. Ở lớp 6, HS đã bước đầu được làm quen với một số khái niệm công cụ để đọc hiểu VB truyện. Dựa trên những truyện mà các em đã học, đã đọc và tri thức về truyện mà các em được học từ lớp 6, GV hướng dẫn cho HS đọc, nhận biết được các khái niệm công cụ như: đề tài và chi tiết, tính cách nhân vật, thay đổi kiểu người kể chuyện, truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng,... Cần tránh dạy thuần túy lí thuyết (không dành 1 tiết riêng để dạy *Tri thức ngữ văn*). Mỗi khái niệm đều cần phải được hình thành trên cơ sở quy nạp từ những ngữ liệu cụ thể mà HS đã học, đã đọc trước đó. GV cũng có thể chọn phương án cho HS tiếp cận với các khái niệm công cụ ngay trong quá trình đọc VB, dùng chính VB để giúp HS nắm khái niệm.

– Hoạt động đọc VB truyện được thực hiện theo các bước như đọc các VB thuộc những loại, thể loại VB khác, thường theo các bước: khởi động trước khi đọc, đọc VB, trả lời câu hỏi, viết kết nối với đọc (Với VB 3 thì không có yêu cầu viết, hoạt động khởi động trước khi đọc và vận dụng các chiến lược đọc trong khi đọc thì linh hoạt). Tuy nhiên, việc đọc VB truyện có một số đặc điểm riêng cần lưu ý.

+ Hoạt động đọc VB: VB truyện trong SGK *Ngữ văn 7* có độ dài khoảng từ 5 đến 8 trang (gồm cả tranh minh hoạ). Muốn đọc hiểu tác phẩm truyện, trước hết phải nắm được cốt truyện. GV cần yêu cầu HS đọc trước VB ở nhà và thực hiện một số nhiệm vụ đọc để chuẩn bị bài trước khi đến lớp. GV cần kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và có thể sử dụng những kết quả đó để tổ chức hoạt động dạy học. Trên lớp, trước hết GV tổ chức hoạt động khởi động để giúp HS huy động hiểu biết, trải nghiệm đã có vào việc học VB mới, sau đó cho các em đọc to một số đoạn quan trọng, hoặc sử dụng hình thức đọc theo “vai” (người kể chuyện, các nhân vật). Khi đọc các VB truyện, GV cần hướng dẫn HS sử dụng các chiến lược *theo dõi, dự đoán*,...

+ Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Như hệ thống câu hỏi sau khi đọc của *Ngữ văn 7* nói chung, các câu hỏi sau khi đọc ở bài 1, 3, 6, 7 bám sát các yêu cầu cần đạt và được thiết kế theo ba nhóm câu hỏi: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng.

Nhóm câu hỏi *nhận biết* thường gắn với yêu cầu nhận diện người kể chuyện (ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba); tìm các chi tiết miêu tả thời gian, không gian; xác định sự kiện chính; tóm tắt được nội dung cốt truyện. Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận* giúp HS nắm bắt được đặc điểm của nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, suy nghĩ, cảm xúc và những nét nghệ thuật nổi bật khác của thể loại truyện có liên quan đến cốt truyện, tình huống, ngôi kể,... Nhóm câu hỏi *đánh giá, vận dụng* chú trọng

phát triển năng lực đánh giá, vận dụng của HS và bồi đắp, hoàn thiện nhân cách cho các em. Chẳng hạn: *Khi đọc đoạn văn miêu tả khung cảnh bãi sông trong buổi bình minh, em có ấn tượng nhất với chi tiết nào? Vì sao?* (Bầy chim chìa vôi); *Đọc đoạn trích, em có ấn tượng như thế nào về con người và rừng phương Nam?* (Đi lấy mật); *Theo em, thiện cảm của người kể chuyện được dành cho mối hay cho kiến?* Vì sao em khẳng định như vậy? (Con mối và con kiến); *Nêu tác dụng của việc nhà văn đã để cho một nhà khoa học vào vai người kể chuyện ngôi thứ nhất?* Theo em, con người cần làm gì để vừa chinh phục đại dương vừa không làm ảnh hưởng môi trường biển? (Cuộc chạm trán trên đại dương). Ở nhóm câu hỏi đánh giá, vận dụng, HS có điều kiện nêu những bài học cho bản thân qua cách nghĩ, cách ứng xử được gợi ra từ các VB. Ví dụ: bài học về tình yêu thương con người và vạn vật ở bài 1 và bài 3; bài học về ứng xử từ trí tuệ dân gian ở bài 6; bài học về khát vọng chinh phục thế giới ở bài 7. Các em lựa chọn theo trải nghiệm cá nhân để chia sẻ về một bài học mà bản thân mình hiểu và tâm đắc. Điều này giúp HS có hứng thú và phát huy sự chủ động, độc lập, sáng tạo trong việc đọc hiểu tác phẩm.

1.2. Dạy học đọc VB thơ

a. VB thơ và mục tiêu dạy học đọc VB thơ

– Trong *Ngữ văn 7* có 4 VB thơ được chọn làm VB thuộc thể loại chính của bài là: *Đồng dao mùa xuân* (Nguyễn Khoa Điềm), *Gặp lá cơm nếp* (Thanh Thảo) ở bài 2; *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải), *Gò Me* (trích, Hoàng Tố Nguyên) ở bài 4. Có 3 VB thơ được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề: *Ngàn sao làm việc* (Võ Quảng) ở bài 1, *Quê hương* (Tế Hanh) ở bài 3, *Nói với con* (Y Phương) ở bài 8.

Ngoài ra, còn có các VB thơ được dùng để HS thực hành đọc ở các bài có thể loại chính là thơ: *Chiều sông Thương* (Hữu Thỉnh) ở bài 2, *Chiều biên giới* (Lò Ngân Sủn) ở bài 4.

– Các VB thơ được chọn đọc trong *Ngữ văn 7* đều là những ngữ liệu phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu của Chương trình về phát triển kĩ năng đọc VB thơ, từ đọc hiểu hình thức, đọc hiểu nội dung đến liên hệ, so sánh, kết nối. Ở các VB thơ, hệ thống câu hỏi sau đọc trong SGK đều hướng HS tới:

+ Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ nói chung và bài thơ bốn chữ, năm chữ nói riêng thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

+ Nhận biết được chủ đề, thông điệp về tình yêu đối với con người, quê hương, đất nước.

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm:

+ Kiến thức chung về ngôn ngữ thơ: Đó là ngôn ngữ được nhà thơ chắt lọc, lựa chọn kĩ lưỡng, vì vậy rất hàm súc, gợi hình, gợi cảm, giàu tính nhạc và thường sử dụng nhiều biện pháp tu từ.

+ Kiến thức về hình ảnh thơ, vần, các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điệp ngữ

mà HS đã được học ở Tiểu học; các biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ HS đã được học ở lớp 6, GV có thể hướng dẫn HS ôn lại.

– Ở lớp 7, GV hướng dẫn HS tìm hiểu *số tiếng, nhịp* của thơ bốn chữ và thơ năm chữ, tình cảm trong thơ, hình ảnh trong thơ, nhịp thơ.

– Phương tiện dạy học: GV nên chuẩn bị video clip (ngâm thơ, đọc thơ), phiếu học tập, đoạn phim ngắn, tranh ảnh có liên quan đến nội dung bài học.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc hiểu VB thơ

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học, hình thành tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc loại, thể loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), việc dạy học đọc VB thơ trong *Ngữ văn 7* có một số đặc điểm riêng sau đây:

– Hoạt động đọc VB: HS cần được khuyến khích đọc VB trước khi đến lớp. Ở lớp, GV đọc mẫu một đoạn đầu, sau đó yêu cầu HS đọc thành tiếng toàn VB. Các VB thơ trong *Ngữ văn 7* không dài, vì vậy, mỗi HS có thể đọc thành tiếng toàn bài. Tuy nhiên, để tạo cơ hội cho nhiều HS được đọc, mỗi HS nên đọc một đoạn có độ dài vừa phải. GV lưu ý HS sử dụng chiến lược *hình dung* và *theo dõi* trong khi đọc VB thơ. Trong quá trình hướng dẫn đọc, GV có thể gợi ý thêm bằng các câu hỏi nhỏ, nhưng cần tránh làm gián đoạn mạch đọc của HS.

– Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Hệ thống câu hỏi sau khi đọc hướng tới khai thác những đặc điểm hình thức của VB thơ cũng như những giá trị nhân văn của tác phẩm.

+ Nhóm câu hỏi *nhận biết* thường hướng tới yêu cầu HS xác định những yếu tố *hình thức* thơ như số dòng, số đoạn (khổ), số tiếng trong một dòng, vần, nhịp; hình ảnh; các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ.

+ Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận* yêu cầu HS tìm ra những nội dung của VB thơ như cảm xúc của tác giả (tình cảm đối với người lính), chủ đề, thông điệp (về tình yêu quê hương, đất nước),...

+ Nhóm câu hỏi *đánh giá, vận dụng* nhằm phát triển khả năng *liên hệ, so sánh, kết nối* với các VB thơ khác cùng chủ đề, thể loại; với cuộc sống và với bản thân HS như trách nhiệm với gia đình, quê hương.

1.3. Dạy học đọc VB tùy bút, tản văn

a. VB tùy bút, tản văn và mục tiêu của việc dạy học đọc tùy bút, tản văn trong *Ngữ văn 7*

– Trong *Ngữ văn 7* có một VB tùy bút và một VB tản văn được chọn làm VB đọc thuộc thể loại chính của bài học, tập trung ở bài 5. *Màu sắc trăm miền*. Đó là các VB: *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* (trích, Vũ Bằng), *Chuyện cơm hến* (Hoàng Phủ Ngọc Tường). Có 2 VB tản văn được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề:

Trở gió (Nguyễn Ngọc Tư) ở bài 2 và *Bản tin về hoa anh đào* (Nguyễn Vĩnh Nguyên) ở bài 9. Ngoài ra, còn có VB tản văn *Những khuôn cửa dấu yêu* (Trương Anh Ngọc) dành cho HS thực hành đọc ở cuối bài 5.

Ở *Ngữ văn 6*, HS đã được làm quen với thể du kí, qua đó các em bước đầu nhận biết đặc trưng loại hình kí nói chung. Các VB tuỳ bút, tản văn ở *Ngữ văn 7* tạo cho các em cơ hội được tìm hiểu thêm về loại hình kí thông qua hai thể loại quen thuộc, phổ biến.

– Qua việc dạy các VB cụ thể, GV cần cho HS thấy hình thức ghi chép là dấu hiệu chính để xác định một VB kí; nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của VB.

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm:

+ Đặc trưng của thể loại kí: Kí là loại hình văn học chú trọng ghi chép sự thực (sự việc, sự vật, con người, tư tưởng, quan niệm,... có thật trong đời sống). Ở kí, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình, nghị luận, tư duy khoa học. Đọc một tác phẩm kí, cần chú ý đến chủ thể viết, thông tin, bố cục.

+ Đặc điểm của tuỳ bút, tản văn:

- Tuỳ bút là một thể loại văn xuôi thuộc loại hình kí. Điểm tựa của tuỳ bút là cái tôi của tác giả. Qua việc ghi chép về con người, sự kiện cụ thể, có thực, tác giả tuỳ bút thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của mình. Tuỳ bút thiên về tính trữ tình; có thể kết hợp trữ tình, suy tưởng, triết lí, chính luận. Bố cục bài tuỳ bút khá tự do, được triển khai theo một cảm hứng chủ đạo, một tư tưởng chủ đề nhất định. Tuỳ bút không nhất thiết phải có một cốt truyện cụ thể hay nhân vật hoàn chỉnh. Ngôn từ của tuỳ bút giàu hình ảnh, giàu chất thơ.

- Tản văn là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc. Người viết tản văn thường dựa trên một vài nét chấm phá về đời sống để thể hiện tâm trạng, suy nghĩ, chủ kiến của mình. Tản văn khá tự do trong cách biểu hiện, có sự kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận, miêu tả, khảo cứu,... Ngôn từ của tản văn gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự.

– Phương tiện dạy học: Khi dạy tuỳ bút, tản văn, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học như tranh ảnh, video,..., nhất là những phương tiện nghe nhìn có liên quan đến nội dung về đẹp phong phú, đa dạng của những các vùng miền.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc hiểu VB tuỳ bút, tản văn

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học, hình thành tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc loại, thể loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc VB tuỳ bút, tản văn trong *Ngữ văn 7*, GV cần đặc biệt lưu ý mấy điểm sau:

– Hoạt động đọc VB: GV cần chú ý các chiến lược đọc ở mỗi bài và hướng dẫn HS trả

lời câu hỏi sau khi đọc. Cần chú ý, mỗi câu hỏi (tùy bài cụ thể) để cập một phương diện nổi bật trong đặc trưng của tùy bút và tản văn.

– Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): GV lưu ý 3 nhóm câu hỏi sau khi đọc một VB tùy bút và tản văn:

+ Những câu hỏi liên quan đến người kể chuyện và đối tượng, sự việc được kể, thường được đặt ở mức độ *nhận biết*. Đây là những câu hỏi khai thác thông tin.

+ Những câu hỏi yêu cầu phân tích hình ảnh, chi tiết thường được đặt ở mức độ *phân tích, suy luận*. GV hướng dẫn HS trên cơ sở nhận biết hình ảnh, chi tiết, biết khai thác ý nghĩa VB, giúp HS cảm nhận được tình cảm, tư tưởng của tác giả thể hiện qua các hình ảnh, chi tiết. Cần lưu ý, ở các bài tùy bút, tản văn, hình tượng tác giả – người kể chuyện hiện lên rõ nét hơn so với ở các thể loại khác. Góc độ quan sát, cách nhìn, cách đánh giá, cách tiếp cận, cách đưa thông tin về đời sống thực trong kí luôn phụ thuộc vào phong cách riêng của mỗi người viết, có khả năng truyền cảm và tác động mạnh đến người đọc.

+ Các câu hỏi ở mức độ *đánh giá, vận dụng* thường yêu cầu HS đưa ra những ý kiến riêng. Bài kí được coi là một cách tiếp cận đời sống thực của cá nhân người viết. Do vậy, khi đọc kí, người đọc hoàn toàn có thể đối thoại với ý kiến của tác giả, chẳng hạn như: *Nêu nhận xét của em về cách tác giả diễn tả cảm giác của lòng mình khi mùa xuân đến; Chọn một câu văn cho thấy lời văn của bài tùy bút như lời trò chuyện tâm tình. Theo em, đặc điểm đó của lời văn có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc?* (Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt); *Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm hến và bếp lửa gợi cho em suy nghĩ gì về ý thức gìn giữ bản sắc văn hoá của người dân địa phương?; Em cảm nhận như thế nào về cái tôi tác giả được thể hiện trong “Chuyện cơm hến”?* (Chuyện cơm hến). Với những câu hỏi loại này, GV khuyến khích HS nói được những cảm nhận riêng, đưa ra những ý kiến riêng dựa trên kinh nghiệm, cá tính của từng em. Có thể có nhiều phương án trả lời, không nên quy về một đáp án cứng nhắc.

1.4. Dạy học đọc VB nghị luận

a. VB nghị luận và mục tiêu dạy học đọc hiểu VB nghị luận trong Ngữ văn 7

– VB nghị luận được dạy học chủ yếu ở 2 bài: bài 8 (nghị luận xã hội) và bài 10 (nghị luận văn học). Bài 8 có 2 VB nghị luận: *Bản đồ dẫn đường* (Đa-ni-en Gốt-li-ép) và *Hãy cầm lấy và đọc* (Huỳnh Như Phương). Ngoài ra, VB thực hành đọc *Câu chuyện về con đường* (Đoàn Công Lê Huy) cũng thuộc loại VB nghị luận và có chủ đề tương tự: trải nghiệm để trưởng thành. Bài 10 có một VB nghị luận: *Vẻ đẹp giản dị và chân thật của “Quê nội”* (Võ Quảng) (trích, Trần Thanh Địch). Bên cạnh các VB nghị luận thuộc loại VB chính của bài học, *Ngữ văn 7* còn có VB nghị luận văn học kết nối về chủ đề: *Bài thơ “Đường núi” của Nguyễn Đình Thi* (Vũ Quần Phương) ở bài 4.

Các VB nghị luận trong *Ngữ văn 7* có nhiều điểm giống nhau về hình thức: ngắn gọn, vấn đề được bàn luận không xa lạ với cuộc sống hằng ngày của HS, quan điểm của

người viết thể hiện rõ ràng, nhất quán, lí lẽ sắc bén và bằng chứng phù hợp, lập luận có sức thuyết phục.

– Mục tiêu của việc dạy học đọc VB nghị luận trong *Ngữ văn 7* chủ yếu giúp HS: nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của VB với mục đích của nó.

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm: Ngoài những kiến thức về VB nghị luận mà GV đã được lưu ý từ khi dạy ở lớp 6, ở lớp 7, GV cần lưu ý thêm:

+ Các vấn đề được bàn trong VB nghị luận: Mọi vấn đề của đời sống xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học,... đều có thể được nêu ra để bàn trong VB nghị luận. VB nghị luận có giá trị phải chọn được vấn đề đáng quan tâm, có ý nghĩa với nhiều người. Trước một vấn đề, có thể có nhiều ý kiến khác nhau.

+ Mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB nghị luận: VB nghị luận bao giờ cũng thể hiện ý kiến của người viết. Sức thuyết phục của ý kiến phụ thuộc vào việc dùng lí lẽ và bằng chứng. Mỗi ý kiến thường được làm rõ bằng một số lí lẽ, mỗi lí lẽ được củng cố bởi một số bằng chứng. Ý kiến cần mới mẻ, lí lẽ cần sắc bén, bằng chứng cần xác thực, tiêu biểu, và tất cả những yếu tố đó phải có mối liên hệ với nhau, tạo thành một hệ thống chặt chẽ.

– VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là một loại VB nghị luận, trong đó người viết làm rõ và bàn luận về đặc điểm của một tác phẩm trên các phương diện nội dung, hình thức trong mối quan hệ với tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thời đại,... và khái quát giá trị chung của tác phẩm. Lí lẽ trong VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học chính là những ý kiến của người viết về đặc điểm nội dung, hình thức của tác phẩm. Bằng chứng trong VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là những phần (câu, đoạn), những chi tiết được dẫn từ VB theo hình thức trích dẫn nguyên văn hoặc lược thuật, tóm tắt lại.

– Phương tiện dạy học: GV chủ yếu sử dụng Powerpoint để trình chiếu các nội dung cần thiết khi dạy phần Đọc và phần Viết.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc hiểu VB nghị luận

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học, hình thành tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc loại, thể loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc hiểu VB nghị luận trong *Ngữ văn 7*, GV cần lưu ý mấy điểm sau:

– Hoạt động đọc VB: Dựa vào đặc điểm các VB nghị luận trong bài, GV hướng dẫn HS đọc trên lớp. GV cũng cần đọc mẫu (có thể chọn một số đoạn) và nói rõ yêu cầu của việc đọc (giọng đọc, âm lượng, tốc độ, cách biểu cảm,...). Trong quá trình đọc, GV nhắc HS chú ý chiến lược đọc được đặt trong các thẻ hướng dẫn đọc. Chẳng hạn, ở VB *Bản đồ*

dẫn đường và VB *Vẽ đẹp giản dị và chân thật của “Quê nội”* (Võ Quảng), chiến lược theo dõi được nhấn mạnh, còn ở VB *Hãy cầm lấy và đọc*, các chiến lược theo dõi, suy luận, phân tích đều cần được vận dụng. Chiến lược đọc này giúp HS nắm nội dung cũng như các thao tác nghị luận được sử dụng ở từng đoạn.

– Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): GV cần tập trung giúp HS nắm rõ: VB bàn về vấn đề gì? Hệ thống các ý được tổ chức như thế nào? Các ý đó được triển khai dựa trên những lí lẽ và bằng chứng nào? Các phương tiện phi ngôn ngữ đã được sử dụng ra sao? Em học hỏi được gì từ cách viết VB nghị luận của tác giả? VB giúp em có thêm hiểu biết gì về vấn đề được bàn luận?

Đối với việc dạy học đọc hiểu VB nghị luận, phát triển kĩ năng lập luận cho HS là nhiệm vụ cần được ưu tiên. Nhiệm vụ này được thực hiện thông qua việc tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi để nắm được cách người viết nêu vấn đề và sử dụng ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc về vấn đề được nêu ra.

1.6. Dạy học đọc VB thông tin

a. VB thông tin và mục tiêu dạy học đọc VB thông tin

– Trong *Ngữ văn 7*, VB thông tin được dạy học chủ yếu ở bài 9, gồm có 2 VB đọc thuộc loại VB chính của bài học: *Thủy tiên tháng Một* (Thơ-mát L. Phrít-man), *Lễ rửa làng của người Lô Lô* (Phạm Thuỳ Dung). Ngoài ra còn có 2 VB thuộc nhóm VB 3 là *Hội lồng tồng* (Trần Quốc Vượng – Lê Văn Hảo – Dương Tất Từ) ở bài 5, *Dấu ấn Hồ Khanh* (Nhật Văn) ở bài 7 và 1 VB thuộc phần *Thực hành đọc* (HS tự đọc ngoài giờ lên lớp) là *Thân thiện với môi trường* (Nguyễn Hữu Quỳnh Hương) ở bài 9.

– Các VB thông tin được chọn đọc trong *Ngữ văn 7* đều có dung lượng vừa phải, tương đối dễ tiếp nhận do cách diễn đạt giản dị, sáng rõ và nội dung sát hợp với chủ đề bài học, ngay cả những VB có liên quan đến những kiến thức khoa học và có dùng thuật ngữ thì cũng không có những kiến thức quá hàn lâm. Tất cả đều là những ngữ liệu phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu của Chương trình về phát triển kĩ năng đọc VB thông tin, từ đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức đến liên hệ, so sánh, kết nối. Ví dụ, VB *Thủy tiên tháng Một* giúp HS nhận biết được thông tin cơ bản của VB thông tin, cách triển khai, vai trò của các chi tiết, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; *Lễ rửa làng của người Lô Lô* giúp HS nhận biết được đặc điểm VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm:

+ Khái niệm VB thông tin: VB thông tin là loại VB chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về một đối tượng nào đó (sự vật, sự việc,...) phục vụ cho việc thông báo, giao dịch,... trong hoạt động giao tiếp. VB thông tin có thể được chia thành nhiều loại nhỏ theo các tiêu chí: tính chất của thông tin, cách triển khai thông tin, cấu trúc VB,... (*Ngữ văn 7* chỉ yêu cầu HS nắm bắt được đặc điểm của VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò

chơi hay hoạt động – một loại VB thông tin được nhận diện theo tiêu chí nội dung, tính chất của thông tin).

+ Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB thông tin: Có nhiều cách triển khai ý tưởng và thông tin khác nhau cho một VB thông tin. Bên cạnh cách triển khai theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả khá quen thuộc, các tác giả cũng thường chọn cách đưa ra liên tiếp nhiều góc nhìn khác nhau về sự vật, hiện tượng để độc giả nhận thấy được tính phức tạp của vấn đề được đề cập. Cũng có khi người viết lần lượt trình bày về từng bộ phận của đối tượng muốn nói đến trước khi đưa ra một thông tin hay quan điểm nhìn nhận thông tin mang tính bao trùm.

Việc chọn cách triển khai ý tưởng và thông tin luôn phụ thuộc vào các yếu tố chính sau đây: đặc điểm của đối tượng được nói tới, mục đích viết và hiệu quả tác động đến người đọc mà tác giả muốn đạt được.

+ Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động: Đây là loại văn bản thuyết minh nói về đặc điểm của một trò chơi hay hoạt động, giúp người đọc có thể tham gia, thưởng thức hay đánh giá về trò chơi, hoạt động ấy một cách thuận lợi. VB thường trình bày chi tiết về cách chơi, cách tổ chức hoạt động (thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia, các điều kiện phải đảm bảo,...) bằng những câu ngắn gọn, dễ hiểu, có thể kèm theo các hình vẽ hay bức ảnh mang tính minh họa.

– Phương tiện dạy học: Để dạy học đọc VB thông tin, bên cạnh giáo án (thiết kế bài dạy – học) thông thường, GV cần chuẩn bị thêm giáo án điện tử, kèm theo bộ hồ sơ gồm các tranh ảnh minh họa, các tờ báo, tạp chí có bài viết phù hợp, có thể được dùng như tài liệu trực quan giúp HS hiểu rõ các thành phần của VB thông tin, đặc điểm của VB có phương tiện phi ngôn ngữ (VB đa phương thức).

c. Triển khai dạy học đọc hiểu VB thông tin

Ngoài những hoạt động dạy học đọc áp dụng chung khi mở đầu bài học (tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học, hình thành tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc loại, thể loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc VB thông tin trong *Ngữ văn 7*, GV cần lưu ý mấy điểm sau:

– GV cần dựa vào hệ thống chiến lược đọc được cài đặt bên cạnh phần VB đọc và các câu hỏi ở phần *Sau khi đọc* để hướng dẫn HS tìm hiểu VB. Khi đi vào một VB thông tin cụ thể, cần làm rõ: *VB nói về vấn đề gì? Thông tin trong VB được triển khai theo trình tự hay quan hệ nào? Các phương tiện phi ngôn ngữ đã được sử dụng ra sao? VB giúp em có thêm hiểu biết gì về vấn đề đời sống được đề cập?*

– Đối với việc đọc VB thông tin, vấn đề phát triển tư duy lô-gíc cho HS cần được ưu tiên. Việc đòi hỏi HS nắm được cách đưa thông tin quan trọng hơn việc yêu cầu các em nhớ từng thông tin cụ thể.

1.7. Dạy học Đọc mở rộng

a. Đọc mở rộng và mục tiêu của hoạt động đọc mở rộng trong Ngữ văn 7

– SGK Ngữ văn 7 dành 8 tiết cho việc tổ chức hoạt động *Đọc mở rộng* tại lớp⁽¹⁾. Thời điểm để tổ chức hoạt động này được gợi ý qua các trang sách trong SHS có đề mục *Đọc mở rộng*. Các tiết *Đọc mở rộng* tại lớp này đã được tính trong thời lượng 140 tiết toàn năm học lớp 7 cho môn Ngữ văn.

– Theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, đọc mở rộng là hoạt động HS được tự tìm VB để đọc. Hoạt động này giúp HS hình thành, phát triển thói quen, hứng thú và kỹ năng tự tìm sách và đọc sách. Mục tiêu của tiết học *Đọc mở rộng* ở lớp là tạo cơ hội cho HS chia sẻ kết quả tự đọc sách của mình với các bạn và với GV; đồng thời cũng tạo điều kiện cho GV nắm bắt được xu hướng, kỹ năng đọc sách của HS để kịp thời có những chỉ dẫn, định hướng phù hợp với yêu cầu giáo dục.

b. Chuẩn bị

– Để chuẩn bị cho tiết *Đọc mở rộng* tại lớp, ví dụ cho tiết đầu tiên trong 8 tiết được bố trí, sau khi học xong từng bài học: *Bầu trời tuổi thơ*, *Khúc nhạc tâm hồn*, *Cội nguồn yêu thương*, GV cần giao nhiệm vụ cho HS tự tìm đọc (ngoài giờ lên lớp) các VB có cùng đặc điểm loại, thể loại (truyện hoặc thơ) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài này.

– HS có thể chọn sách từ tủ sách của lớp, mượn của thư viện trường hoặc tìm ở hiệu sách và từ các nguồn khác. GV cần khuyến khích HS xây dựng tủ sách của lớp ngay từ đầu năm học, hướng dẫn các em cách tìm sách ở thư viện của trường và hiệu sách. Để chuẩn bị tốt cho tiết học *Đọc mở rộng*, GV cũng cần hướng dẫn HS sử dụng các phiếu đọc sách để ghi lại kết quả đọc sách và tiện cho việc trao đổi kết quả đọc.

– GV cần chuẩn bị một số VB đáp ứng yêu cầu về loại, thể loại và chủ đề để có thể giới thiệu thêm cho HS tìm đọc. Như đã nêu, qua hoạt động đọc mở rộng, *Ngữ văn 7* mong muốn giúp HS hình thành và phát triển thói quen, hứng thú, kỹ năng tự tìm kiếm sách để đọc. Nhưng nếu HS không có điều kiện tìm được đúng VB mà *Ngữ văn 7* yêu cầu, GV có thể linh hoạt điều chỉnh chủ đề sách phải tìm, miễn là đáp ứng được yêu cầu về loại, thể loại VB để hoạt động đọc mở rộng vẫn được thực hiện một cách hiệu quả.

c. Triển khai dạy học *Đọc mở rộng* trong Ngữ văn 7

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, trao đổi về nội dung và nghệ thuật của VB mà mình đã đọc. Chẳng hạn với VB thuộc thể loại truyện, HS có thể đặt các câu hỏi để trao đổi trong nhóm về: đặc điểm tính cách nổi bật của nhân vật trong một truyện kể thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, qua lời người kể chuyện (*Truyện có những nhân vật nào? Những nhân vật đó có gì đáng chú ý về*

⁽¹⁾ GV có thể điều chỉnh thời gian cho *Đọc mở rộng* tùy theo điều kiện thực tế. Các thầy cô có thể tăng, giảm số tiết và tổ chức trao đổi kết quả đọc mở rộng sau mỗi bài thay vì gộp sau bài 3, bài 5, bài 7 và bài 9.

cử chỉ, hành động, lời thoại? Các nhân vật trong truyện nghĩ gì về nhau? Qua lời người kể chuyện, ta có thể hình dung như thế nào về các nhân vật?); về ngôi kể trong truyện (Người kể chuyện trong truyện là ai? Ngôi thứ mấy? Có sự thay đổi ngôi kể trong truyện không? Hãy thử thay đổi ngôi kể để kể lại câu chuyện và cho biết tác dụng của việc thay đổi ngôi kể đối với câu chuyện.).

– Một số HS đại diện cho các nhóm chia sẻ trước lớp những ý kiến nổi bật đã trao đổi trong nhóm. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, đánh giá chung và biểu dương những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách cho nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc.

1.8. Dạy học dự án đọc sách

a. Dự án đọc sách và mục tiêu của dạy học dự án đọc sách trong Ngữ văn 7

SGK Ngữ văn 7 dành 8 tiết (2 tuần) cho hoạt động đọc sách trong bài 10. *Trang sách và cuộc sống* sau khi các mục tiêu đọc, viết, nói, nghe, thực hành tiếng Việt đã cơ bản hoàn thành với 9 bài học trước đó. Trong khuôn khổ các hoạt động của dự án đọc sách, bài 10 có yêu cầu giúp HS đọc hiểu VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. Hoạt động dạy học đọc hiểu VB nghị luận này được tổ chức theo cách như đã hướng dẫn trong phần về dạy đọc VB nghị luận và được tiến hành ngay trong giai đoạn đầu của dự án đọc sách, phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khác của dự án. Để tổ chức hoạt động dạy học dự án trong môn Ngữ văn, cụ thể là hoạt động đọc sách thực sự đạt hiệu quả, GV cần lưu ý những vấn đề sau:

– Xác định rõ mục tiêu của dự án (trong mối quan hệ với yêu cầu cần đạt của hệ thống bài học trước đó): phát triển kỹ năng tự đọc sách của HS, nâng cao khả năng tự học và dần trở thành một người đọc độc lập, biết làm việc với sách và vận dụng, sáng tạo trên cơ sở những gì đã đọc.

– Định hướng thể loại, chủ đề VB mà HS cần lựa chọn trên cơ sở các thể loại VB và chủ đề bài học của SGK Ngữ văn 7.

b. Lập kế hoạch tổ chức dự án đọc sách

Dựa vào kế hoạch dạy học môn Ngữ văn và kế hoạch năm học của nhà trường, GV có thể linh hoạt tổ chức hoạt động của dự án đọc sách trong bài 10 vào thời gian thích hợp, có thể là sau khi Ôn tập và Kiểm tra cuối năm để HS có thể tham gia các hoạt động trong dự án học tập với tâm thế thoải mái và hứng thú hơn. Để tổ chức hình thức dạy học dự án đối với bài học này đạt hiệu quả, thu hút và gợi hứng thú với HS, sau khi nghiên cứu kỹ mục tiêu, GV cần:

– Xác định rõ các hoạt động chính, tiến độ thực hiện hoạt động, sản phẩm dự kiến và các hình thức trình bày sản phẩm (báo cáo kết quả dự án) đã được định hướng trong bài học. GV cần lập kế hoạch tổ chức thực hiện dự án *Trang sách và cuộc sống* một cách cụ thể và phù hợp với đối tượng HS của lớp mình.

– Phối hợp với GV dạy học các môn học và hoạt động giáo dục khác như *Mĩ thuật, Âm nhạc, Hoạt động trải nghiệm*,... để có thể tổ chức hoạt động một cách sáng tạo, hấp dẫn.

– Nghiên cứu kĩ kế hoạch năm học, kế hoạch dạy học của nhà trường, từ đó xây dựng phương án sử dụng quỹ thời gian, điều chỉnh thời lượng phân bổ cho bài học một cách linh hoạt khi tổ chức hoạt động chuẩn bị (tập luyện) và báo cáo kết quả (trình bày, giới thiệu sản phẩm sau khi đọc). Thời lượng phân bổ cho bài học này trong Ngũ văn 7 là 8 tiết nhưng khi tích hợp hoạt động của các môn học khác, quỹ thời gian dành cho các hoạt động cụ thể có thể tăng lên. Phạm vi của dự án cũng không chỉ giới hạn trong một lớp mà có thể mở rộng ra cả khối lớp hoặc toàn trường, khi có sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch năm học của nhà trường.

– Khi lập kế hoạch dạy học dự án đọc sách, cần xác định rõ các hoạt động, nội dung, sản phẩm của hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể để HS có thể tham gia vào các hoạt động, tạo ra được sản phẩm cụ thể sau quá trình đọc, viết; trình bày, giới thiệu được sản phẩm khi nói và nghe (báo cáo kết quả dự án). Tham khảo mẫu kế hoạch sau đây:

Tên dự án: *Trang sách và cuộc sống*

Thời gian	Tiến trình tổ chức		Sản phẩm	Phân công nhiệm vụ	
	Hoạt động	Nội dung		Ở lớp	Ở nhà
1	Khởi động	Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn	HS nắm được mục tiêu và các hoạt động chính của bài học		
2, 3, 4	Thực hiện dự án: Đọc	Trước khi đọc Thách thức đầu tiên: <i>Chinh phục những cuốn sách mới</i>	Danh mục sách được chọn; pô-xtơ chung của dự án; góc đọc sách của nhóm, lớp; bản mục tiêu đọc sách của cá nhân và của nhóm. Nhật kí đọc sách: ghi chú về cuốn sách mới đọc, nhân vật, tác giả theo những cách sáng tạo, phù hợp với sở thích và năng lực của HS.		
5, 6	Thực hiện dự án: Viết	Thách thức thứ hai: <i>Từ ý tưởng đến sản phẩm</i>	Bản tóm tắt truyện theo hình thức truyện tranh; bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ kể lại câu chuyện yêu thích; bài phân tích một nhân vật văn học yêu thích.		
7, 8	Báo cáo kết quả: Nói và nghe	Về đích: <i>Ngày hội với sách</i>	Bài trình bày (theo hình thức nói): thuyết minh về các sản phẩm sáng tạo từ sách và ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.		

c. Chuẩn bị phương tiện thực hiện

Để đạt mục tiêu của dự án, GV cần huy động các phương tiện dạy học và cơ sở vật chất của nhà trường, của cộng đồng phụ huynh HS một cách hiệu quả:

- Thư viện nhà trường và/ hoặc các góc đọc sách của lớp: có quy mô phù hợp và có một số cuốn sách theo các chủ đề học tập đã được định hướng.
- Các phương tiện dạy học khác: có đủ màu vẽ, giấy vẽ, tư liệu hình ảnh minh họa: tranh ảnh, đoạn phim ngắn (nếu có),...

d. Quy trình tổ chức thực hiện dự án đọc sách

Bước 1: Nghiên cứu mục tiêu

Bước 2: Lập kế hoạch thực hiện và phân công nhiệm vụ theo kế hoạch

Bước 3: Tổ chức thực hiện dự án

- Hoạt động khởi động dự án đọc sách: thu hút HS tham gia dự án bằng các trò chơi, cuộc thi vui phù hợp điều kiện của trường, lớp...
- Hoạt động xây dựng sản phẩm: đọc, viết, có thể kết hợp vẽ minh họa. Nếu có điều kiện thì có thể xây dựng các đoạn phim ngắn, kịch bản để biểu diễn hoạt cảnh (tùy điều kiện của địa phương, nhà trường và năng lực của HS).
- Hoạt động báo cáo kết quả dự án: trình bày, giới thiệu sản phẩm, biểu diễn hoạt cảnh (nếu chuẩn bị được).

Các hoạt động cụ thể thuộc quy trình tổ chức dự án đọc sách theo hình thức tích hợp nội môn và liên môn (môn Ngữ văn và các môn học thuộc lĩnh vực giáo dục nghệ thuật) đã được hướng dẫn chi tiết trong SHS, SGV. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện của nhà trường và năng lực của HS, GV có thể phát triển, mở rộng và sáng tạo thêm trên cơ sở hướng dẫn của tài liệu tập huấn và SGK.

2 HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

2.1. Kiến thức tiếng Việt và mục tiêu dạy học tiếng Việt trong *Ngữ văn 7*

a. Kiến thức tiếng Việt

Việc đưa kiến thức tiếng Việt vào SGK *Ngữ văn 7* được thực hiện theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018. Các kiến thức này thuộc các cấp độ và bình diện ngôn ngữ khác nhau:

- Từ vựng: thành ngữ và tục ngữ: đặc điểm và chức năng; thuật ngữ: đặc điểm và chức năng; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ chứa yếu tố Hán Việt đó; ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh; số từ, phó từ: đặc điểm và chức năng.
- Ngữ pháp: các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu: mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ; công dụng của dấu chấm lửng (phối hợp với

dấu phẩy, tỏ ý nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết; thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng; làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm).

- Hoạt động giao tiếp: biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh: đặc điểm và tác dụng; liên kết và mạch lạc của VB: đặc điểm và chức năng.

- Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ: *từ ngữ địa phương*: hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền; phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.

b. Mục tiêu dạy học tiếng Việt

Tiếp nối quan điểm biên soạn của *Ngữ văn 6*, mục tiêu dạy học tiếng Việt trong *Ngữ văn 7* là trang bị cho HS công cụ để đọc hiểu, chứ không nhằm cung cấp kiến thức lí thuyết theo lô-gíc của khoa học nghiên cứu về ngôn ngữ. Vì vậy, các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt không được tập hợp để tạo thành một “phân môn” riêng theo cách mà SGK thuộc Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2006 đã thực hiện. Nó hoàn toàn phù hợp với chủ trương tích hợp kiến thức tiếng Việt và những kiến thức ngữ văn khác vào một bài học với VB là trung tâm. Do yêu cầu vận dụng kiến thức tiếng Việt để thực hành, qua đó phát triển kĩ năng giao tiếp, nên ngoài kiến thức mới đưa vào bài học theo yêu cầu của Chương trình, *Ngữ văn 7* còn thiết kế nhiều bài tập đòi hỏi HS vận dụng kiến thức đã học trước đó, kể cả kiến thức đã học ở Tiểu học và lớp 6 để tìm hiểu, khám phá các đặc điểm ngôn ngữ của VB. Trên cơ sở yêu cầu cần đạt chung như vậy, mỗi tiết *Thực hành tiếng Việt* đều bắt đầu bằng việc phân tích yêu cầu cần đạt cụ thể. Chẳng hạn, ở bài 3. *Cội nguồn yêu thương*, có 2 tiết thực hành tiếng Việt. Tiết 1 yêu cầu HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của số từ; tiết 2 yêu cầu HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của phó từ.

2.2. Chuẩn bị và triển khai dạy học

a. Chuẩn bị

- Những kiến thức cần nắm: GV đọc kĩ phần kiến thức tiếng Việt trong *Tri thức ngữ văn cho GV* trong SGK.

- Phương tiện dạy học: Ngoài SGK và tài liệu thiết kế kế hoạch dạy học theo hình thức thông thường, GV nên chuẩn bị thêm bài giảng điện tử để trình chiếu các nội dung cần thiết.

b. Triển khai dạy học thực hành tiếng Việt

- Hình thành kiến thức mới: Đây là hoạt động mở đầu phần *Thực hành tiếng Việt*. Với bài không có kiến thức mới mà chỉ dùng kiến thức đã học, chủ yếu là đã học ở Tiểu học hoặc ở lớp 6 để thực hành thì hoạt động mở đầu sẽ là củng cố kiến thức đã học; GV giúp HS ôn lại kiến thức đã biết để thực hành. Tuy nhiên, dù là hình thành kiến thức mới hay củng cố kiến thức cũ thì kiến thức đó chỉ được giới thiệu, phân tích một lần ở bài học mà nó xuất hiện đầu tiên. Ở các bài tiếp theo, GV chỉ nhắc lại nếu thấy cần thiết. Trước

khi bắt đầu hoạt động hình thành kiến thức mới, với một số kiến thức phù hợp, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi.

GV có thể hình thành kiến thức mới cho HS bằng cách sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ, đi từ ngữ liệu thực tế để HS tìm hiểu và rút ra khái niệm (phương pháp quy nạp); hoặc sử dụng phương pháp thông báo, giải thích, đưa khái niệm, định nghĩa về đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ và lấy ví dụ để minh họa (phương pháp diễn dịch).

– Thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ: Sau khi HS đã nắm được kiến thức (khái niệm, định nghĩa), GV cần cho HS thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ trong nhiều ngữ cảnh đa dạng. Ngoài ngữ liệu đã cho trong các khung *Nhận biết* đặt bên phải của phần *Thực hành tiếng Việt* trong SGK, có thể tìm thêm các ngữ liệu khác để HS thực hành nhận biết dưới sự hướng dẫn của GV. Hoạt động thực hành nhận biết với sự hỗ trợ của GV này là bước chuyển tiếp cần thiết giúp HS nắm vững kiến thức để hoàn thành các bài tập ở bước luyện tập, vận dụng.

– Luyện tập, vận dụng: Ở hoạt động này, GV có thể hướng dẫn HS làm việc cá nhân, theo cặp, nhóm để hoàn thành các bài tập. GV căn cứ vào thời gian của tiết học để hướng dẫn HS làm bài, không nhất thiết phải làm tất cả và tuân tực các bài tập tiếng Việt như trong SGK. Ví dụ, với những bài tập chỉ vận dụng kiến thức đã học ở các lớp trước, nếu không đủ thời gian, GV có thể yêu cầu HS tự hoàn thành ở nhà. Nếu ngữ liệu để hình thành kiến thức được lấy từ những nguồn bất kì thì ngữ liệu được dùng để thiết kế các bài tập ở luyện tập, vận dụng trong SGK chủ yếu được lấy từ VB đọc có trong bài học. Phải đi theo quy trình như vậy thì hoạt động thực hành tiếng Việt mới đáp ứng mục tiêu phục vụ cho việc đọc hiểu, giúp HS đào sâu hơn hiểu biết về tác dụng của việc sử dụng các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB. Ngoài ra, GV có thể tự thiết kế thêm các bài tập khác để HS luyện tập, miễn là đáp ứng điều kiện thời gian và mục tiêu dạy học. Mỗi bài học, từ bài 1 đến bài 9, dự kiến có 2 tiết cho *Thực hành tiếng Việt*. Tuy vậy, tùy vào khả năng hoàn thành của HS và số bài tập bổ sung mà GV có thể dành thời gian nhiều hơn hoặc ít hơn so với dự kiến. Tóm lại, GV được quyền điều chỉnh linh hoạt số lượng bài tập và thời gian HS hoàn thành bài tập.

3 HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC VIẾT

3.1. Các kiểu bài viết trong Ngữ văn 7

Theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, SGK *Ngữ văn 7* cần hướng dẫn HS luyện tập viết các kiểu bài sau:

- VB kể chuyện: kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử (bài 7).
- VB biểu cảm: nêu cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ, tập làm thơ bốn chữ hoặc năm chữ (bài 2); trình bày tình cảm, suy nghĩ về con người hoặc sự việc (bài 4).
- VB nghị luận:
 - + VB nghị luận xã hội: trình bày ý kiến (tán thành hoặc phản đối) về một vấn đề trong đời sống (bài 6, bài 8).

+ VB nghị luận văn học: phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học (bài 3, bài 10).

– VB thông tin: tường trình một vụ việc (bài 5); thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động (bài 9).

Ngoài ra, HS còn được luyện tập viết tóm tắt VB theo những yêu cầu khác nhau về độ dài (bài 1).

Để việc dạy học viết đạt hiệu quả, GV cần chú ý đặc điểm của từng kiểu bài, yêu cầu cần đạt và quy trình dạy học viết đối với từng kiểu bài trong SGK *Ngữ văn 7*.

3.2. Quy trình dạy học viết

Phần *Viết* trong SGK *Ngữ văn 7* được sắp xếp sau phần *Đọc* (bao gồm cả *Thực hành tiếng Việt*) để HS có thể vận dụng kết quả đọc và thực hành tiếng Việt vào hoạt động viết một cách chủ động và hiệu quả. Quy trình căn bản của hoạt động dạy học viết trên lớp có thể hình dung như sau:

Bước 1: Giới thiệu kiểu bài

Bước 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài cần viết

Bước 3: Hướng dẫn HS đọc và phân tích bài viết tham khảo

Bước 4: Tổ chức cho HS thực hành viết theo trình tự: trước khi viết, viết bài, chỉnh sửa bài viết

Bước 5: Chấm bài, trả bài

Trong mỗi bước của quy trình dạy học viết, GV cần chú ý phối hợp hài hoà hoạt động hướng dẫn của thầy cô và hoạt động thực hành của HS. Nghiên cứu kĩ SGK, SHS và căn cứ vào năng lực thực tế của HS để vận dụng quy trình dạy học viết thực sự sinh động và hiệu quả.

Như đã giới thiệu ở phần *Những điểm mới cơ bản của SGK Ngữ văn 7*, ngoài *Viết bài theo kiểu loại VB*, mỗi bài học còn có phần *Viết kết nối với đọc* (được đặt ngay sau phần đọc hiểu VB1 và VB2. Phần này chỉ yêu cầu HS viết những đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu), đơn giản, có nội dung được gợi ra từ VB mà các em vừa đọc. Số lượng câu của đoạn văn cần viết vẫn chưa tăng thêm so với lớp 6, nhằm giúp HS làm quen dần với hoạt động này. Lên lớp 8 và lớp 9, vòng 2 của cấp THCS, yêu cầu về độ dài đoạn văn mới được nâng cao hơn. Khác với *Viết bài theo kiểu loại VB* sau hoạt động đọc của mỗi bài học, đoạn văn viết ở đây khá linh hoạt về kiểu loại.

Viết kết nối với đọc nhằm tạo cơ hội cho HS được luyện viết thường xuyên, từ đó giúp các em có thói quen viết, kĩ năng viết và hứng thú viết. Như chúng ta đều biết, hiện nay nhiều HS gặp khó khăn khi viết các bài tập làm văn. Các em không chỉ hạn chế về kĩ năng tìm ý tưởng và triển khai VB theo đặc trưng của từng kiểu bài mà còn yếu cả về kĩ năng viết câu, tổ chức đoạn văn. Để có những bài viết tốt thì trước hết HS cần có kĩ năng diễn đạt bắt đầu từ các đơn vị giao tiếp cơ bản là câu và tiếp theo là đoạn văn. *Viết kết nối với đọc* là hoạt động viết giúp HS rèn luyện kĩ năng đó. Một khi có được thói quen và kĩ năng

viết câu và đoạn như vậy (không khó như viết bài) thì các em sẽ tự tin và có hứng thú để viết, từ đó từng bước phát triển kỹ năng viết những VB có ý tưởng phong phú hơn và cấu trúc phức tạp hơn.

Như chính tên gọi của đề mục *Viết kết nối với đọc* cho biết, GV hướng dẫn HS sử dụng kết quả đọc để triển khai nội dung viết. Nội dung đó có thể cụ thể (SGK nêu rõ đề tài, HS không cần phải tìm kiếm) hoặc rất mở (SGK chỉ định hướng, còn nội dung cụ thể do HS lựa chọn). Theo phân phối chương trình, VB1 thường học trong 3 tiết, VB2 thường học trong 2 tiết. Hoạt động *Viết kết nối với đọc* có thể được tổ chức vào khoảng 7 – 10 phút cuối trong thời gian 2 hoặc 3 tiết cho mỗi VB đọc chính đó. Các em cũng có thể viết ở nhà tùy thuộc thời gian còn lại cho việc đọc VB1 và VB2 ở lớp còn nhiều hay ít. GV có thể gợi ý bằng một số câu hỏi (nếu cần thiết). Nói chung, *Viết kết nối với đọc* có thể được tiến hành theo cách linh hoạt, nhưng cần phải bảo đảm tất cả HS đều hoàn thành yêu cầu *Viết kết nối với đọc* ở các bài học. Các em lần lượt có được cơ hội chia sẻ kết quả viết trước lớp. GV nên chọn ngẫu nhiên một số bài viết để chấm nhanh và nhận xét, chú ý ưu tiên sửa bài cho những HS thường gặp khó khăn khi viết.

3.3. Những lưu ý khi dạy học viết theo từng kiểu bài

a. Kiểu bài kể lại một sự việc

– Kiểu bài này được phân bố ở bài 7 (*Thế giới viễn tưởng*). Trong bài học này, ở phần Đọc, HS đã được học 2 VB truyện khoa học viễn tưởng (*Cuộc chạm trán trên đại dương*, trích *Hai vạn dặm dưới biển* của Giuyn Véc-nơ; *Đường vào trung tâm vũ trụ*, trích *Thiên Mã* của Hà Thủy Nguyên) và một VB thông tin về một con người, sự việc có thật (*Dấu ấn Hồ Khanh* của Nhật Văn). Qua VB thông tin *Dấu ấn Hồ Khanh*, GV có thể định hướng cho HS vận dụng tri thức, kỹ năng từ hoạt động đọc để bước đầu hình thành kỹ năng viết về một sự việc có thật.

– Tuy được đặt trong bài học về truyện khoa học viễn tưởng, nhưng bài viết lại yêu cầu kể lại một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử. Việc kết nối đó có hàm ý rằng những gì diễn ra trong truyện khoa học viễn tưởng cũng có thể trở thành sự thật nếu con người có khát vọng và nỗ lực để biến khát vọng thành hiện thực. Đó có thể là nỗ lực của một người dân bình thường như nhân vật Hồ Khanh trong VB thông tin *Dấu ấn Hồ Khanh* (Nhật Văn) hay nỗ lực của một nhà khoa học lớn có tầm ảnh hưởng đối với nhân loại như Ê-đi-xơn trong bài viết tham khảo *Ê-đi-xơn và màn “trình diễn” ánh sáng*. SGK Ngữ văn 7 tập trung hướng dẫn HS viết bài về một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử. Tuy vậy, theo định hướng của Chương trình, GV có thể mở rộng cho HS có thêm một lựa chọn khác là viết bài về một sự việc có thật liên quan đến một sự kiện lịch sử.

– Bài văn viết về một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử cần đáp ứng các yêu cầu sau: Nhân vật được lựa chọn phải có vai trò (dù ít hay nhiều) trong bối cảnh lịch sử đương thời; sự việc được kể liên quan đến nhân vật đó phải có thật; sự việc phải có ý nghĩa trong bối cảnh lịch sử nhất định; sự việc được kể theo trình tự hợp lý; bài viết nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được kể, có sử dụng yếu tố miêu tả.

– GV có thể tổ chức hoạt động giới thiệu kiểu bài cho HS bằng các cách:

+ Gọi cho HS nhớ lại cách viết về một sự kiện mà các em đã học ở lớp 6 (bài 6), sau đó giải thích để HS nắm được đặc điểm của kiểu bài viết mới trong bài học này. Cũng là viết về một sự kiện/ sự việc, nhưng ở đây yêu cầu sự việc đó phải có thật và liên quan tới một nhân vật lịch sử.

+ Theo cách tiếp cận tích hợp, GV có thể đặt những câu hỏi liên quan đến VB *Dấu ấn Hồ Khanh* để HS nhận diện được kiểu bài mà các em sẽ viết. Ví dụ: *Mục đích của người viết VB này là gì? Sau khi đọc xong VB, em có thu thập thêm được thông tin mới hay không?* Từ việc nhận biết được những đặc điểm của VB đọc, HS có thể hình dung thêm về kiểu bài cần viết.

– Tuy HS đã làm quen với VB thuật lại một sự kiện ở lớp 6, nhưng viết về một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử vẫn là một kiểu bài mới đối với các em. GV cần lưu ý HS đọc lại yêu cầu đối với kiểu bài này trong SHS (trang 45) để nắm chắc được những yêu cầu đối với kiểu bài này.

– Đọc và phân tích bài viết tham khảo: GV giới thiệu bài viết tham khảo và yêu cầu HS làm việc theo nhóm để đọc bài viết tham khảo và phân tích các yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử được thể hiện qua bài viết này. GV nêu một số câu hỏi để định hướng cho HS trao đổi. Sau khi HS thảo luận nhóm xong, GV yêu cầu đại diện các nhóm trả lời. GV tổng hợp ý kiến của HS và chốt lại vấn đề. GV có thể cụ thể hoá những câu hỏi trên bằng hình thức phiếu học tập cho HS (xem SGV).

b. Kiểu bài tập làm thơ bốn chữ hoặc năm chữ

Từ hoạt động đọc hiểu, HS nhận biết được những đặc điểm hình thức nghệ thuật, nội dung của một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. Cùng với việc nhận diện luật thơ, vai trò của ngữ cảm, trực quan về âm thanh ngôn ngữ khi sáng tác là rất quan trọng. Do đó, GV nên hướng dẫn HS đọc đi đọc lại, đọc to theo nhiều cách khác nhau để thực sự cảm nhận được mô hình âm thanh, nhạc điệu (vần điệu, nhịp điệu,...) của một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. Điều này giúp HS sau khi đã lựa chọn được đề tài, ý tưởng, có thể chủ động hơn trong việc vận dụng, lựa chọn tiếng, từ ngữ để cấu tạo dòng thơ. GV cần cho HS làm đi làm lại các bước:

– Điền các tiếng thích hợp để tập gieo vần cho các dòng thơ (đã bỏ bớt đi một số tiếng ở vị trí cần chú ý về vần).

– Vì HS mới tập làm thơ bốn chữ hoặc năm chữ nên GV chỉ cần yêu cầu các em viết được một bài thơ ngắn. Hoạt động tập làm thơ bốn chữ hoặc năm chữ không đòi hỏi HS phải sáng tác được những câu thơ, bài thơ hay, mà chủ yếu là thực hành để HS hiểu hơn đặc điểm của thơ bốn chữ hoặc năm chữ và có thể giúp HS thể hiện được sở trường, năng khiếu, hứng thú (nếu có).

c. Kiểu bài ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

– Đây thực chất là dạng đơn giản của kiểu bài phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học. Kiểu bài này được phân bố ở bài 2. *Khúc nhạc tâm hồn*. Trong bài học này, VB đọc chính được viết bằng các thể thơ bốn chữ và thơ năm chữ: *Đồng dao mùa xuân* (Nguyễn Khoa Điềm), *Gặp lá cơm nếp* (Thanh Thảo). Do đó, GV cần tận dụng những tri thức, kĩ năng HS đã đạt được qua hoạt động đọc để có thể thực hiện các mục tiêu của bài viết. Để giúp HS vượt qua khó khăn khi thực hành viết kiểu bài *Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ*, cần nhắc các em nhớ lại những điều đã nắm được về cách thể hiện cảm xúc trữ tình mang tính đặc thù của bài thơ kể trên.

– HS viết được đoạn văn có cấu tạo 3 phần: Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn. Nội dung chính của đoạn văn là nêu được cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. Đoạn văn cần: giới thiệu được tên bài thơ và tác giả bài thơ, nêu được cảm xúc chung về bài thơ; diễn tả được cảm xúc về những nét nghệ thuật độc đáo, đặc biệt chú ý đến tác dụng của thể thơ bốn chữ, năm chữ trong việc góp phần tạo nên nét riêng, giá trị của bài thơ. Từ đó, nêu được những cảm xúc về nội dung của bài thơ.

d. Kiểu bài trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống

– Kiểu bài trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống được đặt ở bài 6. *Bài học cuộc sống* và bài 8. *Trải nghiệm để trưởng thành*. Ở lớp 6, HS đã được thực hành viết kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống. Tuy nhiên, các em chỉ mới được rèn luyện một vài kĩ năng cơ bản, gắn với các khái niệm then chốt như ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. Ở lớp 7, kiểu bài nghị luận đặt ra yêu cầu cao hơn. HS phải biết trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống theo hai hướng lập luận khác nhau: trình bày ý kiến tán thành (bài 6), trình bày ý kiến phản đối (bài 8).

– Từ những VB nghị luận đã đọc và bài viết tham khảo trong phần *Viết*, GV cần hướng dẫn HS nhận diện những vấn đề đời sống quen thuộc cần quan tâm và tìm hiểu để đi đến những kết luận, rút ra ý nghĩa, bài học thiết thực, phù hợp với lứa tuổi của các em. Đời sống của HS trong các mối quan hệ với gia đình, thầy cô, bạn bè và các hoạt động học tập, sinh hoạt, vui chơi hằng ngày có nhiều vấn đề cần quan tâm và giải quyết để có thể xác định được cách hành động, cách sống phù hợp với các chuẩn mực xã hội và với lứa tuổi. Tuy nhiên, khác với việc trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống nói chung, kiểu bài viết nêu ý kiến tán thành hoặc phản đối đòi hỏi lựa chọn vấn đề theo cách khác. Đó phải là vấn đề tồn tại những quan niệm, cách hiểu khác nhau, thậm chí đối lập nhau, trong đó, có quan niệm khiến người viết thấy thoả đáng, đúng đắn cần được tán thành, ủng hộ; có quan niệm khiến người viết thấy không thoả đáng, không đúng đắn cần phải phản đối. Nghĩa là, bài viết đòi hỏi ở HS khả năng nắm bắt và đánh giá vấn đề, kĩ năng sử dụng lí lẽ và bằng chứng phục vụ cho một hướng lập luận cụ thể: tán thành hoặc phản đối. Cần chú ý là ý kiến được trình bày trong bài không phải tán thành hay phản đối về chính vấn đề đời sống mà tán thành hay phản đối một quan niệm về vấn đề đời sống đó.

e. Kiểu bài phân tích một nhân vật văn học

– Kiểu bài nghị luận phân tích một nhân vật văn học được đặt ở bài 3. *Cội nguồn yêu thương* và bài 10. *Trang sách và cuộc sống*. Phân tích nhân vật là tìm kiếm, phát hiện các chi tiết trong tác phẩm để chỉ ra đặc điểm của nhân vật, từ đó khái quát nên giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

– SGK đã đưa ra các yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học, gồm: giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học ở phần Mở bài, chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm, nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn, nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật ở phần Thân bài.

– Khác với VB nghị luận về một vấn đề xã hội (đã có ở lớp 6), đây là kiểu bài tương đối mới. SGV đã có hướng dẫn cụ thể về những cách thức có thể áp dụng để giới thiệu kiểu bài, tìm hiểu các yêu cầu đối với kiểu bài, phân tích bài viết tham khảo, thực hành viết theo các bước. Do được triển khai trong hai bài học ở hai học kì (bài 3 và bài 10), nên khi thực hành viết kiểu bài này ở bài 10, GV cần lưu ý hướng dẫn HS kết nối những gì đã rèn luyện ở bài 3 để có được sản phẩm viết tốt hơn.

g. Kiểu bài thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

– Kiểu VB này được sử dụng rộng rãi trong đời sống, phần lớn được HS tiếp xúc qua những trò chơi, hoạt động mà mình tham gia. Lúc đó, VB thường được tạo lập tại chỗ bởi người chủ trì, dẫn chương trình, vì vậy, không có một hình thức cố định do cách tạo điểm nhấn khác nhau của người thực hiện, phù hợp với từng bối cảnh cụ thể. Do đó, HS sẽ gặp chút ít khó khăn khi thực hành viết kiểu bài này.

– SGV đã có một số gợi ý cho GV về cách giới thiệu kiểu bài, tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài, hướng dẫn HS phân tích bài viết tham khảo và thực hành viết theo các bước. SHS đã nêu khái quát các yêu cầu của kiểu bài viết. GV có thể mô hình hoá toàn bộ yêu cầu đó để HS dễ theo dõi trong quá trình thực hành viết theo các bước đã quy định. Lưu ý thêm: VB cần có dung lượng vừa phải với những câu văn ngắn gọn, cô đúc; các ý liên quan đến quy tắc, luật lệ có thể được viết theo hình thức gạch đầu dòng.

h. Kiểu bài viết tường trình một vụ việc

– VB tường trình mà HS tập viết ở đây có thể thuộc một trong hai trường hợp: loại VB có nội dung giả định và loại VB tường thuật một vụ việc có thực. Dù thuộc trường hợp nào, HS cũng cần nắm được thể thức của VB tường trình. GV cần định hướng: Vụ việc được chọn để tường trình không cần quá phức tạp, nhưng phải có đủ các yếu tố đòi hỏi được làm rõ bằng VB mới có thể giải quyết.

– SGV đã có một số gợi ý cho GV về cách giới thiệu kiểu bài, tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài, hướng dẫn HS phân tích bài viết tham khảo và thực hành viết theo các bước. Đây là VB mang tính hành chính nên việc tuân thủ thể thức phải được đặt lên hàng đầu. GV cần dành nhiều thời gian giúp HS tìm hiểu thể thức của VB tường trình, trao đổi về

phần giới thiệu thể thức của VB tường trình trong SHS, nêu câu hỏi để lưu ý HS về những điểm chính như: Vì sao phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ trong bản tường trình? Vì sao phải thuật lại vụ việc với đầy đủ thông tin về thời gian, địa điểm, những người có liên quan, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, người chịu trách nhiệm? Vì sao cần có lời cam đoan cuối bản tường trình?

i. Kiểu bài viết tóm tắt một văn bản

– Kiểu bài này được đặt ngay ở bài 1. *Bầu trời tuổi thơ*. HS nên được hướng dẫn tóm tắt chính những VB đọc trong SGK *Ngữ văn 6* hoặc *Ngữ văn 7*. Tuy vậy, các em có thể chọn một VB ngoài SGK.

– Yêu cầu quan trọng của việc tóm tắt VB là VB tóm tắt phải phản ánh đúng nội dung của VB gốc, người tóm tắt không đưa vào những thông tin vốn không có trong VB gốc hoặc những đánh giá, nhận xét chủ quan của mình về VB gốc; đồng thời VB tóm tắt cần phải thu tóm được những nội dung quan trọng của VB gốc. Tùy vào mục đích, cách thức, hoàn cảnh tóm tắt, VB tóm tắt có thể có độ dài khác nhau.

– SGK đã có những hướng dẫn cụ thể về cách giới thiệu kiểu bài, tìm hiểu các yêu cầu đối với kiểu VB tóm tắt, phân tích bài tóm tắt tham khảo và thực hành viết theo các bước.

– Với việc thực hành tóm tắt VB theo yêu cầu khác nhau về độ dài, HS có cơ hội rèn luyện kĩ năng nắm bắt nội dung cốt lõi của một VB đọc và kĩ năng biểu đạt các ý tưởng, thông tin một cách súc tích và linh hoạt. Nếu GV giúp HS hiểu được điều đó và thực hành với tinh thần như vậy thì tiết học sẽ rất hấp dẫn và thú vị.

3.4. Phân tích hoạt động dạy học viết từ một kiểu bài cụ thể (kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học)

Phần hướng dẫn dạy học viết kiểu bài này trong SGK gồm có các nội dung sau: 1. Phân tích yêu cầu cần đạt; 2. Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn; 3. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học, gồm các bước như đã giới thiệu ở quy trình tổ chức dạy học viết: giới thiệu kiểu bài, tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học, đọc và phân tích bài viết tham khảo, thực hành viết theo các bước, trả bài. Đó cũng là nội dung hướng dẫn dạy học viết các kiểu VB nói chung.

a. Phân tích yêu cầu cần đạt

SGV chỉ nêu ngắn gọn: HS bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Tuy vậy, GV có thể tìm thấy thông tin cụ thể hơn ở phần yêu cầu đối với kiểu bài. Nói chung, bài viết này phải bảo đảm các yêu cầu đối với kiểu VB nghị luận, cụ thể trong trường hợp này là kiểu VB phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học: giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học; chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm; nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn; nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

b. Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn

Nội dung phần này chủ yếu nhằm cung cấp thêm thông tin và ý tưởng để hỗ trợ GV tổ chức dạy học viết một kiểu VB cụ thể. Chẳng hạn, với kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học, SGK lưu ý phân tích nhân vật là tìm kiếm, phát hiện các chi tiết trong tác phẩm để chỉ ra đặc điểm của nhân vật, từ đó khái quát nên giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. SHS đã đưa ra các yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học, còn SGK thì có những gợi ý cụ thể về cách thức, câu hỏi mà GV có thể sử dụng để giúp HS nắm được thao tác phân tích nhân vật, ví dụ: Để chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm, cần lưu ý: Nhân vật có thể được xây dựng theo cách trực tiếp và/ hoặc gián tiếp. Ở cách trực tiếp, người kể chuyện nhận xét về đặc điểm nhân vật, còn ở cách gián tiếp, nhà văn để nhân vật tự bộc lộ mình qua ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ,... Vì thế, khi phân tích nhân vật, cần quan tâm đến các phương diện: vẻ ngoài của nhân vật (*Nhân vật trông như thế nào? Trang phục ra sao?*), xuất thân của nhân vật (*Nhân vật đến từ đâu? Hoàn cảnh như thế nào?*), hành động của nhân vật (*Nhân vật đã làm những gì?*), mối quan hệ của nhân vật với các nhân vật khác (*Nhân vật có mối quan hệ như thế nào với các nhân vật khác?*), lời nói và suy nghĩ của nhân vật (*Nhân vật đã nói và suy nghĩ gì?*). Ngoài ra, người viết cũng cần suy luận về động cơ của nhân vật trong tác phẩm (*Nhân vật thực sự muốn gì và lo sợ điều gì?*). GV có thể sử dụng những câu hỏi gợi ý này (trong SGK) hoặc có thể điều chỉnh, thêm bớt cho phù hợp.

c. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

– SGK trình bày các “kịch bản” để GV tham khảo và vận dụng trong tổ chức dạy học. Trước hết là gợi ý giới thiệu kiểu bài. Chẳng hạn: GV có thể yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Nhân vật văn học nào đã để lại trong em ấn tượng sâu sắc? Vì sao?*. GV có thể yêu cầu HS nêu đặc điểm nổi bật của một trong những nhân vật các em vừa học ở hai VB: *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, *Người thầy đầu tiên*. GV cũng có thể tổ chức trò chơi cho HS đoán tên các nhân vật đã học qua các từ khoá nêu đặc điểm của nhân vật. Từ đó, GV dẫn dắt vào bài học về cách viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

– SGK cũng gợi ý phương án tổ chức cho HS đọc và tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. GV có thể sử dụng câu hỏi như: *Theo em, một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học cần phải đáp ứng được yêu cầu gì?* Từ đó, đưa ra yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

– Tiếp theo là gợi ý tổ chức cho HS đọc và phân tích bài viết tham khảo. Chẳng hạn, sau khi yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo *Con mèo tuyệt vời nhất thế giới!*, GV hướng dẫn HS thảo luận về các yêu cầu của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học được thể hiện trong bài viết tham khảo này. GV có thể sử dụng các câu hỏi như: *Phần nào, câu nào đã giới thiệu nhân vật trong tác phẩm văn học? Đọc đoạn (2), (3) của bài văn và chỉ ra các câu nêu đặc điểm của nhân vật, chỉ ra một số câu nêu các bằng*

chúng trong tác phẩm; Đọc đoạn (4), (5) của bài văn và chỉ ra các câu nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn, chỉ ra các câu nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

– Sau đó là hướng dẫn tổ chức cho HS thực hành viết theo các bước và trả bài. Viết một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học cũng cần thực hiện các bước đúng như viết các kiểu VB khác, bắt đầu từ việc xác định mục đích viết và người đọc; lựa chọn đề tài; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết. Việc đặt ra yêu cầu xác định mục đích viết và người đọc ở đây chủ yếu nhằm nhắc nhở HS khi viết bài thường xuyên có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến. Từ *Ngữ văn 6*, các tiết thực hành viết đã luôn lưu ý HS điều này, ở *Ngữ văn 7* và các lớp tiếp theo của cấp THCS, lưu ý này sẽ được tiếp tục để HS khắc sâu thành một thói quen.

+ GV ra đề bài cụ thể cho HS thực hiện, chẳng hạn: Phân tích đặc điểm của nhân vật thầy Duy-sen trong văn bản *Người thầy đầu tiên*. GV hướng dẫn HS phân tích yêu cầu của đề bài (gạch dưới các từ ngữ quan trọng trong đề bài) để xác định nhiệm vụ viết. GV lưu ý HS khi viết cần có ý thức bám sát mục đích viết và đối tượng người đọc mà bài viết hướng tới. GV hướng dẫn cho HS tìm ý (thu thập các thông tin về nhân vật trong tác phẩm và đưa ra những suy luận về đặc điểm nhân vật) và lập dàn ý theo gợi ý như trong SHS. GV có thể dựa vào SHS để thiết kế phiếu tìm ý cho HS. Sau khi HS điền đầy đủ thông tin vào phiếu, nghĩa là đã hoàn thành việc tìm ý, GV hướng dẫn các em sắp xếp lại theo trật tự hợp lý để có một dàn ý. Dàn ý phải ghi rõ từng phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

+ GV hướng dẫn HS dựa vào dàn ý để thực hiện bài viết. Nên xem lại bài viết tham khảo và các VB đã đọc để biết cách viết các phần theo bố cục mà dàn ý đã nêu. Các em có thể làm việc cá nhân để hoàn thành phiếu tìm ý và trao đổi cặp đôi để góp ý cho nhau. Tùy vào điều kiện thời gian mà GV cho HS viết bài tại lớp hoặc ở nhà.

+ Chấm bài và trả bài là một khâu quan trọng của quá trình dạy học viết, GV không nên bỏ qua. Tuy vậy, cần triển khai theo cách linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Tuy phân phối chương trình có dự kiến thời gian trả bài cho tất cả các bài viết, nhưng tùy vào quy định về đánh giá và bối cảnh thực tế, GV chỉ chấm và trả bài cho cả lớp đối với một số bài viết; còn các bài viết khác, GV có thể chỉ chấm và trả bài cho một số HS và mời một vài HS trình bày bài viết trước lớp để GV và các bạn cùng lớp góp ý, nhận xét. Khi trả bài, GV cần cho HS nhắc lại để khắc sâu yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học và một vài lưu ý khi viết kiểu bài này. GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS và phân tích một số điểm tích cực lẫn hạn chế trong bài làm để HS rút kinh nghiệm.

+ GV trả bài cho HS và yêu cầu các em chỉnh sửa bài viết theo hướng dẫn trong SHS bằng hình thức làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Nếu có ý kiến thắc mắc về nhận xét đánh giá của GV, GV cần giải thích thỏa đáng trên tinh thần dân chủ. Hướng dẫn HS tự sửa lại những chỗ đã được GV đánh dấu, nhận xét. Có thể đề nghị các em đọc bài của nhau để trao đổi, học hỏi thêm.

4.1. Dạy học nói và nghe theo nguyên tắc giao tiếp

Để HS thực sự có cơ hội trình bày, chia sẻ, trao đổi trong giờ học nói và nghe theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018 với các bài học cụ thể của *Ngữ văn 7*, khi triển khai dạy học phần *Nói và nghe*, GV cần chú ý những nhân tố sau:

– Đối tượng giao tiếp: GV cần giúp HS xác định được những đề tài, nội dung nói và nghe cụ thể xuất phát từ chính những trải nghiệm, vốn sống của các em. GV cần định hướng để đề tài, nội dung nói và nghe được lựa chọn thực sự gây hứng thú cho HS đồng thời phù hợp với các yêu cầu cần đạt của bài học.

– Nhân vật giao tiếp: GV giúp HS xác định vai trò và các hoạt động phù hợp khi tham gia nói (trình bày vấn đề) hoặc khi nghe (tiếp nhận và phản hồi thích hợp trong khi nghe người khác trình bày).

– Mục đích giao tiếp: Trong mỗi bài học, HS đều được hướng dẫn để xác định rõ mục đích nói và nghe. Tuy nhiên, GV cần gợi ý để HS có thể chủ động trình bày mục đích nói và nghe một cách rõ ràng hơn khi thực hiện hoạt động nói và nghe với một đề tài, nội dung xác định. Chẳng hạn, với người nói: *Muốn làm rõ vấn đề gì nhất? Cần chia sẻ điều gì quan trọng? Mong muốn người nghe nắm bắt được điều gì nhất sau khi mình trình bày bài nói?*; với người nghe: *Mong muốn tiếp nhận được gì từ người nói? Có điều gì cần được làm rõ thêm từ người nói hay muốn trao đổi với người nói? Có thể học hỏi được gì từ kinh nghiệm của người nói?*

– Phương tiện giao tiếp: Cùng với khả năng sử dụng ngôn ngữ để trình bày, trao đổi, thảo luận, tranh luận,..., HS cần được hướng dẫn để sử dụng hiệu quả cử chỉ, điệu bộ,... và phương tiện hỗ trợ khi nói và nghe: sơ đồ, tranh ảnh, đoạn phim ngắn, các thẻ tín hiệu theo quy ước của GV và HS,...

4.2. Dạy học nói và nghe gắn kết với đọc, viết

GV cần chú ý mối quan hệ tích hợp, kết nối chặt chẽ giữa các hoạt động đọc, viết với hoạt động nói và nghe trong cách tổ chức bài học của *Ngữ văn 7*. Mối quan hệ này thể hiện trên cả phương diện loại, thể loại VB lẫn chủ đề, cụ thể là:

Bài	Đọc	Viết	Nói và nghe
Bài 1. Bầu trời tuổi thơ	Hai VB truyện và một VB thơ (VB kết nối về chủ đề) viết về thế giới tuổi thơ.	Tóm tắt một VB theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.	Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm.
Bài 2. Khúc nhạc tâm hồn	Hai VB thơ và một bài tản văn (VB kết nối về chủ đề) viết về tình yêu con người, cuộc sống.	Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.	Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc).
Bài 3. Cội nguồn yêu thương	Hai VB truyện và một VB thơ (VB kết nối về chủ đề) viết về tình yêu thương – tình cảm nuôi dưỡng tâm hồn con người.	Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.	Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học).
Bài 4. Giai điệu đất nước	Hai VB thơ viết về tình cảm đối với quê hương, đất nước và một VB nghị luận văn học (VB kết nối về chủ đề) phân tích một bài thơ có chủ đề quê hương, đất nước.	Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.	Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.
Bài 5. Màu sắc trăm miền	Hai VB tùy bút, tản văn và một VB thông tin (VB kết nối về chủ đề) viết về sự đa dạng của đời sống, văn hoá của nhiều vùng miền.	Viết VB tường trình	Trình bày ý kiến về vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại.
Bài 6. Bài học cuộc sống	Các VB truyện ngụ ngôn, tục ngữ và một VB truyện truyền kì (VB kết nối về chủ đề) viết về những bài học đúc kết từ cuộc sống.	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).	Kể lại một truyện ngụ ngôn.

Bài	Đọc	Viết	Nói và nghe
Bài 7. Thế giới viễn tưởng	Hai VB truyện khoa học viễn tưởng viết về thế giới tưởng tượng dựa trên cơ sở khoa học và một VB thông tin (VB kết nối về chủ đề) viết về niềm đam mê khám phá thế giới.	Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.	Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người.
Bài 8. Trải nghiệm để trưởng thành	Hai VB nghị luận và một VB thơ (VB kết nối về chủ đề) viết về ý nghĩa của trải nghiệm đối với quá trình trưởng thành của mỗi con người.	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối).	Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống.
Bài 9. Hoà điệu với tự nhiên	Hai VB thông tin và một VB tản văn (VB kết nối về chủ đề) viết về môi trường sống và cách chúng ta ứng xử với môi trường sống.	Viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.	Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.
Bài 10. Trang sách và cuộc sống	VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (VB đọc chính) và một VB “phỏng vấn” nhà văn (VB kết nối về chủ đề)	Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc. (Có thể chọn một hoạt động viết khác: thể hiện nội dung tóm tắt của một câu chuyện theo hình thức truyện tranh hoặc kể lại một câu chuyện theo hình thức thơ bốn chữ, năm chữ.)	Giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách; trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.

Phần *Nói và nghe* là một trong những điểm nhấn nổi bật của SGK *Ngữ văn 7*, thể hiện việc hiện thực hoá các yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông môn *Ngữ văn* năm 2018 trong việc dạy học *Ngữ văn* theo quan điểm giao tiếp và phát triển năng

lực. Chính vì thế, trong quá trình tổ chức dạy học, GV cần chú ý đến việc tổ chức hoạt động nói và nghe bám sát yêu cầu cần đạt của bài học nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học và các năng lực chung của HS.

4.3. Các kiểu bài nói và nghe trong *Ngữ văn 7*

Được phân bố liên tục trong 10 bài học, hoạt động nói và nghe trong SGK *Ngữ văn 7* tập trung vào các kiểu bài sau đây:

a. Kể

Kể lại một truyện ngụ ngôn (bài 6)

b. Nghị luận (trình bày ý kiến, thảo luận)

- Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm (bài 1).
- Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc) (bài 2).
- Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học) (bài 3).
- Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng (bài 4).
- Trình bày ý kiến về vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại (bài 5).
- Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người (bài 7).
- Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (bài 8, bài 10).

c. Thuyết minh

Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động (bài 9).

4.4. Quy trình dạy học nói và nghe

Hoạt động nói và nghe được thực hiện trên lớp, được phân bố sau các phần: *Đọc* (bao gồm cả *Thực hành tiếng Việt*) và *Viết*. Quy trình tổ chức dạy học nói và nghe trong SGK *Ngữ văn 7* có thể được hình dung đại lược như sau:

- Bước 1: Giới thiệu kiểu bài, yêu cầu
- Bước 2: Tổ chức, hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói và tập luyện
- Bước 3: Tổ chức, hướng dẫn HS trình bày bài nói
- Bước 4: Tổ chức, hướng dẫn HS nhận xét, trao đổi về bài nói

Tùy theo năng lực của HS và yêu cầu của từng kiểu bài, GV có thể vận dụng quy trình này một cách linh hoạt để bảo đảm hoạt động nói và nghe trên lớp đạt hiệu quả.

1 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SGK NGỮ VĂN 7

Tương ứng với mỗi bài học trong SHS có một bài hướng dẫn dạy học trong SGK. Mỗi bài hướng dẫn dạy học đều có cấu trúc gồm các phần: *Yêu cầu cần đạt*, *Chuẩn bị*, *Tổ chức hoạt động dạy học*.

Yêu cầu cần đạt có nội dung thống nhất với SHS. Với mỗi phần gắn với các hoạt động đọc, viết, nói và nghe, thực hành tiếng Việt, các yêu cầu cần đạt được phân tích và giải thích rõ hơn, phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất của HS trong các hoạt động, nội dung dạy học cụ thể. Trong SHS, yêu cầu cần đạt của mỗi bài học chỉ tập trung vào yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù (được thể hiện trong Chương trình ở từng lớp của môn Ngữ văn) và yêu cầu cần đạt về phẩm chất gắn với nội dung của các VB đọc. Tuy vậy, GV cần lưu ý các bài học trong SHS Ngữ văn mới còn cần hướng đến mục tiêu giúp HS phát triển các năng lực chung được quy định trong Chương trình tổng thể, bao gồm: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp (cũng là năng lực đặc thù của môn Ngữ văn) và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. HS cần được phát triển các năng lực chung này ở tất cả các bài học, vì vậy SHS không thể hiện riêng trong yêu cầu cần đạt của từng bài. GV cần nắm được điều này để không bỏ qua cơ hội giúp HS phát triển các năng lực chung khi tổ chức các hoạt động dạy học. Ngoài ra, đối với yêu cầu đọc hiểu VB, tuy yêu cầu đọc hiểu về nội dung của VB như đề tài, chủ đề hay tình cảm, cảm xúc của người viết được đặt ra đối với mọi VB, nhưng để tránh trùng lặp, SHS chỉ thể hiện trong yêu cầu cần đạt của một số bài, coi như là một điểm nhấn của bài đó.

Chuẩn bị gồm hai nội dung: 1. *Tri thức ngữ văn cho GV*; 2. *Phương tiện dạy học*. Ở nội dung *Tri thức ngữ văn cho GV*, SGK trình bày, phân tích những khái niệm công cụ đầy đủ hơn và sâu hơn so với SHS. GV không phải trình bày lại cho HS những tri thức này vì những gì HS cần nắm đã có trong SHS, nhưng GV cần được trang bị thêm tri thức ngữ văn để có thể làm chủ được bài dạy. Ngoài ra, SGK cũng cung cấp thêm một số nguồn tài liệu tham khảo để GV tự nghiên cứu, đào sâu thêm tri thức công cụ nếu thấy cần thiết. *Phương tiện dạy học*, vừa có những phương tiện chung cho các bài (gồm các phương tiện cần phải có như SHS, SGK và các phương tiện có thể có như máy tính và màn hình trình chiếu), vừa có những phương tiện riêng, đặc trưng cho từng bài. GV cần nắm vững mục tiêu của từng bài học và tính chất của các hoạt động trong bài để chuẩn bị cho phù hợp.

Tổ chức hoạt động dạy học bám sát các hoạt động đã được thiết kế trong SHS, bao gồm các nội dung chính sau:

- *Tìm hiểu Giới thiệu bài học và Khám phá Tri thức ngữ văn*: Hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy học phần mở đầu của một bài học, đặc biệt là hướng dẫn GV cách giúp HS khai

thác và vận dụng tri thức ngữ văn. (Phần *Đề từ HS tự tìm hiểu*, GV không cần tổ chức dạy học ở lớp.)

- *Đọc văn bản và Thực hành tiếng Việt*: Trong hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy học đọc VB và hoạt động thực hành tiếng Việt có hai nội dung chính: *Phân tích yêu cầu cần đạt*; *Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học* (gắn với các phần và các câu hỏi cụ thể trong từng bài). Bên cạnh những bài tập yêu cầu HS vận dụng kiến thức mới về tiếng Việt vừa được hình thành trong bài học, còn có những bài tập đòi hỏi HS phải vận dụng những kiến thức đã học từ trước. Với cách thiết kế bài tập tiếng Việt như vậy, HS vừa được thực hành tiếng Việt gắn với ngữ cảnh là VB các em vừa đọc (các hiện tượng ngôn ngữ trong một VB ít khi chỉ liên quan đến một kiến thức ngôn ngữ duy nhất), vừa có cơ hội ôn lại kiến thức tiếng Việt đã học.

- *Viết, Nói và nghe*: Trong mỗi phần đều có hai nội dung quan trọng: *Phân tích yêu cầu cần đạt* và *Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học*. Riêng phần *Viết* có thêm nội dung *Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn*. Đây là cơ sở để GV có được định hướng sáng rõ khi hướng dẫn HS viết theo từng kiểu bài đáp ứng yêu cầu của Chương trình và khi đánh giá bài viết của các em.

- *Củng cố, mở rộng; Thực hành đọc*: GV cần khuyến khích HS phát huy năng lực tự học khi khai thác các nội dung này. GV cũng có thể căn cứ vào những gợi ý trong SHS và SGV để xây dựng thêm các công cụ hướng dẫn HS tự học, tự ôn tập. Ở phần *Thực hành đọc*, HS tự đọc một VB được đề xuất trong SHS, nhưng GV cần kiểm soát được việc tự đọc này của các em thông qua những hình thức kiểm tra đa dạng (đề nghị HS báo cáo, trực tiếp xem các ghi chép,...). GV có thể kiểm tra kết quả thực hành đọc của HS trong các tiết *Đọc mở rộng* được tổ chức ở lớp.

2 GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ, SÁCH THAM KHẢO CỦA NXBGDVN

Ngoài SHS và SGV, *Ngữ văn 7* còn có SBT (*Bài tập Ngữ văn 7*, tập một và *Bài tập Ngữ văn 7*, tập hai). Sách được biên soạn theo hướng bám sát các yêu cầu cần đạt của SHS và có mở rộng về ngữ liệu nhằm tăng vốn hiểu biết và phát triển kĩ năng ngôn ngữ cho HS, chủ yếu là kĩ năng đọc và viết. Đúng với tính chất một tài liệu thực hành, sách thiết kế các dạng bài tập ngắn và đa dạng, HS có thể hoàn thành nhanh và cảm thấy hứng thú với việc hoàn thành những bài tập này.

Sách dùng các đoạn trích hoặc VB ngắn làm ngữ liệu, trong đó có khoảng 60% ngữ liệu lấy từ SHS, chủ yếu là VB thực hành đọc ở cuối mỗi bài học, và khoảng 40% các ngữ liệu hoàn toàn mới. Ngay cả những ngữ liệu có trong SHS thì phần lớn cũng là những đoạn trích HS cần phải tự đọc để trả lời câu hỏi và làm bài tập. Hướng sử dụng ngữ liệu này nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới đánh giá năng lực của người học, tránh được tình

trạng hoàn thành bài tập nhờ ghi nhớ máy móc. Sau khi đọc mỗi đoạn trích hoặc VB ngắn, HS cần phải trả lời một số câu hỏi (thuộc ba cấp độ: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng) kiểm tra khả năng đọc hiểu nội dung, đặc điểm loại, thể loại VB và hoàn thành một số bài tập kiểm tra khả năng nhận biết và sử dụng các đơn vị ngôn ngữ. SBT cũng thiết kế một số đề luyện viết thuộc các kiểu bài HS đã được thực hành trong SHS, nhưng chỉ là viết đoạn có nội dung phong phú và mở hơn nhằm tạo thêm cơ hội cho HS được luyện tập và phát triển kỹ năng viết. Ngoài ra, đôi khi còn có bài tập luyện viết yêu cầu HS lập dàn ý cho một đề bài cụ thể, giúp HS nâng cao một kỹ năng quan trọng trong hoạt động viết.

Phần hai của sách là *Gợi ý làm bài*. Với những câu hỏi tự luận, sách không đưa đáp án có sẵn, nhưng có gợi ý đủ rõ giúp HS có thể kiểm tra kết quả làm bài của mình; phần nào HS không tự làm được thì có thể dựa vào gợi ý để hoàn thành. Nhờ đó, HS có thể sử dụng sách này để tự học và tự đánh giá kết quả học tập của bản thân.

Bài tập Ngữ văn 7 không chỉ là tài liệu giúp HS phát triển kỹ năng đọc, viết, nói và nghe mà còn là công cụ hỗ trợ cho GV trong việc thiết kế các bài tập hoặc để kiểm tra, đánh giá theo định hướng mới.

3 HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

3.1. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY

3.1.1. Chuẩn bị tài liệu

- Công văn số 5512/BGDDT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (ban hành ngày 18/12/2020).
- Phụ lục IV kèm theo Công văn 5512 về Khung kế hoạch bài dạy.
- Ngữ văn lớp 7 – SGK.
- Ngữ văn lớp 7 – SGV.

3.1.2. Các bước thiết kế kế hoạch bài dạy

- Xác định bài dạy, mục tiêu bài dạy, các thiết bị và học liệu cần chuẩn bị.
- Xác định các hoạt động chính của bài dạy (gồm Đọc, Viết, Nói và nghe).
- Xác định mục tiêu, nội dung, sản phẩm và cách tổ chức thực hiện từng hoạt động dạy học cụ thể (được quy thành 4 nhóm: khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng).

3.2. BÀI SOẠN MINH HOẠ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Kế hoạch bài dạy này do một GV đang dạy SGK *Ngữ văn 6*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* biên soạn. Mỗi bài học có thể có những phương án tổ chức dạy học khác nhau. Vì vậy, quý thầy cô chỉ nên xem đây là một “kịch bản” tham khảo.

BÀI 1. BẦU TRỜI TUỔI THƠ

(13 tiết)

A. MỤC TIÊU

Sau khi học xong bài 1. *Bầu trời tuổi thơ*, HS có thể:

I. Về năng lực

1. Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

– Nêu được ấn tượng chung về VB và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm VB.
– Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện.

– Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu.

– Biết tóm tắt một VB theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.

– Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

– Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

II. Về phẩm chất

Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

Nội dung dạy học	Phương pháp, phương tiện	Chuẩn bị trước giờ học của HS
Độc hiểu Văn bản 1: <i>Bầy chim chia vui</i> (3 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, tái tạo, làm việc nhóm,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	– Đọc trước phần <i>Tri thức Ngữ văn</i> trong SGK (tr. 10). – Thực hiện phiếu học tập số 1, 2.
Thực hành tiếng Việt (1 tiết)	– Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, làm việc nhóm, thuyết trình,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	– Đọc trước mục <i>Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ</i> trong <i>Tri thức ngữ văn</i> (tr. 10) và ô <i>Nhận biết tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ</i> (tr. 17).

Văn bản 2: <i>Đi lấy mật</i> (3 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, tái tạo, làm việc nhóm,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	Thực hiện phiếu học tập.
Thực hành tiếng Việt (1 tiết)	– Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, làm việc nhóm, thuyết trình,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Xem lại nội dung <i>Nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu</i> (Ngữ văn 6, tập một, tr. 66).
Văn bản 3: <i>Ngân sao làm việc và hướng dẫn Thực hành đọc</i> (1 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, tái tạo, làm việc nhóm,... – Phương tiện: SGK, phiếu học tập.	Thực hiện các nhiệm vụ đọc hiểu được giao.
Viết: Tóm tắt VB theo những yêu cầu khác nhau về độ dài (3 tiết)	– Phương pháp: dạy học theo mẫu, thực hành viết theo tiến trình, gợi mở, làm việc nhóm,... – Phương tiện: SGK, phiếu học tập.	Đọc yêu cầu đối với VB tóm tắt, đọc bài tóm tắt tham khảo.
Nói và nghe: Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm (1 tiết)	– Phương pháp: làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm,... – Phương tiện: SGK, phiếu đánh giá theo tiêu chí.	Chuẩn bị nội dung nói, tập luyện trước khi nói (SGK, tr. 30 – 31).

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU BÀI HỌC

1. Mục tiêu

- HS nhận biết được chủ đề và thể loại chính được học trong bài.
- HS nắm được các khái niệm công cụ như đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật.

2. Nội dung: HS đọc SGK, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học và các tri thức công cụ.

3. Sản phẩm: câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của nhóm.

4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
1. Tìm hiểu <i>Giới thiệu bài học</i> Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i>, nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài. Thực hiện nhiệm vụ: HS dựa vào kết quả chuẩn bị bài ở nhà và đọc lại phần <i>Giới thiệu bài học</i> ở lớp để nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học. Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ kết quả trước lớp. Kết luận, nhận định: GV đánh giá, nhận xét chung, nhấn mạnh chủ đề và thể loại chính trong bài học. 2. Khám phá <i>Tri thức ngữ văn</i>⁽¹⁾ Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 1. GV yêu cầu HS vận dụng “tri thức ngữ văn” đã tìm hiểu khi chuẩn bị bài và nhớ lại nội dung một truyện ngắn đã học, chẳng hạn <i>Gió lạnh đầu mùa</i> của Thạch Lam để trả lời các câu hỏi: – Truyện “<i>Gió lạnh đầu mùa</i>” viết về đề tài gì? Dựa vào đâu mà em xác định được như vậy? – Ai là nhân vật chính? Nêu cảm nhận của em về tính cách nhân vật chính. – Nhắc lại một chi tiết trong truyện mà em nhớ nhất. Chia sẻ với các bạn vì sao em nhớ nhất chi tiết đó. Thực hiện nhiệm vụ: – HS vận dụng kiến thức đã được học để trả lời câu hỏi và trao đổi câu trả lời trong nhóm. – GV định hướng, gợi ý thêm để HS có câu trả lời phù hợp.	– Chủ đề: thế giới tuyệt đẹp của tuổi thơ – Thể loại: truyện – Truyện viết về thế giới tuổi thơ. Truyện kể xoay quanh các sự việc liên quan đến các bạn nhỏ như: chị em Sơn, Hiền... – Nhân vật chính là Sơn, cậu bé có tính cách hiền lành, giàu tình yêu thương. – HS chia sẻ các chi tiết tùy theo lựa chọn cá nhân.

⁽¹⁾ Khám phá tri thức giúp HS có tri thức công cụ để đọc hiểu VB, vì thế, có thể được tổ chức dạy học trong hoạt động *Tìm hiểu chung* khi đọc VB1.

Báo cáo, thảo luận: GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp, đại diện khoảng 3 nhóm trình bày ngắn gọn. Nên tạo cơ hội cho các nhóm có học lực khác nhau tham gia. Các nhóm khác nhận xét. Kết luận, nhận định: GV nhấn mạnh lại các khái niệm đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật và lưu ý HS về vai trò của “tri thức ngữ văn” trong quá trình đọc VB.	
---	--

II. ĐỌC VĂN BẢN 1: BẦY CHIM CHÌA VÔI (Nguyễn Quang Thiều)

Hoạt động 1. Khởi động

- Mục tiêu:** giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm trong cuộc sống của các em với nội dung VB.
- Nội dung:** HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm:** câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Giao nhiệm vụ: GV nêu nhiệm vụ: <i>Hãy chia sẻ một trải nghiệm đẹp của tuổi thơ em. Ghi lại một số từ ngữ diễn tả cảm xúc của em khi nghĩ về trải nghiệm đó.</i> Thực hiện nhiệm vụ: – HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế, nhớ lại những cảm xúc chân thật nhất về trải nghiệm của bản thân. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu. – Lưu ý, nếu HS không nhớ trải nghiệm tuổi thơ thì có thể nhắc lại trải nghiệm mới nhất mà các em vừa trải qua.	Câu trả lời của mỗi cá nhân HS (tùy theo hiểu biết và trải nghiệm của bản thân).

Báo cáo, thảo luận: Yêu cầu khoảng 4 HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích. GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật. Kết luận, nhận định: – GV cũng có thể (không nhất thiết) chia sẻ cùng HS về trải nghiệm tuổi thơ của chính mình, kết nối với bài học: <i>Qua việc đọc VB “Bầy chim chia vui” ở nhà, em có biết Mên và Mon có trải nghiệm tuổi thơ đáng nhớ nào không? Em có thích trải nghiệm đó không? Vì sao?</i> – GV khơi gợi vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới.	
---	--

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

– HS nhận biết được đề tài, ngôi kể, nhân vật, các sự kiện chính; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, qua đó nắm được tính cách nhân vật.

– Kết nối VB với trải nghiệm cá nhân; bồi đắp cảm xúc thẩm mĩ, tình yêu thiên nhiên, sự trân trọng đối với đời sống của muôn loài.

2. Nội dung: HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Sản phẩm: câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
1. Hướng dẫn HS tìm hiểu chung – Hướng dẫn HS bước đầu định hướng cách đọc VB <i>Bầy chim chia vui</i>: <i>Em đã biết thế nào là truyện, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật,... Dựa vào những hiểu biết này, em định hướng sẽ thực hiện những hoạt động nào để đọc hiểu VB “Bầy chim chia vui”?</i> – Yêu cầu HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về nhà văn Nguyễn Quang Thiều (HS đã chuẩn bị ở nhà, nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 1).	1. Tìm hiểu chung a. Cách đọc hiểu VB truyện b. Tác giả – Nguyễn Quang Thiều sinh năm 1957 tại Hà Nội. – Ông từng được trao tặng hơn 20 giải thưởng văn học trong nước và quốc tế.

2. Khám phá văn bản a. Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu đề tài, ngôi kể, nhân vật, cốt truyện Giao nhiệm vụ: – GV yêu cầu HS dựa vào phiếu học tập số 2 (đã chuẩn bị ở nhà) và cho biết đề tài, ngôi kể, nhân vật trong truyện. – GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: Dựa trên kết quả của phiếu học tập số 2, tóm tắt bằng lời câu chuyện trong VB <i>Bầy chim chìa vôi</i>. – GV yêu cầu HS: Từ việc đọc VB ở nhà và tóm tắt cốt truyện, em hãy chọn đọc diễn cảm một đoạn trong VB mà em thấy thích nhất; chia sẻ lí do vì sao em ấn tượng với đoạn đó; chỉ ra tác dụng của các thủ pháp đọc trong đoạn VB em đọc (nếu có). – GV yêu cầu HS trao đổi về những từ ngữ khó trong VB. Thực hiện nhiệm vụ: – HS trả lời câu hỏi. – HS đọc diễn cảm một số đoạn được chọn trong VB, chú ý sử dụng các thủ pháp chỉ dẫn đọc ở bên phải VB. – Tìm hiểu nghĩa của các từ khó, ghi lại những từ chưa hiểu; vận dụng các câu hỏi trong khi đọc để hiểu VB. Báo cáo, thảo luận: – HS trả lời câu hỏi, thảo luận, đọc diễn cảm. – HS giải thích nghĩa của các từ được chú thích trong SGK, nêu những từ khó mà chưa được chú thích. Kết luận, nhận định: GV nhận xét cách đọc của HS và kết luận về đề tài, nhân vật, ngôi kể, cốt truyện.	2. Khám phá văn bản a. Tìm hiểu đề tài, ngôi kể, nhân vật, cốt truyện – Truyện kể về hai nhân vật Mên và Mon. Nội dung câu chuyện xoay quanh sự lo lắng, quan tâm của Mên và Mon đối với bầy chim chìa vôi giữa lúc nước sông đang dâng cao. – Đề tài về thế giới tuổi thơ. – Câu chuyện được kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ ba. – Các sự kiện chính trong câu chuyện: + Mên và Mon tỉnh giấc khi bên ngoài trời đang mưa to, nước sông dâng cao. Cả hai lo lắng cho bầy chim chìa vôi non ngoài bãi sông. + Mên và Mon muốn đưa bầy chim non vào bờ. + Hai anh em tìm cách xuống đò ra bãi cát để mang bầy chim vào bờ nhưng không được, đành quay lại quan sát. + Bầy chim chìa vôi non đã bay lên được, thoát khỏi dòng nước khổng lồ trước sự ngỡ ngàng, vui sướng của hai anh em. – Giải thích nghĩa của từ được chú thích trong SGK. HS có thể nêu thêm những từ khó khác.
---	--

b. Tìm hiểu nhân vật Mên và Mon**Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và nhóm. Một số nhóm thực hiện phiếu học tập số 3 tìm hiểu nhân vật Mon, một số nhóm thực hiện phiếu học tập số 4 tìm hiểu nhân vật Mên.

Thực hiện nhiệm vụ:

– HS hoàn thành sản phẩm cá nhân, thống nhất kết quả của nhóm, ghi câu trả lời vào phiếu học tập.

– GV quan sát, hỗ trợ HS.

Báo cáo, thảo luận:

Đại diện khoảng 3 nhóm trình bày kết quả thực hiện phiếu học tập số 3, 4 và thảo luận.

Kết luận, nhận định:

– GV nhận xét, đánh giá; chốt lại kiến thức.
– GV kết nối với phần *Tri thức ngữ văn* để HS hiểu hơn về chi tiết, tính cách nhân vật bằng câu hỏi:

+ Nếu em là Mên và Mon, em có ra bến đò không? Vì sao?

+ Qua những tìm hiểu trên, em nhận thấy chi tiết trong truyện có vai trò như thế nào?

+ Làm cách nào để xác định tính cách của nhân vật?

– GV liên hệ thực tế, nhấn mạnh cách nhìn nhận, đánh giá con người trong cuộc sống.

b. Tìm hiểu nhân vật Mên và Mon**Nhân vật Mon:**

– Lời nói: *Có lẽ sắp ngập mất bãi cát rồi; Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất; Thế anh bảo chúng nó có bơi được không?; Tổ chim ngập mất anh ạ. Mình phải mang chúng nó vào bờ, anh ạ.*

– Cử chỉ, hành động: không ngủ, nằm im lặng; liên tục hỏi anh làm thế nào để mang chim vào bờ; xuống đò cùng anh.

– Tâm trạng, suy nghĩ: lo lắng, sợ nước sông dâng ngập bãi cát, bầy chim chìa vôi non sẽ bị chết đuối.

– Nhận xét về Mon: Cậu bé có tâm hồn trong sáng, nhân hậu, biết yêu thương loài vật, trân trọng sự sống.

Nhân vật Mên:

– Lời nói: *Thế làm thế nào bây giờ?; Chứ còn sao; Nào, xuống đò được rồi đấy; Phải kéo về bến chứ, không thì chết. Bây giờ tao kéo còn mày đấy;...*

– Cử chỉ, hành động: không ngủ, nằm im lặng, quyết định xuống đò cùng em; giọng tỏ vẻ người lớn; quấn cái dây buộc đò vào người và gò lưng kéo;...

– Tâm trạng, suy nghĩ: lo lắng cho bầy chim chìa vôi non, bình tĩnh bảo vệ em và con đò.

– Nhận xét về nhân vật Mên: Thể hiện mình là người sống có trách nhiệm, biết suy nghĩ, hành động dứt khoát, bình tĩnh, quan tâm, bảo vệ em, yêu loài vật.

– HS trả lời theo cảm nhận, suy nghĩ riêng.

– HS vận dụng tri thức ngữ văn và nội dung đã diễn trong phiếu học tập để trả lời về vai trò của các chi tiết trong truyện và cách để xác định tính cách nhân vật.

c. Tìm hiểu đoạn kết truyện

Giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS đọc đoạn cuối truyện (Từ *Khi ánh bình minh đã đủ sáng đến hết*) và thực hiện các nhiệm vụ sau:

– *Hình dung, tưởng tượng và miêu tả lại hình ảnh “huyền thoại” mà Mên và Mon chứng kiến bằng lời văn của em (Chú ý miêu tả thời gian, không gian, cảnh vật, tập trung vào hình ảnh bầy chim chìa vôi).*

– *Đọc đoạn văn miêu tả khung cảnh bãi sông trong buổi bình minh, em ấn tượng nhất với chi tiết nào? Vì sao?*

– *Trong đoạn kết, Mên và Mon hình như không hiểu rõ vì sao mình lại khóc. Theo em, điều gì đã khiến các nhân vật có cảm xúc như vậy?*

Thực hiện nhiệm vụ:

– HS đọc và tự chọn chi tiết ấn tượng nhất đối với bản thân. HS làm việc cá nhân.

– GV gợi ý HS tự đặt mình vào hoàn cảnh nhân vật để lí giải.

Báo cáo, thảo luận:

HS chia sẻ kết quả sản phẩm, trao đổi, thảo luận.

Kết luận, nhận định:

– GV nhận xét, đánh giá chung, nhấn mạnh những chi tiết hay, những cách cảm nhận, lí giải sâu sắc và tinh tế.

– Liên hệ thực tế, gợi dẫn đến vẻ đẹp của lòng dũng cảm; của những khoảnh khắc con người vượt qua gian nan, thử thách để trưởng thành,...

3. Tổng kết

– *Nêu nội dung chính của truyện “Bầy chim chìa vôi”.*

– *Điều gì đã làm nên sức hấp dẫn của truyện?*

– *Truyện đã tác động như thế nào đến suy nghĩ và tình cảm của em?*

GV kết nối với những nội dung chính của bài học, nhấn mạnh đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật khi đọc truyện; chốt kiến thức toàn bài.

c. Tìm hiểu đoạn kết truyện

– HS hình dung và miêu tả theo sự sáng tạo riêng: cảnh tượng như huyền thoại vì bầy chim chìa vôi non bé bỏng không bị chết đuối mà vọt bay lên, bứt khỏi dòng nước khổng lồ một cách ngoạn mục, trước sự ngỡ ngàng, vui sướng của hai anh em.

– Tuỳ vào cảm nhận, mỗi HS có lí do riêng để chọn chi tiết mình thích, chẳng hạn: khoảnh khắc bầy chim chìa vôi cất cánh, chi tiết miêu tả bầy chim non,...

– Mỗi HS sẽ có những cách lí giải riêng, có thể:

+ Mên và Mon đã quá lo lắng cho bầy chim chìa vôi, nhìn thấy chúng an toàn cả hai cảm thấy vui sướng, hạnh phúc.

+ Vui mừng, xúc động khi bầy chim được an toàn.

3. Tổng kết

– Truyện kể về tình cảm của hai anh em Mên và Mon đối với bầy chim chìa vôi.

– Sức hấp dẫn của truyện:

+ Lời thoại, cử chỉ, hành động, suy nghĩ chân chất, mộc mạc, mang nét hồn nhiên trẻ thơ của nhân vật.

+ Các sự việc đậm chất đời thường, gần gũi với trẻ thơ, đặc biệt là những việc làm giàu tính nhân văn.

+ Nghệ thuật miêu tả tinh tế, đầy chất thơ, nhiều cảm xúc.

– HS nêu nhận thức riêng về sự tác động của truyện đến bản thân.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu: củng cố kiến thức, kỹ năng đã học.

2. Nội dung: HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn ngắn từ một nội dung của truyện.

3. Sản phẩm: đoạn văn của HS.

4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
1. Luyện tập đọc hiểu Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu sau: <i>Khi đọc một VB truyện, em cần chú ý những yếu tố nào?</i> Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ. Báo cáo, thảo luận: Khoảng 3 – 4 HS chia sẻ kết quả sản phẩm, góp ý, bổ sung cho sản phẩm của bạn. Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá kết quả sản phẩm, nhấn mạnh cho HS một số kỹ năng đọc hiểu. 2. Viết kết nối với đọc Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS: <i>Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể lại sự việc bầy chim chia với bay lên khỏi bãi sông bằng lời của một trong hai nhân vật Mon hoặc Mên (ngôi kể thứ nhất).</i> Thực hiện nhiệm vụ: Hướng dẫn HS chọn nhân vật kể, ngôi kể; chú ý thay đổi lời kể theo ngôi thứ nhất, lựa chọn giọng kể phù hợp, đảm bảo sự việc đầy đủ, chi tiết. GV quan sát, hỗ trợ những HS gặp khó khăn. Báo cáo, thảo luận: Một số HS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn. Các tiêu chí có thể như sau: – Nội dung: Kể đúng nội dung sự việc, đảm bảo sự đầy đủ, chính xác của các chi tiết. – Ngôi kể: sử dụng ngôi kể thứ nhất. – Chính tả và diễn đạt: đúng chính tả và không mắc lỗi diễn đạt. – Dung lượng: khoảng 5 – 7 câu. Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS.	Câu trả lời: – Cần chú ý đề tài để có định hướng đọc hiểu đúng. – Chú ý các sự kiện chính, chi tiết tiêu biểu về nhân vật (lời nói, cử chỉ, hành động,...) để hiểu nội dung, nghệ thuật của truyện. Đoạn văn của HS đảm bảo đúng yêu cầu.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung: vẽ tranh, tự chọn đọc một VB truyện có chủ đề về thế giới tuổi thơ.

3. Sản phẩm: nhật kí đọc sách.

4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện ở nhà: – Vẽ tranh thể hiện một chi tiết nghệ thuật mà em ấn tượng trong VB “Bầy chim chìa vôi”. – Tìm đọc một truyện ngắn có chủ đề về thế giới tuổi thơ và điền thông tin phù hợp vào nhật kí đọc sách do em thiết kế theo mẫu gợi ý. Chuẩn bị chia sẻ kết quả đọc mở rộng của em với các bạn trong nhóm hoặc trước lớp. Thực hiện nhiệm vụ: HS vẽ tranh, tự tìm đọc một truyện ngắn theo yêu cầu, nhận biết đề tài, chi tiết, ấn tượng chung về nhân vật và ghi lại kết quả đọc vào nhật kí đọc sách; chuẩn bị trao đổi kết quả đọc ở tiết Đọc mở rộng.	– Tranh vẽ của HS. – Nhật kí đọc sách, chuẩn bị cho phần trao đổi ở tiết Đọc mở rộng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Đọc thầm phần *Tri thức ngữ văn*. Điền các từ ngữ phù hợp vào chỗ trống trong các câu dưới đây.

- a. Đề tài là được thể hiện trong tác phẩm văn học.
- b. Để xác định và gọi được tên đề tài, có thể dựa vào được miêu tả, không gian được tái hiện hoặc được đặt ở vị trí trung tâm của tác phẩm.
- c. Một tác phẩm có thể đề cập nhiều đề tài, trong đó có một đề tài.....
- d. Chi tiết là tạo nên thế giới hình tượng.
- e. Tính cách nhân vật là tương đối ổn định của nhân vật, được bộc lộ qua mọi hành động, cách ứng xử, cảm xúc, suy nghĩ,...

2. Tìm hiểu, ghi vắn tắt thông tin giới thiệu về nhà văn Nguyễn Quang Thiều.

Điều em tìm hiểu được về nhà văn Nguyễn Quang Thiều:

.....

.....

.....

3. Hãy chia sẻ cảm xúc, ấn tượng của em sau khi đọc văn bản *Bầy chim chìa vôi*.

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. Đọc thầm văn bản *Bầy chim chìa vôi*, dừng lại ở cuối mỗi phần và ghi vắn tắt kết quả đọc theo gợi dẫn sau đây.

1.1. Phần (1) kể về:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1.2. Phần (2) kể về:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1.3. Phần (3) kể về:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Trả lời các câu hỏi sau để tìm hiểu chung về văn bản.

2.1. Hãy cho biết đề tài của văn bản truyện.

.....

2.2. Truyện được kể ở ngôi thứ mấy?

.....

2.3. Hãy cho biết các nhân vật trong truyện.

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

1. Đọc văn bản và tìm hiểu nhân vật Mon theo gợi dẫn:

1.1. Tìm hiểu nhân vật Mon trong phần (1)

- Câu chuyện được đề cập trong lời nói của Mon:
- Cử chỉ, hành động của Mon:.....
- Tâm trạng, suy nghĩ của Mon:.....

1.2. Tìm hiểu nhân vật Mon trong phần (2)

- Câu chuyện được đề cập trong lời nói của Mon:
- Cử chỉ, hành động của Mon:.....
- Tâm trạng, suy nghĩ của Mon:.....

1.3. Tìm hiểu nhân vật Mon trong phần (3)

- Hành động của Mon:.....
- Cảm xúc, suy nghĩ của Mon khi chứng kiến bầy chim chìa vôi bay lên:

2. Làm việc theo nhóm 4 thành viên để chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ 1 và cùng thảo luận.

2.1. Em cảm nhận như thế nào về tính cách nhân vật Mon?

.....

2.2. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật Mon.

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

1. Đọc văn bản và tìm hiểu nhân vật Mên theo gợi dẫn:

1.1. Tìm hiểu nhân vật Mên trong phần (1)

– Câu chuyện được đề cập trong lời nói của Mên:

– Cử chỉ, hành động của Mên:

– Tâm trạng, suy nghĩ của Mên:

1.2. Tìm hiểu nhân vật Mên trong phần (2)

– Câu chuyện được đề cập trong lời nói của Mên:

– Cử chỉ, hành động của Mên:

– Tâm trạng, suy nghĩ của Mên:

1.3. Tìm hiểu nhân vật Mên trong phần (3)

– Hành động của Mên:

– Cảm xúc, suy nghĩ của Mên khi chứng kiến bầy chim chìa vôi bay lên:

.....
.....

2. Làm việc theo nhóm 4 thành viên để chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ 1 và cùng thảo luận.

2.1. Em cảm nhận như thế nào về tính cách nhân vật Mên?

.....

2.2. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật Mên.

.....

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập NGUYỄN HIỀN TRANG

Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHẠM THỊ HỒNG

Biên tập nội dung: THÂN THUỖ TRANG – TRẦN MAI THANH HẰNG

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Thiết kế sách: ĐINH THANH LIÊM

Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội.

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
MÔN NGỮ VĂN LỚP 7**

BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB: ... /CXBIPH/...-.../GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....

